

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

18

Giám-Đốc : NGUYỄN-VŨ

- Học phiệt và Văn phiệt NGUYỄN-VŨ
Tu-Trung-trú đầu LƯƠNG TRỌNG MINH
Nguyễn công Trứ NGUYỄN TRIỆU
Phố Hiến NGUYỄN TRIỆU
+ Công Chúa Ngọc-Ven và xứ Đồng Nai ... THÁI VĂN KIỂM
Một đời người THIỀU-SƠN
★ Quang-Trung hội kiến với La Sơn Phu Tử - PHONG CẨM
★ Văn sĩ tiền chiến: LÊ-VĂN-TRƯỜNG ... NGUYỄN-VŨ
Đường hai ngả (chuyện ngắn) HOÀNG-THẮNG
■ Chiếu-Quán và Huyền-Trần công-chúa ... MINH-KHA
Norton I, Hoàng-đế nước Mỹ TÂN-PHONG
Vào sâu (thơ) PHƯƠNG-DUYÊN
Chờ mong (thơ) TUYẾT-HUONG
Đoàn xe di trong đêm tối .. NGUYỄN-THANH-NGỌC
■ Chuyện cũ người xưa:
Không-Tử theo dứa con mít TÂN-PHONG
■ Mình em i đêm qua em thấy chầm bao... ĐIỀU-HUYỀN
Những người đời mươi NGUYỄN THU MINH
+ Tao-Bản Phồ-Thông N. V.
Xà-giao; Máy búa thư của bạn đọc .. CÔ BÌNH-MINH
+ Lấy vợ đẹp (chuyện ngắn) GIA HƯNG BẠC
Giá Chánh; Món ăn Huế PHƯƠNG-THU
Vị cha đẻ của võ tuyển diện DUY-HÓA

TRUYỀN DÀI :

- Kiến Trinh của Cô VĂN-NGA
■ Cô gái điện, truyện dài của TÙ-YU
hán dịch của VI-HƯȚEN-BẮC
(Xem mục-lục đầy-dù ở trang 5-6)

Bạn muốn tặng

« Phồ-Thông »

làm quà Trung-Thu ?



Một số bạn đọc khá đông có đề-nghị với chúng tôi gửi
số « PHỒ-THÔNG đặc-biệt TRUNG-THU » làm quà
cho các bạn-hữu ở xa của quý bạn, và các bạn yêu
cầu chúng tôi cho biết điều-kiện gửi như thế có
thuận-tiện không ?

Chúng tôi xin trả lời chung sau đây :

Nếu Bạn có hão-ý muốn có một quyền « PHỒ-THÔNG TRUNG-
THU », làm quà cho thân-hữu của Bạn trong dịp lễ Trung-Thu,
mà do chính nhà báo gửi đến tận nơi, thì yêu cầu bạn gửi gấp
đến chúng tôi trước ngày 10-9-59 :

1) Tên, họ và Địa-chỉ thật rõ-ràng của những người bạn ấy.

2) Số tiền tem đúng theo giá báo (Phồ-Thông Trung-Thu vẫn
bán 10\$ một quyền). Như bạn muốn gửi 3 quyền báo tặng 3 người
bạn, thì bạn gửi kèm trong thư : 30\$ bằng tem 2\$00 hoặc 1\$00.

Chúng tôi sẽ dán nơi trang đầu kế trang bìa, một mảnh giấy
in mấy giòng chữ sau đây :

« Số PHỒ-THÔNG TRUNG-THU » này là món quà đặc
 biệt của bạn ở
 thân tặng Ban
 ở
 nhờ tạp-chí PHỒ-THÔNG hoan-hỷ chuyển giao trong dịp
 lễ Trung-Thu Kỷ-Hợi (15-9-59).

Và có con dấu của tạp chí Phồ-Thông đóng kèm một bên.

Bạn khỏi phải trả tiền cước-phí. Chúng tôi xin vui lòng chịu
tiền torn kèm gửi tặng phẩm của bạn đi nội TRONG LÀNH-THỒ VIỆT-

NAM TỰ-DO, trừ những nơi quá hẻo lánh, không có trạm, sợ thất lạc;
Nếu bạn muốn gửi ra ngoại-quốc, xin bạn chịu tiền cước phí
riêng. Mỗi số Phò-Thông gửi bằng phi-cơ ra ngoại quốc, phải chịu
tiền cước phí 24\$.



Phò-Thông Trung-Thu, bìa do Họa-sĩ DUY-LIÈM trình bày rất
trang nhã, bài chọn-lọc đặc-biệt. Đại-khai mục-lục như sau đây :

- ★ Thơ Trung-Thu, của các Nam-Nữ Thi-nhân Tao-dàn
Phò-Thông,
- ★ Trung-Thu trong Chiến-khu THIẾU-SƠN
- ★ Khoa-học : chụp hình Mặt Trăng . . . ZDENEK KOPAL
(Giáo-sư Thiên-văn-học, Đại-học-đường Manchester)
- ★ Lịch-sử Tết Trung-Thu của Tàu NGUYỄN TRIỆU
- ★ Lịch sử Tết Trung-Thu Việt-Nam SONG-AN
- ★ Khái-Hưng bị thủ tiêu vì 2 câu đối . . KIM-TƯỜNG
- ★ Trăng Thu trong Ngục-thất (Thơ). . . . NGUYỄN-VĨ
- ★ Mài gươm dưới bóng trăng là. . . . NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM
- ★ Những giọt mưa Thu (truyện ngắn) . . . PHONG-CẨM
- ★ Thơ Thu. NGUYỄN-THU-MINH
- ★ Trăng Thu năm cũ (chuyện ngắn). . . HOÀNG-THÁNG
- ★ Cách làm Bánh Trung-Thu Bà THƯỜNG-LẠC
- ★ Chuyện vui Trung-Thu cho các em :
Công-Chúa muốn Mặt-Trăng. . . . LÊ-QUANG-XUÂN
- ★ Minh ơi ! Chừng nào chúng ta lên Trăng được? DIỆU-HUYỀN
- ★ Chuyện cũ ngưởi xưa : Tiếng sáo đêm Thu . . TÂN-PHONG
- ★ Giác ngũ của Đa-Vi (truyện ngắn quốc-tế) NGÔ-THỊ-CÚC
- ★ Văn-sĩ tiền-chiến : MỘNG-SƠN . . . NGUYỄN-VĨ
- ★ Và nhiều Thơ, chuyện ngắn, chuyện vui, hồi ký, v. v...
Trình bày đặc-biệt



PHÔ THÔNG

GỘP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỐ BIỂN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VŨ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài-gòn — Đ.T. Sài-gòn 307



BỘ MỚI SỐ 18 ★ 19.8.1959

	trang số
1.— Rút kinh - nghiệm II	Nguyễn-Vũ 7 — 9
2.— Cuộc hội kiến giữa Nguyễn-Huệ và La-Sơn Phu-Tử	Phong-Cầm 10 — 16
3.— Chuyện cũ người xưa : Không-Tử thua đéra con nít	Tân-Phong 17 — 20
4.— Xứ Đồng-Nai và Công-Chúa Ngọc Vạn	Thái-văn-Kiêm 21 — 29
5.— Một đời người	Thiếu-Sơn 30 — 34
6.— Nhà-trang sương-mờ (thơ)	Huỳnh-Tán — 35
7.— Đường hai ngả (chuyện ngắn)	Hoàng-Thắng 36 — 39
8.— Những điểm tương đồng trong lịch-sử Việt-Hoa	Minh-Kha 40 — 42
9.— Chờ mong (thơ)	Tuyết-Hương 43
10.— Tú-Trung trả dứa Nguyễn-công-Trí	Lương-trọng-Minh 44 — 49

11.— Norton I, hùng-dẽ nực Mị	Tân-Phong	50 —	54
12.— Guglielmo Marconi	Duy-Hòa	55 —	58
13.— Đoàn xe di trong đêm tối (<i>chuyện ngắn quốc tế</i>)	Nguyễn-thanh-Ngọc	59 —	61
14.— Vào-Sâu (<i>thơ</i>)	Phương-Duyên	62	
15.— Văn-sĩ, thi-sĩ tiền chiến: Lê-văn-Trương	Nguyễn-Vỹ	63 —	68
16.— Phố Hiến	Nguyễn Triệu	69 —	71
17.— Gia-chánh	Cô Phương-Thú	72 —	73
18.— Tôi làm phim	Thái-thúc-Diễn	74 —	77
19.— Xã-giao	Cô Bình-Minh	78 —	80
20.— Phè-bình sách: Những chuyến đi của Nhuệ-Hồng	Thiếu-Sơn	81 —	86
21.— Tao dàn Phô-Thông	Nguyễn-Vỹ	87 —	88
22.— Cô gái điên (<i>tùyỆn dài</i>)	Vi-Huyền-Đắc	89 —	92
23.— Minh tri! Đêm qua em thấy chiêm bao. Cô Diệu-Huyền		93 —	99
24.— Lấy cô vợ đẹp (<i>chuyện nhǎn vui</i>) . . .	Gia-hưng-Bạc	100 —	103
25.— Thẹn (<i>thơ</i>)	Kim-Chương		104
26.— Những người dốt mươi	Nguyễn-Thu-Minh	105 —	108
27.— Giới thiệu sách báo mới	P.T.	109 —	110
28.— Kiên trinh (<i>truyện dài</i>)	Cô Văn-Nga	111 —	115
29.— 4.000 năm ca dao	Ba-Tèo	116 —	118
30.— Đáp bài bốn phương	Cô Bách-Yến	119 —	130

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tư-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHÒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-x « Trích Tạp-chí PHÒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Viêt-Nam.

Rút KINH - NGHIỆM

II

Nhóm Tự-Lực Văn-đoàn đã tự-đắc là thành-công, chính là nhờ hoàn-cảnh xã-hội và Văn-hóa của nước Việt-Nam lúc bấy giờ, chứ không phải là hoàn-toàn do cái tài-nghệ gì của các nhà Văn nhóm ấy. Vì xét về nghệ-thuật văn-chương thuần-túy, thì hồn-văn của Nhất-Linh không thè nào sánh kịp với Lan-Khai, Nguyễn-Tuân, Tchya, hay Vũ-trọng-Phụng, thơ của Thế-Lữ đâu được điều-luyện và súc-tích dồi dào bằng Huy-Thông, Xuân-Diệu, hay Chế Lan-Viên? Nhưng tài-năng của các nhà Văn Thơ rời-rạc, chỉ đeo-duỗi lý-tưởng thuần-túy Văn-nghệ chứ không muốn tranh-giành với ai, không muốn lập thành « Văn-đoàn », cứ thường bị nhóm Tự-Lực hoặc đùm-trong bóng tối, hoặc đập phá vối lối phê-bình thiên-vị, và bút-chiến tàn-nhẫn, làm cản-trở khá nhiều sự tiến-triển của các giá-trị Văn-hóa, đang bộc-phát đồng-thời với họ.

Ngay như bốn chữ « Tự Lực Văn Đoàn » đã chẳng có ý-nghĩa gì rồi, vì thời bấy giờ có nhà văn nào là không tự súc-mình cố gắng đóng góp một phần vào cuộc phát triển chung của Văn-hóa nhân-dân? Không ai muốn lập « Văn-đoàn » vì không ai nghĩ đến sự chia rẽ trên lãnh-vực Văn-hóa thuần túy đó thôi.

Nếu chủ-trương xã-hội của nhóm PHONG HÓA là dùng chát-hài huốc để đả-phá cả đến những yếu-tố tốt đẹp của xã-hội Việt-Nam đương-thời, chủ-trương có tính cách hoàn-toàn phản-dân-tộc, thì chủ-trương văn-nghệ của Tự-Lực Văn-Đoàn cũng lại phản-bội cả Văn-nghệ nhân-dân đang thời-kỳ bành-trướng. Còn cái chân-giá

trị về tư tưởng và nghệ thuật Thi Văn của các sản phẩm Tự Lực Văn Đoàn thì không có gì đáng được xác nhận tuyệt đối.

Chúng có cự thè nhất, là hai mươi năm qua, dân tộc Việt-Nam đã tiến triển rất nhiều trên mọi phương diện, mà ông Nhất-Linh, là linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn, chưa chứng tỏ cho ta thấy ông tiến được một bước nào trong nghệ thuật Văn chương và trong tư tưởng. Nhiều người lại cho rằng những cái gì ông viết dạo sau đây lại còn kém hơn những cái ông đã viết trước kia.

☆



Tôi tin rằng các thế hệ sau sẽ kiềm điềm lợi cái chân giá trị Văn-chương và xã-hội của các tác-phẩm Tự-Lực Văn-đoàn, một cách vô-tu và đúng-dắn.

Chúng ta hiện còn là những người sống đương-thời với các nhà Văn của nhóm ấy, cho nên đã phải chịu hậu-quả không tốt mà họ đã gây ra trong Văn-Học-sử hiện-đại. •

Dù sao, tính-chất Văn-phiệt của nhóm « Tự-Lực » đã thành-công trong việc gây cho họ một uy-thế « thần-thánh » àn như « bất khả xâm phạm » đối với một số thanh-niên đương-kim. Nếu trên địa-hạt chính-trị, kẻ độc-tài phong-kiến, dùng chiến-thuật mánh lới và gươm súng, để uy-hiếp đa-số nhân-dân, đã có thể đóng vai trò chúa-tể trong một thời-gian lịch-sử nào đó, thì sau khi gián-đoạn chấm dứt, không sớm thì muộn thế nào Lịch-sử sẽ nghiêm-khắc két-án bọn gian-hùng. Bọn đó chỉ lừa gạt được một số dân-chung mà thôi, chứ không thể lừa gạt được Lịch-sử. Câu nói bất-hủ của Abraham Lincoln là một bài học để cho các dân-tộc suy nghiệm mãi mãi.

Trên lĩnh-vực Văn-học cũng thế. Một người có thực-tài mà kiêu-căng như Phạm-Quỳnh, hay một người kém cỏi như Nhất-Linh, chỉ có thể hành-diện với một số người đương thời, nhờ một uy-thế giả-tạo nào đó trong một thời-gian nào đó thôi. Lịch-sử Văn-học sẽ phân-tách các tác-phẩm của họ, tìm đúng chân giá-trị của họ, nhận-xét công-bình về tác-phong của họ trong thời-đại, và sẽ đặt họ ngồi lại đúng vào chỗ, chứ không thể thần-thánh-hóa họ, như một bọn che tàn có măc-cảm nô-lệ. Những kẻ đã theo sát tình-hình Văn-học hồi tiền-chiến, những nhà nghiên-cứu Văn-học-sử khách-quan, đúng ngoái-cuộc mà phê bình, chắc đã hiểu rõ những hoàn-cảnh xã-hội và

những lý-do nhờ đó nhóm Tự-Lực Văn-đoàn đã gây được thế-lực trên Văn-đàn Việt-Nam. Thế-hệ văn học và trí thức hiện nay cũng đã nhận xét rõ-rệt cái giá-trị thật-sự của Văn-chương Tự-lực Văn-đoàn, thì cái uy-thể kia liệu sẽ có xứng-dáng chăng?

Một bằng chứng rõ-rệt là chính bây giờ Nhất-Linh cũng thú nhận rằng ông đọc lại tất cả các tác-phàm của ông viết hồi trước thấy chỉ còn có một cuốn là có đôi chút giá-trị mà thôi.

Đè cùu vót lại, ông tuyên bố viết những tác-phàm mới có giá-trị tồn-tại vĩnh-viễn bất cứ thời-gian và không-gian nào, nhưng tiếc thay, cuộc thí-nghiệm mới này càng thất-bại, chứng tỏ rằng cái tài của ông vẫn không xứng đáng với danh-vị của ông. Trường-hop Nhất-Linh cũng na-ná như nhà văn Pháp Scudery, hồi Thế-kỷ XVII.

Cũng như Thế-Lữ chỉ là một Delille hồi đầu thế kỷ XIX.



Rút kinh-nghiệm của thái-độ văn-hóa của hai nhóm Nam-Phong và Tự-Lực Văn-Đoàn, nếu chúng ta mong muốn Văn-học Việt Nam được phát-triển mạnh-mẽ và có ảnh-hưởng lợi-ích cho Văn-Hóa chung của Dân-tộc, thì ngu-ý của tôi là những Văn-nghệ-sĩ có thiện-chí ngày nay và có khả năng nên góp sức lại mà xây dựng chung, về mọi phương diện cho Văn-hóa Dân-tộc được khai-quan hơn, được bành-trướng sâu rộng hơn, chứ đừng có những cố-gắng cá-nhan rời-rạc và lơ-là, hoặc kiêu-cang, tự-hào, tự đắc. Chúng ta nên gặt bỏ thái-độ « Văn phiệt », « học phiệt » lỗi thời, của một thiều-số không tài giỏi một chút nào hơn ai mà vênh-váo tự cho mình tài giỏi hơn thiên-hạ. Thái-độ ấy rất là khà-ô, và rất có ảnh-hưởng tai-hại đến sự cố-gắng chung của tất cả các nhà Văn có thiện chí và có tài-năng, dù là còn trẻ tuổi, nhất là còn trẻ tuổi.



Chúng ta hãy kiềm-dièm lại các giá-trị tinh-thần và trí-thức của một thời-kỳ vừa qua, và dùng thiện-chí và chân-tài lâm khởi-dièm, chúng ta hãy cùng nhau xúc tiến một cuộc cách mạng trên lĩnh vực Văn-hóa, (tôi nói chung về VĂN-HÓA, chứ không nói riêng về VĂN-NGHỆ mà thôi).

Nhưng thực hiện cách nào một cuộc CÁCH MẠNG VĂN-HÓA trong tình thế hiện tại? Thưa các bạn, tôi đã trình-bày một vài ý-khiến thô-sơ trong P.T. số vừa rồi và sẽ tiếp-tục trong các số tới.



CUỘC HỘI KIẾN GIỮA NGUYỄN - HUẾ và LA-SƠN Phu-Tử

* PHONG.CẨM

GIỮA CẢNH NÚI HỒNG SÔNG LAM



LA-SƠN
phu-tử là một
bậc túc-nho, một
nhà trí-sĩ hay là
một cá-nhân đặc
biệt nhứt trong
thời Tiền Nguyễn. Họ tên là
Nguyễn Quang - Thiếp (1) tự
Khải-Xuyên, sinh tại xã Nguyệt-
Ao, huyện La-sơn, Tỉnh Hà-tĩnh (2) nên có hiệu tặng là Nguyệt-
Ao tiên-sinh và La-Sơn phu-tử.

(1) «*Ách - Việt-Nam sử lược*»
của Trần Trọng Kim chép là
Nguyễn Thiếp.

Sách «Quang-Trung» của Hoa
Bằng chép là Nguyễn Thiếp.

(2) Sinh ngày 25 tháng 8
năm Quý Mão (1723).

La-Sơn phu-tử có nhiều «tự»,
nhiều «hiệu» khác nhau do
ông đặt hoặc người đương thời
tặng như HẠNH AM, CUỐNG
ẤN, LẬP - PHONG CƯ SĨ,
LỤC-NIÊN TIỀN-SINH, LA-
GIANG PHU-TỬ (3) v.v...

Đời chúa Trịnh-Doanh dùng
chữ «QUANG» làm quốc-húy
nên lúc đi thi, La-Sơn phu-tử sợ
phạm luật trường quy nên phải
bỏ chữ «QUANG» lót ở tên
tự, từ đấy trở thành tên Nguyễn-
Thiếp.

Tuy-nhiên, cái huy-hiệu «La-
Sơn phu-tử» được nỗi tiếng
nhứt ở thời đó cũng như ngày

(3) Đời chúa Trịnh Giang,
huyện La-Sơn có tên là La-
Giang, nên mọi người theo đó
gọi là La-Giang phu-tử. Huyện
này ngày nay đổi là Can-Lộc.

nay mọi người đều gọi đến có lẽ vì ông là một cá-nhân khác thường với khí tiết thanh-cao, cứng rắn được đem ra thử-thách trong những trường-hợp éo-le : chúng tôi muốn nói những cuộc hội-kiện đặc-biệt với Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Ánh cùng người đương thời.

Là một bức túc nhõ có tài học uyên bác, thi đồ Hương cống và được bồ Tri huyện Thanh chương hồi cuối Lê, nhưng vì ngay thẳng không chịu được sự hống hách, lộng quyền của chúa Trịnh nên La-Sơn phu tử từ quan về trí-sĩ ở núi Thiên Nhận bên Lục niên thành, huyện La-sơn, tự nhốt mình trong trại Bùi-phong, ngâm thi vịnh nguyệt hưởng thú tiêu dao.

Các nhà chép sử đều cho rằng : La-Sơn phu tử trước lúc về trí-sĩ có mắc bệnh điên nên khi ở trại Bùi-phong, tự xưng là Cuồng-Ân hay Biên Ân. Việc này quả có, nhưng lúc về núi có lẽ vì chán ngán thế-tình không muốn ai khuấy động cuộc đời ần dật của mình, La-Sơn phu-tử tự xưng như thế để được an thân.

Lúc bấy giờ tâm trí La-Sơn phu-tử vẫn sáng suốt như thường ông làm ra tập thi gọi là HẠNH

AM THI TẬP bằng Hán văn vẫn còn truyền tụng đến ngày nay.

Tâm-trí vẫn sáng-suốt nhưng lại chọn cuộc đời ần dật, người ta cho rằng La-Sơn phu-tử có một tâm-sự riêng không thè nói nên lời. Tự nhiên, ông là người rất trung thành với nhà Lê, vì thế chúa Trịnh ngày càng bành-trướng, vua Lê cảnh Hưng lại quá nhu nhược, sự sụp đổ của một triều-cương đã hiện ra trước mắt, không thể đem tài sức mình cứu-vãn được nên phu-tử mang tấm cô trung lui về ở ẩn giữa cảnh núi Hồng sông Lam quyết giữ tròn danh tiết, đạo-nghĩa.

★ CUỘC HỘI-KIẾN ở PHÙ-THẠCH

UY xuất-thân là một nông dân áo vải, nhưng Nguyễn-Huệ là người sáng-suốt luôn luôn biết tôn-phục kẻ hiền-tài và trọng dụng nhơn tài ; xem như những nhân-vật xuất sắc như Phan Huy-Ích, Ngô Thì-Niệm được dành cho những địa vị ưu-áí thì đủ biết thái độ của N. H. ra sao.

Từ ngày đánh lấy được Phú-Xuân và nghe theo lời Nguyễn-Hữu-Chỉnh đem quân ra Thăng-Long đe bếp chúa Trịnh và vây cánh, tôn phù nhà Lê thì tiếng

tăm của Nguyễn-Huệ càng vang-lừng.

Thanh-toán được việc chúa Trịnh ở Bắc-hà, Nguyễn-Huệ được phong Nguyên-súy Phù-chính dực-võ Uy-quốc-công, nhưng hoài bão của Nguyễn-Huệ cao xa hơn, to lớn hơn: gồm thâu thiên-hạ về một mối!

Nguyễn-Huệ luôn luôn chú ý đến việc thu dùng nhơn tài, với Phan Huy-Ích, Ngô Thì-Niệm hay Trần Văn-Kỷ không chưa đủ, Nguyễn-Huệ còn nghĩ đến một bực túc nhơ có tài học uyên-bác đang ẩn mình giữa cảnh núi Hồng sông Lam, tức là La-Sơn phu-tử vậy.

Cho nên khi thu xếp xong việc Bắc-hà, bỏ Nguyễn Hữu-Chinh ở lại, anh em Nhạc, Huệ lén về Qui-nhơn, Nguyễn-Huệ cho người mang thư và lề vật đến núi Thiên-nhận mời La-Sơn phu-tử ra cộng tác.

Mời lần thứ nhứt (4) phu-tử không ra, Nguyễn-Huệ lại mời lần thứ hai, thứ ba... (5) bằng những lời lẽ ân-cần, tôn kính, lề vật trọng hậu phu-tử vẫn cáo binh thoái thoát không chịu ra

(4) Ngày 18-12-1786.

(5) Ngày 10.8-1787 và ngày
13.9.1787.

cộng tác với Tây-sơn.

Thái-dộ của phu-tử không làm Nguyễn-Huệ hài lòng chút nào, song Nguyễn-Huệ vẫn phải cè nén lòng tự-ái để ra mặt chiêu hiền dãi sĩ-tội bực hòng lấy lòng thiên hạ, nhứt là sĩ-phu trong nước.

Nguyễn-Huệ lại là người cương-quyết đeo đuổi tới cùng. Ba phen mời phu-tử không được, nào đã chju thua đâu. Tháng 4 năm 1788 trong lúc từ Phú-xuân ra Thăng-Long để thanh toán vấn đề Vũ Văn-Niệm, Nguyễn-Huệ cho đóng đồn quân ở phía nam sông Lam gần bến Phù-Thạch rồi viết thư sai càn-tín-hầu Nguyễn Quang-Đại đến tận núi Thiên-nhận mời phu-tử đến hội-kiến.

Sự dẽ dai của Nguyễn-Huệ khiến cho phu tử khó từ chối. Những lần trước Nguyễn-Huệ cho mời phu tử vào tận Phú-xuân. Phu tử có thể viện có binh hoạn đường sá xa xôi mà từ chối, chó lần này Nguyễn-Huệ đến tại Nghệ-an khó cho Phu-tử viện lý lẽ gì, vã lại giữa Nguyễn-Huệ và Phu-tử chưa có sự xung đột nào, Phu-tử chỉ ty hiềm Nguyễn-Huệ chưa phải là người của chính nghĩa thế thôi.

Cuộc hội kiến đầu tiên giữa

Nguyễn-Huệ và La-Sơn phu-tử
ở Phù-thạch diễn ra như thế
nào ?

Khi nghe tin phu-tử tới, Nguyễn-Huệ bày trọng lễ tiếp trước và dãi dằng. Nguyễn-Huệ vốn ưa nói thẳng, nên vừa giáp mặt phu-tử là trút ra những lời hờn oán ôm ấp bấy lâu :

— Quả nhân nghe đại danh đã lâu. Ba lần cho tới mòi, tiên-sinh không thèm ra. Ý tiên-sinh cho quả nhân là thẳng giặc nhò không đủ làm kẻ anh hùng trong thiên hạ chẳng ?

Là một nhà trí sĩ có tiết tháo, phu-tử chẳng hề sợ quyền-uy của Nguyễn-Huệ nêu nhún nhặt trả lời :

— Hơn hai trăm ngày nay, quyền về tay họ Trịnh hung bạo. Vương mới đưa quân ra Bắc một lần mà dứt được, lấp lại nhà Lê. Với danh nghĩa chính thì anh hùng ai lại chẳng theo. Nếu già tiếng nhân nghĩa, nói dối tôn vua để lấy tiếng thì lại hóa ra một kẻ gian hùng (6).

Lời nói của phu-tử khác nào bốc trán thâm ý của Nguyễn-Huệ khiến cho Nguyễn-Huệ phải đổi

(6) Theo quyền « LA-SƠN PHU-TỬ » của Hoàng Xuân-Hán.

sắc mặt, ngồi đích ra tiếp đãi phu-tử rất niềm nở rồi đưa về.

Sử chép : cuộc hội kiến này quả là một việc có một không hai trong lịch sử nước nhà. Một bên là một võ tướng còn trẻ tuổi đã làm kinh thiên động địa từ Bắc đến Nam ; một bên là một cụ già m yếu, ở庵 nơi xó rừng. Hai đàng gặp nhau tại một nơi đây di tích lịch sử : chính nơi này hơn ba trăm năm trước Nguyễn-Biều đã hội kiến với Trương-Phụ để mưu việc cầu phong cho Trùng Quang-dế. Việc không thành Nguyễn-Biều bị giết.

Lúc sáp sửa hội-kiến với Nguyễn-Huệ, có lẽ phu-tử đã nhớ đến chính-khí của người xưa nên thẳng thắn trả lời câu hỏi của Nguyễn-Huệ, bốc trán được thâm ý của Nguyễn-Huệ mà không làm phật ý Nguyễn-Huệ, trái lại càng khiến Nguyễn-Huệ phải kính nể. Đó là chính tâm hùng tráng của một bức túc nho như La-Sơn phu-tử.

CUỘC HỘI-KIẾN PHÙ-THẠCH THỨ HAI VÀ THỨ BA

UY phải chênh lồng, nhưng
người anh hùng Tây-sơn
vẫn phải lấy lễ tiến La-Sơn phu-

tử ra. Đè phu-tử về Nguyễn-Huệ vẫn tiếc và không muốn cho sợi dây liên-lạc bị cắt đứt nên cuộc hội-kiến có ngò ý nhở phu-tử coi giúp đia-lý ở Nghệ-an đè lập đô. Phu-tử chỉ ừ hử lấy lệ rồi ra về.

Chính-tâm của phu-tử là giữ thái-bất hợp tác với Tây-sơn.

Lúc ra Thăng-long giết xong Vũ Văn-Niệm trở về Nghệ-an, Nguyễn-Huệ chưa thấy phu-tử xem đia lý cho liền tự tay viết thư nhắc nhở, nhưng phu-tử mượn cớ xây đô sẽ làm cho nhân dân thống khổ đè từ chối khéo.

Về tới Phú-xuân, N.H. lại sai người viết thư giục một lần nữa, phu-tử vẫn giữ thái độ trước nên việc lập đô ở Nghệ-an của Nguyễn Huệ không thành.

Nguyễn-Huệ vẫn không nản chí hạ chiếu truyền cho phu-tử xem giùm mạch đất Yên-trường (Vịnh) đè đóng đô ở đó chớ không phải Nghệ-an nữa.

Trong chiếu này N.H. nói rõ chuyện bỏ nhà Lê (7) đè

(7) Sau khi viết xong Vũ Văn-niệm, Ng. Huệ đè Ngõ Văn-Sở ở lại Thăng-long rồi về Phú-xuân. Còn nhà vua Chiêu-thống và trào thẫn trốn lên kinh bắc đưa Hoàng thái hậu sang Thanh cầu viện.

phu-tử không còn cái gì thoát được. Nhưng rồi phu-tử cũng không rời khỏi trại Lùi-phong.

Đùng một cái: quân Thanh kéo sang ta (tháng 10-1788), Tôn-sĩ-Nghị đưa Chiêu-Thống về Thăng-Long.

Tại Phú-xuân, Nguyễn - Huệ tự xưng hoàng-đế lấy niên hiệu là Quang-Trung và hội quân thủy bộ đi gấp ra Bắc.

Lúc tới Phù-thạch, N.H. lập tức cho mời La-Sơn phu-tử mở cuộc hội kiến.

Gác qua một bên mọi việc cũ lần này N.H. ân cần hỏi phu-tử về mưu lược đánh Thanh.

Không ngàn ngại phu-tử trả lời :

— Người Thanh ở xa tới mệt nhọc không biết tình hình khó dễ thế nào. Vã chúng có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp đi thì không ngoài mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn một chút thì khó lòng mà đuổi được chúng.

N.H. lấy làm hài lòng cho rằng hợp với ý mình.

Quả nhiên không đầy mươi ngày N.H. phá tan 20 vạn quân Thanh. Nhiều người cho rằng chính N.H. theo phương lược của phu-tử mà phá được quân

Thanh. Phu-tử hẳn có công trong việc đuổi ngoại xâm.

Tại sao lần này phu tử lại chịu bày kế cho N.H. đánh Thanh? Việc ấy cũng không lạ, thật ra phu tử luôn luôn giữ lòng trung nghĩa với nhà Lê, nhưng lần này hẳn phu tử không chịu được việc làm thất chính của Chiêu-Thống rước voi về rìa mèt. Tuy rằng không tra N.H. nhưng trong dì ngoảnh lại không còn ai đáng tiêu biếu cho lực lượng chống ngoại xâm hơn N.H. nên phu-tử mới gấp mặt đưa lời. Hành động này quả thực thời và đầy sáng suốt.

Sau khi phá xong giặc Thanh tháng 3 năm 1789, N.H. đem quân trở về Phú-xuân lúc tới Nghệ-an, N.H. lại đóng quân ở Phù-thạch và thả chiếu với phu-tử đến Phù-thạch hội kiến lần thứ ba.

Nhân cái thắng-lợi lớn-lao ở Bắc và sự thất chính của nhà Lê, N.H. giành được chính nghĩa. Bao nhiêu tâm huyết của phu-tử đối với nhà Lê không còn nữa, thật là dịp may cho N.H. trả lại cái ý định từ đầu: nài nỉ phu-tử ra làm quân-su.

Mở cuộc hội-kiến lần này, N.H. nhắm vào mục đích đó. N.H.

có làm lung-lạc được phu-tử không? Hắn nhiên là không. Tuy oán-ghét hành - động thất chính của Chiêu Thống, nhưng phu-tử vẫn giữ một lòng son-sắc với nhà Lê. Vì vậy trong cuộc hội kiến N.B. có nài thế nào phu-tử vẫn khăn-khăn từ chối.

Ba lần cho mời không tới, ba lần hội kến cũng không đạt được mục-đích, đáng lẽ N.H. cầm giận thống trách phu-tử, thế mà không, N.H. vẫn giữ một niềm tôn-kính người tri-sĩ vào lòng trung nghĩa. Đã vậy, khi đường hoàng lên ngôi hoàng đế, không chế cả Bắc — Nam, N.H. hạ Chiêu-eấp thuế xã Nguyệt-ao cho phu-tử làm tuế bồng. Phu-tử có từ chối mà không được, bất đắc dĩ phải nhận đê chờ dịp trả lại (8).

★ KẾT LUẬN

BA cuộc hội-kiến La-Sơn phu-tử mà lịch sử đã cho là một việc có một không hai ở nước ta, thật tình đã mang lại cho chúng ta những kinh-nghiệm quý giá về lối xử thế của người xưa.

(8) Sau khi Quang Trung mất, La-Sơn phu-tử làm tờ đầu xin trả bồng lộc (năm 1792).

Nguyễn-Huệ và La-Sơn phu-tử quả là hai thái-cực.

Nguyễn-Huệ trong tay có sẵn uy-quyền, nhưng không hề cố-chấp, không hề dùng vô-lực để dàn-áp một cá-nhân có tư-tưởng đối-lập nêu La-Sơn phu-tử mà luôn luôn nhún-nhường khiêm-tốn vòn-vã biệt-đại để thu-phục chính tâm, hành động ấy vừa khôn-ngoan vừa quý-quyết mà anh-hùng.

Tuy nhiên thái-độ của La-Sơn

phu-tử lại bắt buộc chúng ta suy-gẫm nhiều hơn: thấy danh lợi đem béo trước mặt mà không màng, đứng trước oai-quyền không hề khiếp sợ giữ một mực thẳng ngay như cây tre câu trúc, ảo-ảo khí-tiết của một bức danh-nhân nặng lòng vì chính-nghĩa.

Giữa hai cá-nhân, chúng ta không thấy có gì khinh, gì trọng mà ta chỉ thấy tràn-ngập một niềm tôn-kính người xưa trong bóng ngàn thu cũ.



★ DANH NGÔN

— Một nền giáo dục chân chính cần phải ít lý-thuyết và nhiều thực hành.

(J. J. Rousseau)

★ CÔ KIỀU CÓ CHỮA

— *Tut đố anh Ba-Tèo vây chó cô Thúy-Kiều đã có mang bầu lăn nào chưa?*

— *Không thấy cụ Nguyễn-Du nói là cô à mang bầu.*

— *Cô.*

— *Hồi nào?*

— *Nè, câu thơ thứ 1644:*

Thất kinh, nàng chữa biết là làm sao?

Thất kinh, nghĩa là mắt đuòng kính ngayệt. Nàng chữa, tức là nàng đã có chữa, thấy hỏng?

— *Ồ! Hèn chi câu dưới:*

Thuốc mê đâu đã tưới vào?

tức là cô à đã uống thuốc phá thai!

BA-BÚA

CÔNG CHÚA NGỌC VÂN BÔNG LAI

THÌ RÊN đường Nam tiến, chúng ta đã đặt chân lần đầu tiên trên đất Nam Bộ vào năm 1623. Nguyên là vua Chân Lạp Chei Cheita II (1618-1626) từ già Xiêm La dè về nước triều.

Lúc bấy giờ, kinh đô Chân Lạp vẫn đóng ở Oudong. Vì vua quá thản với bọn Mã Lai theo đạo Hồi Hồi, nên dân Cao Môn chán ghét, bèn nhờ bà Hoàng hậu Việt-Nam, nay đã già, kêu gọi sứ can thiệp của Triều đình Huế dè chừng dứt tình trạng. Do sứ can thiệp đó mà vua Cao Môn thuận nhượng cho nước ta xứ Biên-Hòa, (Theo Cl. Madrolle - Indochine du Sud, 1926).

Lại theo « Gia-Định Thống Chí » của Trịnh - Hoài - Đức

(1765-1825) thì năm Mậu Tuất (1658), tức là năm thứ 10 đời vua Lê Thần Tông (1649-1662), về mùa thu, tháng 9, vì tình hình Chân Lạp lộn xộn, nên Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) mới sai Trần Thủ Trần Biên định (Phú Yên) tên Yêu, tham mưu trưởng, tên Minh và cai cơ Xuân, cử một đạo binh 2.000 người, đi suốt 24 ngày, đến Möi Xúy và đã lập lại trật tự một cách rất dễ dàng.

Nên nhắc thêm rằng năm 1623, một phái đoàn ngoại giao Việt đã được cử sang Oudong dè thương thuyết sự nhượng lại Sở thuế quan Sài Côn.

Sở dĩ vua Cao Mên đã giao hảo với nước ta và đã tự ý nhân nhượng một phần nào là vì muốn cậy thế lực của triều đình Huế để chế ngự ảnh hưởng của người Xiêm..

Vua Miên đã cưới một công chúa Việt làm hoàng hậu và bà này về sau sẽ có ảnh hưởng trong thời cuộc.

Theo các tài liệu kè trên, chúng ta thấy rằng một công chúa Việt đã mang lại cho chúng ta giải đắt Đồng Nai phì nhiêu này cũng như hơn 300 năm về trước (1306), Huyền Trần Công Chúa, đã mang lại cho nước ta hai châu Ô, Lý vuông nghìn dặm. Công ơn của hai người ngang nhau, nhưng oái oăm thay, một người được ca tụng khắp các sử sách, còn một người thì tên tuổi bị lãng quên, không thấy sử gia của ta nhắc đến bao giờ.

Vậy bà công chúa ấy là ai ? Chúng ta phải cố gắng tìm cho ra danh tính và đề cao sự nghiệp vĩ đại của một bậc quân thoa, đáng nêu gương cho hậu thế. Theo Henri Russier viết trong quyển « Histoire sommaire du Royaume de Combose » (Cao Mên Vương quốc Sứ lược), thì vua Chey Chetta II sống từ lúc nhỏ bên

Xiêm, là nơi ông ta không giữ được những kỷ niệm tốt, cho nên ông ta mới tìm cách cầu thân với láng giềng phía Đông và Chúa Nguyễn lúc bấy giờ cũng đang chờ đợi cơ hội tốt để mở mang bờ cõi; bèn gả công chúa cho vua Cao-Mên. Công Chúa rất đẹp và được vua Mên sủng ái vô cùng.

Nhờ sự giao hiếu ấy và viện trợ của binh đội Chúa Nguyễn mà vua Cao Mên đã hai lần, vào năm 1621 và 1623, dày lui được mấy vụ xâm lăng của quân Xiêm.

Năm 1623, sứ bộ Việt từ Huế vào Oudong yết kiến vua Cao Mên và dâng nhiều ngọc ngà châu báu, đồng thời xin cho người Việt được vào khai khẩn và sinh cơ dựng nghiệp tại miền Nam.

Bà Hoàng Hậu Việt - Nam khẩn thiết xin chồng chấp thuận lời yêu cầu của phái bộ và vua Chey Chetta đã bằng lòng.

Năm 1642, một người con của Chey Chetta II và bà Hoàng-hậu người Lào, là Hoàng-tử Chan, giết vua Ang Non và chú ruột là Outey để lên ngôi, rồi lấy một người vợ Mã-Lai và theo đạo Mahomet. Hồi đó, người Chàm và người Mã Lai rất đông ở Cao Mên, phần nhiều ở Chiêm Thành

chạy qua. Họ dựa thế nhà vua là đồng đạo đê xen vào chính tinh Cao Mên, làm cho hoàng tộc rất bất bình và dân chúng phần nô. Theo lời khuyên của bà Hoàng Thái Hậu Việt - Nam, quâ phu của Vua Chey Chetta II, họ quyết định xin chúa Nguyễn can thiệp. Lúc bấy giờ Chúa Nguyễn là Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1648-1687).

Hiền Vương băng lòng can thiệp và giao cho Trấn Thủ Trấn Biên Dinh (tức Phú Yên) cử một đạo binh vào Nam lập lại trật tự, cho thuận với lòng dân Cao Mên. Vua Cao Mên bị bắt và sau đó được trả tự do và thuận nhường Biên Hòa cho nước ta. Qua năm 1659 thì Nặc Ông Chan mất (Theo Henri Russier).

Theo Nguyễn - văn - Quế, tác giả quyền « Histoire des Pays de l'Union Indochnoise (Việt-Nam Cambodge, Laos », thì năm 1618 Srey Sauryopor nhường ngôi cho trưởng nam là Chey Chetta II và mất năm sau. Chey Chetta II dời đô từ Lovéa Em đến Ou-dong năm 1620 và cũng năm ấy cưới công chúa con vua Nguyễn Sái Vương (1613-1635), Bà Công Chúa Việt được phong làm hoàng hậu và rất được sủng ái, nhờ sắc đẹp tuyệt vời và có nhiều

đức hạnh. Người Mên và người Việt đã trở nên đồng minh từ năm 1620, và gần suốt cả thế kỷ XVII.

Về Miên quốc, công chúa Việt được phong làm Hoàng hậu với danh hiệu Somdach Prea Peacacyo-dey Preavoreac Ksattrey (1620); đến năm 1624 sinh hạ được một con gái lấy tên là Neang Nhéa Ksattrey (Neang là Nàng?).

Nhờ sự giao tiếp ấy và cũng vì đã giúp đỡ nhiều cho Cao-Mên chống lại mọi cuộc xâm-lăng của Xiêm, chúa Sái mới xin vua Cao-Mên cho phép những người Việt di cư vào Nam được khai phá đất đai, trồng trọt, buôn bán và trả thuế hân hoi ở các miền Sài-gon, Biên-Hòa và Bà Rịa, Vua Cao-Mên chấp thuận đê làm hài lòng nhặc phụ.

Đến năm 1658, Cao - Mên bị nội loạn vì con của Preah Outey (Ponhea Sô và Ang Tan) muốn tranh giành ngôi vua với Ponhea Chan, tức Ang-Chan II (1642 - 1659), con của vua Chey Chetta II và người vợ quốc tịch Lào. Vua này theo đạo Mahomet, liên kết với người Mã - Lai và người Chàm đồng đạo.

Hai anh em Ponhea Sô và Ang Tan bị đánh thua chạy trốn vào

dinh của hoàng thái hậu Việt, quái phụ của Chey Chetta II, bà này mới khuyên họ nên cầu cứu chúa Nguyễn. Hiền-Vương bèn sai một đạo binh vào lập lại trật tự ở Oudong.

Sở dĩ chúng tôi nêu ra đây mấy tài liệu lịch-sử hiếm hoi là để đề cao vai trò của một người đàn bà Việt-Nam đã có công lớn đối với Tô - Quốc. Chúng ta cần minh định danh tính của người đàn bà đó, vì nhỡ người mà chúng ta ngày nay thụ hưởng được một giải đât phì-nhiêu vào bậc nhất nhì ở Đông Nam Á.

Danh tính của nàng là cả một vấn-dề phức-tạp làm chúng tôi phải nhoè công tìm tòi từ năm 1954 đến nay.

Thật thế, chúng ta chỉ được biết đích xác tên Cao - Mên của nàng khi được phong làm Hoàng Hậu, còn tên Việt thì mấy sử liệu hiện có không thấy nói rõ, duy chỉ biết rằng công chúa ấy là con Sái-Vương mà thôi.

Lần đầu mây trang gia-phả chúa Nguyễn (Généalogie des Nguyễn avant Gia-Long par Tôn-thất-Hân, — Bulletin des Amis du Vieux Hué — 1920) thì thấy rằng : Sái-Vương lấy bà vợ chính là Mạc-thị-Giai, sinh năm 1578,

quê quán làng Nghi-dương, tỉnh Hải - dương, con gái của Mạc-kinh-Điền. Điền xưng là Khiêm-Vương, sau bị đánh thua mất ngôi bèn chạy trốn. Con gái theo chúa là Mạc - Cảnh - Huống vào đất Thuận-Hóa, trốn ở chùa Lam-Sơn và ghi vào danh bộ tỉnh Quảng-Trị. Vợ của Huống, tên Nguyễn-ngọc-Dương là bà dì của Sái-Vương, mới đem cô gái vào cung. Vì tánh nết doan trang, cô được đổi họ Mạc ra họ Nguyễn và được Chúa Sái thương yêu rất mực. Bà mất ngày 9 tháng 11 năm Canh Ngọ (năm Hiếu Văn thứ 17, tức là năm Đức Long Lê Thần Tôn thứ 2, 12.12. 1630), hưởng thọ 53 tuổi. Được mai táng tại núi Chiêm-Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ngôi mộ mang tên là Vĩnh Điển, Võ Vương (1738-1765) sắc phong bà vào hàng Phi. Gia-Long sắc phong trước Huy Cung Từ Thủ An Thục Thuận Trang Hiếu Văn Hoàng Hậu, nay còn thờ ở Thái Miếu, Huế.

Sái Vượng có nhiều vợ và đông con : 11 con trai và 4 con gái, phần nhiều là con của bà hoàng hậu họ Mạc, sau đổi là họ Nguyễn. Trong số 4 người con gái có 3 cô là con của bà này :

1) *Ngọc-Liên*, con gái thứ nhứt của bà là Mạc thị Giai, lấy Nguyễn phuộc Vinh, con trưởng của Mạc Cảnh Huống, làm đến Phó Tướng Trấn Thủ Trấn Biên (Phú-Yên). Được đặc ân mang họ Nguyễn Phuộc, nhưng về sau đổi ra Nguyễn Hữu. (Như vậy, những người mang họ Nguyễn Hữu chính tông phần nhiều gốc họ Mạc).

2) *Ngọc-Vạn*, thứ nữ, con của bà Mạc Thị Giai;

3) *Ngọc-Khoa*, thứ nữ, con của bà Mạc thị Giai;

4) *Ngọc-Đinh*, gái út, con của bà nào không rõ, lấy Nguyễn Cửu Kiều (được phong Nghĩa quận công), quê huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, con của Lê Quảng (được phong tước Quận Công). Chồng bà được phép đổi Lê ra họ Nguyễn Cửu. Ngọc Đinh mất về mùa đông năm giáp tý (1684).

Xem trên kia, ta thấy rằng trong số 4 cô con gái của Sãi-Vương có hai cô lấy chồng Việt-Nam, có tông tích rõ ràng; còn hai cô kia thì lẽ tất nhiên phải có một cô lấy vua Chei Chetta II. Nhưng cô nào mới được chứ?

Vấn đề hầu như nan giải. Nhưng may thay, có mấy tài

liệu khác giúp ta giải quyết vấn đề này. Đó là sự kiện vua Po Romé (1627-1651) đã ngự trị tại thành Bal Pandaran (Phan Rang) cũng đã kết duyên cùng một công chúa Việt-Nam.

Theo nhà xã hội học Marcel Ner viết trong tập ký yếu « Compte rendu d'une mission en pays moï pendant les vacances de 1929 et 1930» (Thuật lại một cuộc viếng thăm xứ Môi trong mùa hè năm 1929 và 1930), chúng ta được biết rằng :

« Vua Po Romé không có con với người vợ thứ nhất, bèn đi về phía Lào để tìm thứ thuốc có thể làm cho hoàng hậu đẻ con trai. Do đó vua mới đem về một người đàn bà giòng Rhadé tên là Bia Tan Chan. Vua Po Romé đã may mắn được thần linh hướng dẫn đến bà công chúa xa xuôi ấy. Vua và hoàng hậu chắc đã hưởng nhiều hạnh phúc vì họ đã có nhiều con và vị Hoàng hậu ấy là độc nhất trong ba bà đã quyền sinh theo vua khi vua bị tử trận. Po Romé không hưởng được hạnh phúc nhiều với hai bà vợ kia. Hoàng hậu Bia Suthi, con gái của tiên-vương không có con và không chịu theo vua lên hòa đàn và nếu lỡ

truyền tụng là đúng là bức tượng đá của bà này bị đền ngoài tháp còn bức tượng Bia Tan Chan lại được thờ trong tháp bên cạnh bức tượng của vua Po Romé.

Po Romé lại không được may mắn với bà vợ thứ ba, tên là *Po Bla Út* (Bà Út), con của một vị Chúa Việt-Nam.

Cũng về vấn đề này, một tài liệu khác cho ta biết thêm rằng đầu thế kỷ XVII, những mối bang giao thân hữu đã được thiết lập giữa xứ Panduranga và Cao Nguyên. Các vị chúa Chiêm Thành lui tới Cao Nguyên một cách dễ dàng. Chứng có là vua Po Romé đã đi lên tận Darlac để mang về một người vợ Rhadé: Bia Tan Chan. Về sau, người Việt chiếm xứ Panduranga, những quân sĩ của vua Po Romé đã chạy lên miền sơn cước đê ăn náu. Còn vua Po Romé nhất quyết chống cự lại nên bị giết ở chiến trường: thi hài vua được hỏa thiêu và Hoàng hậu Rhadé cũng theo lên hỏa đan liều chết với chồng. Bức tượng của nghĩa phụ này còn thờ ở gần Phan Rang.

Một tài liệu thứ ba cho ta biết rõ nguyên nhân sự thất bại thảm của vua Po Romé. Đó là

một bài hát của người Chàm tên là : « Ni danark Po Romé » có đăng trong quyển « Nouvelles Recherches sur les Chams » của Antoine Cabatón, xuất bản năm 1901 tại Ba-Lê, (Ernest Leroux Editeur). Theo bài ca này thì thần Po Romé rất đẹp trai. Đầu như vàng, vai và chân như đồng. Tay đeo nhẫn óng ánh, chân mang giày láng tỏa sáng ngời. Ngày xưa Po Romé là vua. Ngài cũng cày ruộng, người nhà thường mang cơm ra ngoài đồng cho Ngài.

Vua Po Romé có ba vợ : hai người giống da sậm và một người Việt, cả ba người đều ghen nhau cãi và ồn cả cung điện nhà vua. Người đàn bà Việt thường mình bị ruồng bỏ bèn nghĩ cách trả thù. Bà giả vờ đau nặng và yêu cầu đốn cây kraik, một cây thần mộc, phù hộ cho vương quốc Chiêm Thành, thì may ra bà mới khỏi. Cây kraik tức là cây Cam xe tên Cao mén là So kram kraham, tên La tinh là *Xylia delabriiformis* Benth, hoặc là *Mimosa Xylocarpa* Roxb. thuộc về loại đậu « Légumineuses, mimosées ». Vua Po Romé vốn sẵn thương yêu bà này quá mức, bèn cho gọi bốn ngự y đến khám bệnh. Các vị y sĩ tuyên bố bà hoàng hậu Việt Nam khỏe mạnh như thường.

đều bị chặt đầu. Theo lời yêu cầu khẩn thiết của bà ta, vua chấp thuận việc đốn cây kraik. Lệnh vừa truyền ra đã thấy một trăm quân nhân lực lưỡng bồ riu vào thân cây kraik, nhưng lạ thay mỗi lát búa đều hàn gắn lại ngay.

Vua Po Romé nỗi tức bèn lấy rìu giáng mạnh vào thân cây thì thấy máu phun ra và nghe có tiếng rên than. Vua la lớn « kraik, tại sao mi làm cho hậu ta đau đớn ? Tại sao ta phải đè cho mi sống ? » Cây cõi thụ ngất xiu té nằm ngang trước cung điện và máu chảy lai láng cả sân rồng.

Sau khi mất cây kraik phò trợ cho Vương quốc, vua Po Romé mất luôn ngôi báu. Vua bị giết trong khi ra trận xáp chiến với quân Việt. Bà vợ Rhadé xin được mấy cái răng của chồng để thờ.

Hiện nay, trong tháp Po Romé, ở làng Hậu Sanh, cách Phan-Rang chừng 8 cây số về phía Tây Nam, chỉ còn thấy tượng vua Po Romé và tượng người vợ Rhadé, tức là Bia Tan Chan mà thôi. Bà này đã theo chồng lên hỏa đàm một cách anh dũng, mặc dầu trước đó bà bị vua ruồng bỏ theo bà Công Chúa Việt-Nam. Còn bức tượng của bà Bia Suthi (hoặc là Bia Suchih), thì đè ở ngoài, phía sau

tháp, trong một ngôi nhà con, vì theo lời của một bà bajao (hoặc là pa di ao, nghĩa là đồng bóng) thì hai bà không hợp nhau, nên phải thờ riêng.

Tục truyền bà công chúa Việt-Nam đã giả dạng một nàng hái dâu chung quanh thành vua Po Romé nên được vua đê ý với vào cung, phong làm thú phi, nhưng sự thật có lẽ không đến nỗi quá đê dàng như vậy. Dù sao, khi về Chiêm quốc, nàng Công Chúa Việt-Nam được sủng ái vô cùng, vì nàng đẹp nhất trong hàng ngũ cung phi mỹ nữ. Duy bà phải cái tật hay làm nũng và muốn được độc quyền tình yêu của vua, thỉnh thoảng bà giả vờ (làm bộ) đau, rên xiết, lăn lóc đến xương kêu rǎn rắc, nhưng kỳ thật là bà đã đè bánh tráng ở dưới chiếu, làm cho vua Po Romé phải nhiều phen kinh hoàng và đau xót, nên dành bỗ rơi hai bà kia cho đến khi mất nước.

Ngày nay còn thấy vết tích cung điện vua Po Romé trong thành Krong Laa tại làng Palai Bachong, gần Hòa Trinh (cách Saigon 310 cây số, trên quốc lộ số 1), bên cạnh Song Krong Biuh, tức là Sông Viêu. Các nhà khảo cổ, hồi đầu thế kỷ XX, đã đào được nơi này tẩm bia Glai Lac:ov.

Tành Krong Laa đã xây từ thế kỷ thứ VIII và là kinh thành của xứ Panduranga từ hồi vua Grī Satya-varman.

Tại nơi này, còn thấy cây Cam-xe to lớn hình như dã mọc lại sau khi đã bị vua Po Romé đốn. Người Chàm nhìn cây này với một vẻ cung kính và đặt vào đây rất nhiều tin tưởng. Còn người Việt khi đến viếng một cảnh cũ người xưa không khỏi bùi ngùi khi nhớ đến bà công chúa họ Nguyễn.

* CHÍNH SÁCH GIAO HIẾU ĐỀ MỜ MẠNG BỞ CỘI.

Xét ra việc bán gả các nướòng công chúa cho các vị vua chúa lân bang vẫn là chính sách cổ - truyền của chúng ta, nhằm mục đích mờ mang bờ cõi mà không hao binh tàn tướng.

Việc bán gả như thế chỉ có một lẩn gáy thảm họa cho nước ta : là việc hôn nhân giữa My-Châu và Trọng-Thủy, dưới thời Thục-An Dương-Vương. Nhưng việc này tựa hồ như một câu chuyện thần thoại mà hình ảnh kỳ lạ đã được thêm dệt do trí tưởng tượng phong phú của dân ta hồi mới lập quốc.

Từ thế-kỷ thứ XIV trở đi, các

vị vua chúa Việt-Nam đã khéo dùng "tài sắc" của cô gái Việt-Nam để giúp triều-dình trong việc thắt chặt tình giao-hiếu đối với các nước láng giềng và đồng thời mở rộng bờ cõi nước nhà trên đường Nam-Tiển. Có lẽ cũng là phương sách êm đẹp áp dụng một cách thường xuyên và hữu hiệu đối với các lân bang.

Cũng như vua Trần - Nhâm-Tông và Trần-Anh-Tông đã gả công chúa Huyền-Trân cho Chế-Mân (Jaya Simhavirman III tức là Po Devada Svor : 1281 — 1306), Chúa Sài đã gả công chúa Ngọc - Vạn cho vua Cao - Mèn Chei Chetta II và công chúa Ngọc Khoa cho vua Chiêm-Thành Po Romé, cũng như vua Lê-Thần-Tông đã gả con gái cho vua Ai-Lao Suliya Vongsa. Vua Suliya lên ngôi năm 1637 và đã trị vì suốt 57 năm trời. Cũng vào thời kỳ này, tỉnh bang giao thân hữu giữa Lào và Việt đã được thắt chặt và đôi bên đã thỏa thuận rằng biên giới hai nước sẽ được quy định theo lối kiến trúc nhà cửa, nghĩa là những nhà sàn không thuộc về địa phận Việt-Nam.

Ấu cũng là một cách phân định biên giới rất tài tình và

ngô nghinh, tuy không mấy hợp lý vì thiếu khoa-học (!). Nhưng phương pháp ấy đã giúp cho ta lợi dụng tình thế di dân thật nhiều đến những nơi thích hợp, rồi xây dựng nhà trệt thật nhiều, để rồi dễ dàng đặt đổi phương trước một sự kiện đã rồi.

Vua Lê Thần Tôn không những gả con mình cho vua Lào mà còn tỏ rõ sự không phân biệt chung tộc bằng cách lấy một người vợ Hòa-Lan (une des six femmes du roi Lê Thần Tôn (1619-1662) était Hollandaise. — Huard et Durand : Connais-sance du Viêt-Nam).

Điều thắc mắc cuối cùng của chúng ta là tại sao hai nàng công chúa Việt-Nam lấy vua Cao-Mèn và vua Chiêm-Thành đã không được sách sử ta ghi chép lại rõ ràng.

Theo ý tôi, sở dĩ sử sách đã lơ việc ấy là vì « bài học của Huyền Trần Công Chúa ». Dân ta hồi nào vẫn còn « tự tôn mặc cảm » đối với các dân tộc thấp kém ; việc cưới gả công chúa cho Chiêm, Mèn, chẳng qua là quốc kế, chứ không cho đó là một vinh dự, lại còn sợ đám sĩ phu và dân chúng làm thơ chế giễu như Huyền Trần thuở nọ.

Chánh sách mở mang bờ cõi ngày xưa là chính sách định điền lập ấp ngày nay đã giúp cho dân hành trướng rất nhiều lãnh thổ

và thế lực trên bán đảo Đông Dương.

Vì thế, ngày nay :

*Uống nước ta nhớ đến nguồn,
Thấy non sông rộng, nhớ ơn
cao dày.*

Trong khi chúng ta tạ lạc trên miền Nam gấm vóc này đê an-hưởng thái-bình thịnh-tri, lòng nào lại quên không nhắc đến công nghiệp vĩ đại của Công-Chúa Ngọc-Vạn, người đã đặt quyền lợi Tò quốc lên trên những thành kiến chủng-tộc và đã thiết lập những mối bang giao đầu tiên giữa hai nước Việt-Mèn.

Và để kết luận bài này, chúng tôi xin ghi lại sau đây một bài thơ cung vịnh hai vị công chúa Ngọc Vạn và Ngọc Khoa đã làm tròn sứ mệnh của người phụ nữ Việt-Nam, dù xa quê hương đến mấy, vẫn lo tìm cách mở mang bờ cõi nước nhà, bằng phương pháp hòa bình, nhờ có sự thỏa thuận hoàn toàn của đôi bên :

*Ngọc Vạn, Ngọc Khoa vương
một niềm,
Vì ai tâng điểm nước non Tiên ?
Chị lo giữ vẹn tình Miên Việt
Em nhớ làm tròn nghĩa Việt
Chiêm.
Bà-Ria, Biên-Hòa thêm vạn
đăm,
Phan Lang Phan Lý mở hai
miền,
Non sông gấp mây Châu Ô, Lý
Nam-liến công người chẳng
dám quên...*

HỘI KÝ

MỘT ĐÒI NGƯỜI

* THIẾU-SƠN

CHƯƠNG X

THAM LÀNG NGHỆ . SĨ SÂN - KHẨU

(Tiếp theo P. T. số 17)

TỪ ngày mới vô Nam tôi đã được nghe anh em ca-tung cô Phùng-Há. « Anh phải đi coi cô Phùng-Há đóng tuồng. Và phải coi cô đóng tuồng Tàu mới thấy rõ tài-nghệ của cô. Khi cô cất tiếng ca thì như có luồng điện giật làm cả rạp phải say mê nín thở ». Tôi cũng theo các bạn đi coi cô Phùng-Há đóng tuồng và cũng đã có giờ phút say-mê nín thở như lời ca-tung nói trên. Rồi từ ngày đó hễ có cô Phùng-Há về hát ở Gia Định là tôi phải đi xem. Một đêm cô đóng vai Mạnh-lê-Quân say rượu làm tôi cười nghiêng-ngửa như chính mình cũng đã nhấp hơi men mà dạo

chơi trong vườn ngự-uyên thay thế cho ông vua đà-tinh thiêú cả tài-hoa lần phong-độ.

Tôi viết một bài nói về cô Phùng-Há say rượu trên tờ Dân-Báo của anh Bùi-thế-Mỹ. Rồi người được phê-bình gởi lời cảm-tạ. Rồi tôi làm quen với vợ chồng ông bầu gánh Phùng-Há và mỗi lần gánh hát ghé Gia-Dịnh là tôi được giấy mời cho hết cả gia-dinh. Sau này tôi còn nhiều lần gặp ông Nguyễn-Bửu và chị Bảy Phùng Há, nhưng tiếc rằng gặp riêng từng người một mà không gặp chung cả cặp như hồi đó.

Nhưng đời chị Bảy là đời

Nghệ - sĩ. Trong những đêm người ta êm ấm cảnh gia đình thì chỉ phải lên sân khấu để cống hiến cho người đời những cảm xúc, những say sưa, những trân - cười nghiêng ngửa, những giọt lệ thiết tha để người ta được sống những giờ phút khác thường trong cảnh sống tầm thường lặng lẽ. Cũng như các bạn đồng nghiệp của chị, chị đã hy sinh đời sống riêng tư của chị để tài-bồi cho đời sống tình cảm của chúng ta. Cũng như đối với các bạn đồng-nghiệp của chị, tôi chỉ thấy chị ở trên sân - khấu với tài nghệ của chị, với giọng ca của chị, với cái hào - quang rực-rỡ làm cho chị trong sáng và đẹp - đẽ vô cùng.

★
Cô Năm Phi sau khi qua biều diễn ở Pháp về cũng gặp thờ; oanh-liệt, chia sót bốn bàng cái hào-quang của chị Bảy trên sân - khấu Cải - Lương. Nhưng một người thì phúc hậu đoan - trang, một người thì mãnh - mai uyên - chuyễn, một người nghiêm-túc thì hay, một người lảng-tơ thì đẹp, một người có giọng ấm mà trong, một người có giọng hơi rè mà chưa bẽ nhưng vẫn còn sức thôi. Miền trong những cảnh cụp - lạc,

một dǎng là Mạnh-Lệ-Quân oai - nghi mà diem-lệ, một dǎng là Diêu-Thuyền tha - thoát, diêm-dúa, éo-lá, mê-ly.

Tôi đã gặp cô Năm Phi ở nhà riêng. Cô tỏ ra lịch-sự, bặt-thiệp, vui-vẻ với mọi người và có biệt - nhở với nhà văn.

Cô Năm chết đi, mất một đối thủ lợi-hại của cô Bảy. Nhưng hai đối thủ bồ-túc cho nhau, lẩn một ngôi sao thì ngôi sao kia cũng chơi-vơi lẻ ban, đây thiệt - thời cho sân-khấu Việt-Nam và để nhớ thương bốn-bàng trong tâm hồn chị Bảy.

★
Trong khi hai ngôi sao đương rực-rỡ chơi lòi thì những ngôi sao khác nồi lên với những ánh sáng rực-rỡ êm-dịu nhưng càng ngày càng tỏ rõ để tô-diêm cho sân-khấu Việt-Nam.

Tôi đã coi cô Thanh-Loan đóng vai chú tiều Lan trong tuồng «Hồn bướm mơ tiên». Sao khẽ người và gương mặt cô dào lại thích-hop với vai tuồng đến thế ! Đẹp quá ! Hay quá ! Xứng quá ! Chú tiều có sắc-diện của một nhà tu - hàn hì say sưa mùi đạo, nhưng bao lần đã biều-lộ sự m恁 bình-tĩnh trước ma-lực của ái-tình. Những đợt sóng lòng của chú tiều kín-dáo và tể-

nhi đã được diễn-tả bằng tài-nghệ và cả cái hồn thè tẽ-nhị, và kín-dáo của Thanh-Loan.

Còn cô Kim-Thoa trong những vai hối-hận và đau khổ đã khóc ra nước mắt mà khóc một cách mùi-mẫn thiết tha làm tôi nhiều lần cũng nghẹn-ngào chậm mắt.



Tôi có dự một bữa tiệc thôi nôi của con cô Kim Thoa có gần đủ mặt anh em kịch-sĩ tới dự. Hôm đó, chồng cô, anh Tư Choi tức Huỳnh-thủ-Trung đã sung-sướng mà cung-ly với tôi. Tôi cũng sung - sướng được sống với anh chị em những giờ-phút đầm-ấm, đoàn kết và khăng-khit biết bao tình của làng văn nghệ sân-khấu. Anh chị em lấy làm cảm động về sự có mặt của anh em làng văn, làng báo trong những cuộc liên-hoan như thế.

Vắng các bạn xã-hội sẽ thiếu-thốn rất nhiều, đời sống lặng-lê càng lặng - lê dùn - hiu.

Tôi thấy các bạn cũng thèm-khác những tình yêu chân-thật, say-mê tình bạn tri-âm, tận-tụy cùng người tri-kỷ, tha-thiết yêu đời và cũng nặng lòng yêu nước như hầu hết mọi người.

Anh Huỳnh-thủ-Trung vừa là

kịch-sĩ vừa làm thầy tuồng. Những tuồng hát của anh phần nhiều có tính-cách rắn đời, có những bài học luân lý hay những lời thiết tha gắn bó về tình non sông, tình đất nước.

Anh đã học chữ nho với cụ Huấn Quyền, nguyên giám đốc Đông kinh Nghĩa-Thục, bị thực dân an trí ở Bến tre, nên anh cũng có những câu đầy nghĩa khí cho những vai chí sĩ anh hùng.

Nhưng anh lại có tật mê bạn, hơn mê vợ và bê tha nhậu nhẹt cho tới quên cả bồn phán làm chồng, làm cha. Gặp anh chỗ nào là thấy có chai rượu ở đó. Anh ôm bạn trong những giờ phút say xưa, chửi đời trong những khi quá chén. Nhưng tới khi tĩnh rượu anh lại ủ rũ buồn rầu, ăn năn và đau khổ.



Anh Nguyễn-thành-Châu tức Năm Châu cũng hào phóng, cũng say rượu, say tình và say bạn. Nhưng anh biết tự chủ trong những giờ phút cần phải tự chủ và chỉ bừa bãi những lúc đáng-bừa bãi mà thôi. Anh biết tổ chức cuộc đời của anh để giữ một phần lớn ngày giờ cho nghệ-thuật. Anh xuất thân ở một

trường Trung học, ham đọc sách, đọc rất nhiều kịch bản Pháp và những sách nói về nghệ thuật sân khấu ở Tây Phương. Anh bỏ học để theo hát. Nhưng anh vừa làm tuồng vừa viết kịch và có những vở kịch của anh tี nhị và sâu sắc đáo dè. Nay anh đã trên 50, bỏ sân khấu qua màn ảnh và chuyên âm cho những cuốn phim ngoại quốc, như là phim Ăn-Độ. Không biết qua đia hạt mới anh có thành công được như anh đã thành công ở đia hạt cũ chăng? Vào khoảng 2, 3 mươi năm về trước anh Năm-Châu có thể coi như một trong những người có công xây dựng và cải tiến nghệ thuật sân khấu ở miền Nam.



Nói tới Năm-Châu là phải nói tới Tư-Trang. Hai người như hình với bóng. Tư-Trang không phải là một kịch sĩ nhưng anh là một thầy tuồng, một thầy tuồng gần như của riêng gánh Năm-Châu. Đã có Năm châu lại thêm Tư-Trang, gánh Năm Châu ăn trùm về tuồng mới, có số-lượng và có phầm-chất hẳn-hỏi. Cộng sự với Năm Châu không thấy anh Tư-Trang than-phiền một lời nào về cách đối-xử của bạn và luôn luôn thấy anh tận-tình săn-sóc cho tên-

tuổi, sự nghiệp, quyền-lợi vật-chất và tinh-thần của anh Năm. Tư-Trang thật đáng gọi là ông bàu của ống bàu.



Đối với "quái - kiệt" Ba-Vân tôi đã thấy anh ở trên sân-khấu và lên sân-khấu để uống rượu với anh khi ván hát. Ngồi ở dưới mà ngó lên tôi thấy anh linh-dộng, duyên dáng, thông-minh, quí-quắt trong những vai tuồng của anh. Trong vai tuồng "Người điên biết yêu", anh đã cự-tà được một con người bất-thường trong hai trạng-thái xen kẽ với nhau và nhiều khi lại hỗn hợp vào nhau. Làm người điên khó. Làm người điên vì tình cũng khó. Nhưng làm người điên biết yêu lại càng khé hơn. Vậy mà Ba-Vân đã đóng vai tuồng khó khăn đó một cách dễ-dàng. Còn nói tới diệu thì anh! hật th襌 sầu.

Tất cả ở người anh đều choc cười thiên-hạ được. Nghe anh nói người ta cười. Mà anh làm thính người ta cũng cười được. Anh cử-dộng, anh đứng yên, anh néo mày, anh bậm miệng, nhứt nhứt đều khiến người ta túc-cười. Anh như có tài thôi-miên trong khoa hài-hước.

Nhưng khi văn hát tôi lên sân khấu ngồi bên anh mà nói chuyện tâm-tình thì anh lại trở nên nhu-mì, vui-vẻ, ngoan-ngoản, dễ thương. Anh có cảm tình đặc-biệt đối với nhà văn, nhà báo.

Người lớn tuổi nhứt trong lớp kịch-sĩ vào thời đó có lẽ là anh Bảy-Nhiêu. Anh bây giờ đã gần 60. Vợ chồng anh có một cái quán bán cà-phê kế bên đình Phú-Hòa Tân Định.

Quán nhỏ xíu vừa làm chỗ ăn, chỗ ngủ cho hai vợ chồng già. Hết khách hàng tới mà quen với ông chủ thì ông chủ không lấy tiền và nhiều khi còn cho thêm tiền là khác. Quán nhỏ mà đông khách, nhưng lại đứng hạng khách quen của ông chủ.

Sau nhiều năm xa cách, tôi về Sài-gòn ghé thăm anh thì anh reo mừng, vỗn-vã, siết tay, choàng vai, biểu lộ một niềm thương cảm thiệt tình làm cho lòng tôi xúc động.

Tôi nhớ tới anh trong những

vai từng được hoan-nghinh bè-rap, nhớ tới anh cách đây 2, 3 chục năm đã làm cho bao người phải hít-hà, chầm-chồ, chăm chú vào từng cử-chì và lời nói của anh. Tôi cũng ở trong số những người đó nhưng tôi cho rằng anh đã cống-hiến quá rộng-rãi cho những mối tình già-tạo thì kho tình-cảm của anh tất phải khô-cạn đối với những mối tình thiệt ở đời. Nhưng tôi đã làm. Anh Bảy cũng như tất cả các bạn của anh mà tôi quen biết đều có một đời sống tình-cảm dài-dài giành riêng cho những người tri-kỷ.

Tôi đã thấy được phần nào những kho tàn quý báu ở các bạn, tôi cũng tha-thiết mong cho những người kế-nghiệp học-hỏi ở các bạn những ưu-diêm mà tránh những lỗi-lầm sa-đọa mà chính các bạn đã mắc phải. Các bạn cũng như chúng tôi, chúng ta đều là nạn-nhân của hoàn-cảnh xã-hội và chế-độ thực-dân.

(Còn nữa)



♦ DANH NGÔN

— Tình yêu bao giờ cũng làm người ta tưởng đến những điều mà người ta ngờ ngờ nhất.

(Marivaux)



NHA-TRANG SƯƠNG MỜ

Ngày đã tắt... Chiều vào đêm lặng lẽ.
Buồn tự dung theo sóng vỗ rì rào.
Gió lùa qua cây lạnh lá lao xao.
Bờ cát ngủ im lìm trong đêm vắng.



Rồi bỗng chốc sương sa và khí lạnh.
Gió ngừng im nghe sáo vọng mơ hồ.
Dần về khuya trời lạc cõi hư-vô.
Nghe im vắng đang len vào tiếng sóng.



Nghe hồn nhẹ dì sâu vào cõi mộng.
Tiếng gì đây, như tiếng nước xa khơi ?
Bóng gì đây, như bóng chiếc sao rơi ?
Hay tháp cũ ma Hời còn vương vất ?



Trong đêm lạnh ta nằm im trên cát,
Thả hồn dì theo mộng khắp trời thơ.
Khi ta dậy sương trời rơi ướt át.
Ánh trăng buồn không sưởi được ta khô.



Đêm Nha-trang ơi ! Đêm Nha-trang ơi !
Đêm Nha-trang huyền ảo với sương mờ.
Đêm Nha-trang còn đẹp đến bao giờ !

HUỲNH - TẤN

(4 - 59)



ĐƯỜNG HAI NGÀ

* HOÀNG-THẮNG



— Tôi sẽ nghe:
theo lời khuyên của anh. Tôi cũng
đã nghĩ kỹ rồi, dù anh không có
ý kiến đó, tôi cũng đã tính như
vậy ngay sau khi xảy ra câu chuyện
khốn nạn đó.

Lòng tôi hân hoan cởi mở khi
đã rõ ý định của Hương. Khi
nào việc của nàng đã giải quyết
xong, tôi sẽ hỏi Hương làm vợ.
Tôi không thể sống bình thản
được nếu không có nàng luôn
luôn bên cạnh tôi — tôi chắc như
vậy — vì tình yêu của tôi đã trọn

vẹn dâng cho nàng rồi. Kề ra thì
tôi cũng hơi ích - kỷ, nhưng, có
người đàn ông nào lại không ích
- kỷ trong tình yêu?

Vì một sự tình cờ, tôi đã quen,
biết Hương tại nhà một người
bạn gái. Hôm đó tôi đến thăm.
Ngọc đê tặng nàng tập truyện
ngắn của tôi mới xuất-bản.

Thấy có khách lạ tôi định rút
lui nhưng Ngọc đã giữ tôi lại.
Nàng có vẻ thích thú khi giới
thiệu tôi với bạn nàng. Người
con gái ngồi bên Ngọc có đôi mắt
rất trong và nhất là đôi môi, đôi
môi nhỏ nhắn tươi đỏ làm sao!

Lúc nghe Ngọc nói tên tôi, đôi
mắt của người con gái bừng sáng
như ngọn lửa trong lò sưởi. Tia
mắt của nàng làm tôi ấm hẳn lòng
và cũng làm cho tim tôi rung động.
Tôi linh cảm ngay từ phút ấy tôi
đã bị tia nhìn đó thu hút hồn mình.

Hương vui vẻ nói,

— Không ngờ hôm nay tôi lại

được hân hạnh quen biết anh. Tôi vẫn thường đọc truyện của anh nhưng lại luôn luôn thắc mắc đến khó chịu về những đoạn kết của câu chuyện. Nó là lạ và có khi vô lý nữa làm đảo lộn hẳn sự ức đoán của người đọc. Lắm lúc xem xong tôi lại thấy tưng túc, khó chịu, bực mình.

Tôi mỉm cười xả giao :

— Có lẽ cô bực mình cả với tác giả nữa phải không ?

Hương cười hồn nhiên :

— Đúng thế. Nhưng riêng lúc ấy thôi,

— Nếu vậy may cho tôi quá. Nếu cô giận mãi mãi — như những lúc này chẳng hạn — thú thật tôi cũng chẳng biết nói làm sao.

Tรước khi Hương về, tôi biểu nang một cuốn với giọng chữ nơi trang đầu : « Mong mỏi cô Hương chỉ tưng túc, bực mình trong phút chốc khi đọc hết tập truyện này ».

Đọc xong giọng chữ, Hương ngước mặt nhìn tôi trong khoảnh khắc. Nàng không nói gì nhưng ánh mắt của nàng đã gửi cho tôi bao niềm cảm mến chân thật.

Khi Hương về rồi, Ngọc mới cho tôi hay Hương đã có chồng. Chồng Hương là một kỹ nghệ già giàu có ở Saigon. Biết được

một sự thật.

Tôi nhăn mặt và đưa vội tay đỡ lấy ngực. Tim tôi như vừa bị bóp mạnh, đau nhói.

Ngọc như không để ý thấy sự thay đổi đột ngột của tôi, vẫn tiếp tục kẽ :

— Có thể nói vợ chồng Hương là hai thái cực. Chị ấy tươi vui bao nhiêu thì trái lại, Hai tên chồng chị ấy — lúc nào cũng làm làm lỳ lỳ, trông thật đáng ghét. Nhìn ai thì gườm như là nhìn kẻ thù. Đã nhiều lần chị Hương thường nói không khí trong gia đình của chị lạnh như một bãi tha ma vậy.

Tôi buộc miệng hỏi Ngọc :

— Biết vậy tại sao Hương không thoát ly hẳn cái địa ngục gia đình đó ?

Nga ngần mặt nhìn tôi :

— Anh tưởng cứ lấy nhau rồi lại bỏ nhau dễ lắm sao ? Bởi người con gái chỉ một lần lấy chồng nếu chẳng may duyên số có bị bê bối thì cũng dành phASC mặc cho số mệnh, đến đâu hay dở.

Tôi thấy Ngọc có vẻ « ani phận » cho số kiếp nên dành im lặng nhưng lòng tôi nao nao thương cảm cho Hương và càng mến nàng hơn nữa.

Không muốn cho Ngọc biết, tôi

đánh dấu kín tình cảm của tôi đối với Hương vào tận đáy lòng. Tôi tự an ủi mình : « Ta yêu Hương như là say mê một tác phẩm hay, một bức tranh đẹp. Thế thôi ! »

Sau đó, chúng tôi thường gặp nhau luân. Hương rất tin tôi, nàng coi tôi như một người bạn thân nhau từ lâu. Nàng thường tỏ ra an phận với hoàn cảnh hiện tại.

Có lần Hương còn cho tôi hay nàng nghe mong manh hình như Hải bắt nhân tình với một thiếu nữ tên là Lam. Theo ý nàng, nếu câu chuyện đó có thật, cô gái kia chỉ lợi dụng túi tiền của Hải mà thôi nên nàng cũng bỏ qua không chú trọng.

Nhưng, Hương không chú trọng không được. Câu chuyện xảy ra trước mắt nàng đột ngột quá như một cơn mưa rào ào ào đổ xuống ngay khi ánh mặt trời còn chang chó.

Tối hôm trước, hai vợ chồng nàng đi xem Đại nhạc hội ở rạp Thống - Nhất. Nơi đây Hải đã nhìn thấy người yêu của mình cũng đi xem với một thanh-niên lạ mặt. Hắn ta đẹp trai, khoẻ mạnh và trẻ. Nhìn thấy Lam cười nhí nhảnh bên người con trai lạ, Hải đã không kìm được sự ghen tức đang dâng mạnh làm mờ cả lý trí, anh cũng quên rằng mình

đang ngồi bên cạnh vợ ở nơi đông người và đã hùng hổ bước tới chỗ cặp nhân tình kia.

Đúng là sự bất ngờ xảy ra ngoài chương trình của buổi Đại nhạc hội, chàng thanh niên vô danh kia đã bị Hải tát túi bụi. Tưởng rằng người đánh mình là chồng chính thức của Lam, anh ta vội bỏ chạy ra ngoài rạp.

« Em buồn và nhục nhã quá. Thật tức hết sức khi Hải đã xử như vậy trước mắt em nên em cũng bỏ ra về cùng một lúc với cô Lam.

« Cho tớiтра nay vẫn chưa thấy Hải về nhà. Có lẽ anh ấy nhận thấy mình đã quá lố khi ghen với nhân tình ngay chỗ đông người và nhất là trước mặt vợ nên đã không dám về nhà sợ em hạch hỏi chăng ? »

Sau khi kè hết cho tôi nghe, Hương tỏ vẻ khinh bỉ và ghê tởm người chồng tội lỗi. Nàng tỏ ý không muốn trở về căn nhà nữa và nhờ tôi tìm dùm một nơi tạm. Tôi vội chỉ cho Hương đến ở căn buồng của một người bạn thân của tôi bỏ không vì anh đang làm việc trên Ban Mê Thuột. Rồi trong lúc sốt sắng và cúng vì nghĩ tới mình, tôi đã khuyên Hương nên xa lánh hắn Hải.

Có lẽ người đàn ông chỉ nghĩ

tới người đàn bà nhiều nhất vào lúc họ rời xa mình. Trong mấy tháng trời sống ly thân chờ Tòa xử cho ly dị. Hương luôn luôn phải nghe những lời cầu xin tha thứ của chồng nàng. Hương khăng khăng không chịu và nàng cũng không muốn tiếp chuyện nhiều.

Riêng tôi, tôi cũng mong vụ án đó được xử mau chóng để tôi sẽ tính chuyện của tôi với nàng. Tôi tin rằng Hương sẽ vui vẻ tiếp nhận lời cầu mong của tôi. Đã từ lâu nàng chỉ biết có tôi, không có lý nàng lại từ chối hạnh-phúc mới khi tôi dâng đến cho nàng.

Nhưng một dịp không may đã xảy ra làm sai lạc hẳn mọi dự tính của tôi.

Vào một buổi chiều thứ bảy, khi mọi người đều tòả ra ngoài đường phố để đi dạo mát, tôi lái chiếc Morris thẳng hướng Trần-hưng-Đạo vào Chợ Lớn.

Khi tới một ngã tư, xe đang chạy nhanh, bất chợt, một người khách bộ hành chạy băng qua lộ ngay trước mũi xe.

Tôi vội thảng lại nhưng không kịp. Người lá mặt bị mũi xe bắt tung lên nắn sóng sượt trên vũng máu. Mọi người đồ sộ đến và tôi cũng mở cửa xe nhảy với xuống đường.

Tôi sững sốt hết sức khi nhận ra người bất hạnh đó là Hải, chồng của Hương. Thế là gián tiếp tôi đã giết chồng nàng trong

lúc vụ án ly dị chưa được xử. Hương sẽ nghĩ sao về tôi khi tôi tường thuật lại câu chuyện bi thương này?

Nhờ những người làm chứng khai chính mắt họ trông thấy Hải đã lao mình vào mũi xe của tôi để tự tử nên tôi đã được tự do. Tôi phân vân và riêng trách Hải sao lại nhẹ đúng xe của tôi để lao đầu vào mà không phải là của người khác?

Việc đầu tiên là tôi lại ngay nhà Hương để báo tin. Tôi cố lấy bình thản kẽ lại cho nàng hay và ân hận đã xảy ra câu chuyện đó. Tôi không dám khuyên nàng đừng buồn, tôi chỉ mong tình bạn vẫn mật thiết giữa tôi và nàng nhưng tôi ngạc nhiên hết sức khi Hương đã nức nở khóc và sua đuỗi tôi như sua đuỗi một kẻ sát nhân.

Có lẽ theo ý nàng nghĩ — Hải vì buồn rầu về sự ly thân của hai người nên đã đi tìm cái chết để giải thoát mọi sự đần vặt nội tâm và cũng vì cái chết của Hải mà tình yêu và thương đã trở lại với nàng.

Riêng tôi, tôi không còn can đảm để mở miệng hỏi nàng làm vợ nữa. Hạnh phúc cũng đã chết theo Hải rồi. Một cái hố sâu đã ngăn cách Hương và tôi, chia rẽ chúng tôi mỗi người đi một ngả trên cùng một con đường đời muôn dặm.

*NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG-BỐNG
TRONG LỊCH-SỬ VIỆT-HOA*

TÂM SỰ VƯƠNG - CHIÊU - QUÂN VÀ

VÔT sự ngẫu-nhiên trong lịch-sử Việt-Hoa, là hai người đàn bà, tuy sinh ở hai địa-diểm và hai thời-gian khác nhau, nhưng lại có một hoàn-cảnh và một tâm-sự giống nhau. Đó là Vương - chiêu - Quân đời Hán (năm 32, trước Tây lịch kỷ nguyên), và Công chúa Huyền Trần đời Trần (1306).

Chiêu-Quân, tên tộc là Vương-Tường, cung-nữ của Vua Hán-Thành-Đế. Phải khi quân Hung-Nô vào khuấy-nhiều biên-thùy Trung-quốc, gian-thần là Mao-diên-Thọ, trước có hém-kích với Chiêu-quân, bèn dâng kế xin đưa nàng sang cống cho rợ Hồ, để cầu hòa. Khi đến đất Hung-Nô, Chiêu quân tự-tử che trọn nghĩa với vua nhà Hán.

Còn Huyền-Trân công-chúa là gái của vua Nhân-tôn nhà Trần.

Năm quý tị (1293) Nhân-tôn truyền ngôi cho con là Anh-Tôn, rồi lên làm Thái-thượng-Hoàng, Năm tân-sửu (1301) Thượng-Hoàng sang du-ngoạn Chiêm-Thành, có húy gả con gái là Công-chúa Huyền-Trân, cho Chiêm-vương là Chế-Mân. Đời lại vua Chàm bỗng lòng dưng hai châu Ô, Lý dê làm sinh-lễ. Năm bính ngọ (1306) vua Anh-Tôn che đưa em gái là Công chúa Huyền-Trân sang Chiêm-Thành và thâu-nhận hai châu Ô, Lý, đổi tên là Thuận-châu và MINH-KHA - Hoá-châu, tức là đất Thuận-Hoá (Hué) ngày nay. Năm sau, Chế-Mân mất; theo tục-lệ Chiêm-thành, khi nhà vua chết, các vương-hậu phải chịu hỏa-thiêu, chết theo chồng. Được tin ấy Anh-Tôn sai đại tướng Trần-Khắc-Chung đến Chiêm-Thành, tìm cách rước

Huyền-Trân về nước.

Cả hai người Chiêu-Quân và Huyền-Trân, đều ra đi một cách bất đắc dĩ, mặc dầu đã nhận lệnh một sứ-mạng nặng nề: đem lại hòa-bình cho đất nước, bằng cách kết tinh hòa hiếu giữa hai dân-tộc, thường hem-khích lẫn nhau. Thật không còn có sự hy-sinh nào cao-quí hơn nữa!

Ta nên biết rằng khi xưa người Trung-quốc thường có ác-tự-phụ cho mình giống người văn-minh nhất thiên-hạ. Vua của họ là thiên-tử, nước của họ là thiên-triều, ngự-trị vùng Trung-Nguyên hay Hoa-Hạ, còn bốn phương, tam hướng điều là di-dịch, man rợ cả. Chúng đã dùng câu Hồng di, Tây dịch, Nam man, Bắc nhung để gọi các người ở chung-quanh mình. Do đó cái tâm-lý « tự tôn mặc-cảm » ấy, chúng xem thiên-hạ không ra gì cả, mà chỉ có họ là « trời con ». Nay nhất-dán, phải ép lòng đưa một cung-phi, sang cổng cho rợ Hồ, thật là một điều sỉ-nhục cho cả nước. Riêng Chiêu-quân phải đem tấm thân « vàng - ngọc » dựa kè « giống hôi-tanh », cái tâm-sự của nàng, lúc bấy giờ, quả thật là náo-nề, bi-dát, chỉ có cái chết mới mong xóa bỏ được. Quả-

nhiên Chiêu-quân đã mượn con đường này, để được trọn nghĩa với Hán-hoàng.

Nước Việt-Nam khi xưa, đối với các lân-quốc miền Nam, như Chiêm-thành, Chân-lạp, Lào qua, cũng đồng một quan niệm « khinh kí » như Trung-quốc đối với các dân-tộc miền Bắc.

Đành rằng : vì cũn hiếu. Công-chúa Huyền-Trân phải dành kết hôn với một người ngoại-bang, mặc dù người ấy là một vị vua. Nhưng tâm-sự của nàng khi cất bước « Võ-qui » cũng bi-dát não nùng, không kém tâm-sự của Vương Chiêu-quân, mà có lẽ còn nhiều hơn nữa. Không biết hậu-thế, có ai hiểu cho « nỗi lòng » của hai nàng, mà nhỏ chو vài giọt lệ nào chăng ?

Hơn hẳn Chiêu-quân, Huyền-Trân đã thực-hành được một sự hy-sinh cao cả ; đem tấm thân ngàn vàng để đổi lấy Ô-Lý, tức là nói rộng lãnh-thổ quốc gia, mà khỏi tổn một gọt máu, một mũi tên nào cả.

Đây là một lối chinh-phục đất-dai tân-kỳ nhất, ôn-hòi nhất, mà cũng hiệu-nghiệm nhất, còn hơn chánh-sách « tám thực » của Nguyễn-cư-Trinh sau này.

Trong lịch-sử Nam - tiến của dân-tộc ta, có lẽ công-chúa Huyền-

Trân là người phụ-nữ đầu tiên và duy nhất, đã mạnh dạn mở đường cho các thế-hệ sau này.

Những người, hiện đang sinh-trưởng ở làng Thuận-Hóa, Quảng-Nam ngày nay, có tưởng nhớ chặng công-nghiệp của con người, cách đây hơn sáu trăm năm, đã phát cờ Nam-tiến, không phải với vũ-lực, với máu xương, mà chỉ với một đức hy sinh vô bờ bến.

Công nghiệp ấy không sút kém một Nguyễn - Hoàng hay một Nguyễn-cư - Trinh.

Một điểm khác nữa, là không giống với Chiêu quân đời Hán, Huyền-Trân đã hiếu rõ lẽ kinh quyển, không chịu đem cái chết để kết-thúc đời mình, một cách vô-lý và mù quáng. Nàng đã tìm cách trốn về quê hương, sau khi đã hoàn thành sứ-mạng cao-cả của mình. Có lẽ mối tình giữa nàng và đại-tướng Trần-khắc-Chung cũng là một trong những động-cơ, thúc đẩy nàng vạch ra con đường «sống» đó, trong khi phong-tục, tập quán Chiêm-thành, buộc người đàn bà phải chết theo chồng. Nàng đã sáng suốt chống lại một tập tục gần như dã-man ấy.

Canh ngô khắc-khe của công chúa Huyền-Trân, khi phai lìa xứ sở xa đà, hiến thân cho một người dị tộc, đã biến thành một thiên tình-sử bi hùng tráng, làm dầu dè không biết bao nhiêu là thi ca, kịch-bản trong nước ta. Cho đến người đương thời cũng thương tiếc giùm

cho số phận hẩm-hiu của một nàng công chúa « lá ngọc cành vàng », bằng cách biếu lộ tình thương ấy, trong câu ca-dao :

« Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Đề cho thẳng mán, thẳng
mường nó leo. »

Cây quế dây là ám chỉ công-chúa Huyền-Trân còn thẳng mán, thẳng mường là ám-chỉ Chiêm-vương Chế-Mân vậy.

Và một câu khác :

« Tiếc thay hội giao trăng ngắn,
Đã vo nước đục, lại vẫn lừa
rơm. »

Các thi nhân cũng không thiếu đề tài, khi muốn đem chuyện công-chúa Huyền-Trân ra ngâm咏.

Sau đây là một bài thơ, thất ngôn bát-cú của một nhà văn-cận đại, vịnh công-chúa Huyền-Trân, mà tôi mạn - phép, mượn làm lời kết-thúc cho bài này :

« Đời chác khôn ngoan,
khéo nực cười,
Vốn đã không mắt, lại
thêm lồi,
Hai cháu Ô, Lý, vuông
nghìn dặm,
Một gái Huyền-Trân, cửa
mẩy mươi &
Lòng đỏ khen ai lo việc.
nước,
Môi son phải giống mắt
trên đồi.
Châu đi rồi lại cháu về đố,
Ngo-ngắn trong nhau, mẩy
dứa Hời. »



CHỜ MONG

Một màn trang lưỡi liềm,
Mơ màng nhìn xuống hiền.
Một làn gió tha thưốt,
Nhẹ như áo nàng tiên.

Tôi đợi từ hôm qua,
Tôi mong từ hôm kia.
Thời gian ơi, có biết
Tôi chờ mong thiết tha ?.

Thiết tha là lòng mong lì
Tôi mến vùng trang trọng,
Tôi yêu làn gió dịu,
Thường chờ ở bên song,

Trang gió đỡ về đây,
Chờ mong như bóng mây,
Lững lờ trời không bến.
Lòng tôi, gặp sao mây !

• TUYẾT-HƯƠNG

TÚ TRUNG

* LUÔNG-TRỌNG-MINH *



Tú Trung và
Nguyễn-công-Trú
là đôi bạn tâm giao.

Hai ông thường lui
tới với nhau để xướng-hoa, ngâm
vịnh và « liếc mắt trong xem
người lớn bé » để rồi « vénh râu
bàn những việc xưa »

Nay là văn đề Thời-sự.
Thiên giải thoại văn chương
này có tính cách cá nhân
dính líu đến thân thế và sự-nghiệp
của Nguyễn-công-Trú nếu Tú
Trung không dọa-dám mà « bắt
bình nổi trận dùng dùng sấm
vang » để « mượn hơi hùm
sung nhác khỉ » thì Nguyễn-
công-Trú cũng đã một phen rơi
đầu... xanh cỏ... !

TÚ-TRUNG họ là gì, chửi lót
là gì ít người biết rõ. Ông ta đậu
tú-tài hồi thời Minh-Mạng, đã có
vợ và lẽ tất nhiên là có con tung

bảy (ba Tú, người
thấp-thấp lùn lùn như
Gà Ri vậy !).

Một hôm cụ Tú
nhà ta mời Nguyễn-
công-Trú qua dự lê
ăn mừng đầy tháng cho một đứa
con trai út. Theo quan niệm xưa
thì « *nhất nam viết hưu thập
nữ viết vò* » hay « *nữ-nhị ngoại
tộc* » cho nên cụ Tú Trung làm
một bữa tiệc linh đình để thiết-
đãi các bạn tâm giao, và hầu hết
là sinh thơ.

TRA ĐUA

Nguyễn-công-Trú đi ngay sau
khi được thiếp mời của Tú
Trung.

Đến nhà, cụ Tú niềm-nở tay
bắt mặt mừng... và mời Nguyễn-
Quân an-tọa.

Theo « nghi thức thường lệ »,
thì bà Tú bồng con trai út ra
khoe — Cụ Nguyễn-công-Trú
cười chum-chím rồi ứng khẩu đọc
một câu thơ :

Nay mừng Quan-lén đẻ con...
Trai !

Vợ chồng Ông Tú Trung
đang rờ đắc ý hỏi :

— Sao nữa, cụ Nguyễn ? Xin
cụ nói tiếp luôn, nghe nào... ?

Nguyễn-công-Trú ung dung
cười nụ :

— ĐÓ CỦA...

Tú Trung, bản chất đà nghi
như Tào-Tháo, nồng nảy thết
yêu :

— Của ai, thưa cụ ?

Cụ Nguyễn ôn tồn đáp thành
câu thơ thứ hai :

— Đó của Ông « làm », ché
của... ai !

Bà Tú cười bén lèn như gai
mồi về nhà chồng khung cũng
gắng gượng nói liều mạng :

— Thôi Cụ ! đó là lô tát
nhiên, Cụ khôi cần nói !

Tú Trung gật gù :

— Thế bây giờ Nguyễn Tiên-
sanh chúc cho cháu câu thơ gì
nữa nào ?

— Nguyễn-quân này mới kỳ
khôi chứ ! nói thì cứ nữa úp...
nữa mở... làm mình sốt ruột..

Nguyễn-công-Trú cười ruồi :

— NUÔI CHO MAU LỚN
... ĐI... ĂN CUỐP...

Tú Trung lè lưỡi :

— Kỳ quái quá ! Sao cụ lại
chúc cho cháu là lớn lên đi ăn
cuốp ?

— Nguyễn - công - Trú cười,
tiếp luôn :

— CUỐP LẤY « KHOA
KHÔI » THẾ MỚI TÀI !

Cụ Tú-Trung thở ra :

— À ! có thể chứ ! Xin
Nguyễn quân đọc lại cho tôi nghe
kéo tờ quên mất.

Cụ Nguyễn vừa cười vừa gật
gù ngâm sang sảng :

Nay mừng... quan lớn đẻ con
Trai !

Đó của Ông làm, ché của ai ?

Nguyễn-Công-Trú

Nguyễn-công-Trú đáp liền :

— Nuôi cho mau lớn...

Thì-sĩ họ Nguyễn lại ngưng...-

Ông Tú nói :

Nuôi cho mau lớn đi ăn
cuốp...

Cướp lấy khoa khôi thế mới
tài !

❖ Cả nhà vui nhộn trong bầu không khí thân mật — Riêng cụ Tú Trung thì « hậm hực », nghĩ kế « trả đũa » cụ Nguyễn-công-Trứ, nhưng thời giờ chưa cho phép ông Tú-Trung tìm ra kế sách... « huyền diệu », hay diệu huyền, cho nên dành phải ngậm ngùi « Bonjour Tristesse » như Nữ sĩ F. Sagan, hay « Buồn ơi ! chào mi » như « bà Tú » Diệu-Huyền, vợ (?) của « ông Tú » Phè-Thông nhà ta vậy ! (1)

* *

Tiệc vui đã tàn, Nguyễn-công-Trú ra về không mang theo « mấy ả hầu non » dè hành lạc nhưng thường lệ, cũng không : « nám ba chú tiêu đồng lêch-thêch » dè « tiêu dao nơi hàn cốc thâm sơn » và cũng không mang theo « nào thơ, nào rơsu, nào địch, nào đòn » mà chỉ lòng thòng « đồ thích chí chât đầy song một túi » vì đã dám « chơi xỏ » ông bạn Tú Trung.

Chúng ta ai cũng biết cụ Nguyễn-công-Trú không những là một thi-sĩ trứ danh, một nhà nho tiết tháo, mà còn là

(1) Xin lỗi cô Diệu-Huyền, tôi nói ầm, không biết trúng hay trật !

một nhà kinh tế học, chính trị gia đại tài.

Thuở Hân-vi, cụ từng ôm-ấp hoài bão :

« Đã mang tiếng đứng trong
Trời đất
Phát có danh gì... với nút
sông. »

hay :

« Có Trung-Hiếu nên đứng
trong trời đất. Không công-
danh thà nát với cây ».

Ngược dòng văn-học-sử, chúng ta đã thấy cụ Nguyễn đã bị nhiều phen thăng-trầm trên đường hoạn-lộ. Cụ đã từng nói với người bạn đồng liêu của cụ (khi ông này gặp cụ Nguyễn-công-Trú tại Quảng- ngãi, khiêm tốn trong bộ đồ lính, tron (vì lúc bấy giờ cụ bị cách-xuống làm lính) :

— « Khi làm TƯỚNG, ta-
không lấy đó làm Vinh, cho-
nên khi làm Lính ta không cho-
đó là NHỰC ».

Thử hỏi ở thời đại nguyên-tử này có mấy kẻ tinh thần phục-vụ nhân-dân vô điều kiện như cụ Nguyễn, một tinh thần vì Dân vì Nước không vụ lợi, không hiếu-danh... Cụ Nguyễn-công-Trú đã dám nói và đã dám làm,

= Nếu là Học Sinh, Sinh-viên, chúng ta cũng nên có một câu

tương-tơ dè làm phuong-châm
hành động trong những mùa Thi-
cử khi « thất bại ê chề », khi
« tung hoành oanh liệt » :

— « Khi thi Đậu ta không cho
đó là Vinh, cho nên khi thi Rớt
ta không lấy đó làm NHỰC »
thì cũng an ủi một phần nào và
cũng tự hào lắm đấy !

Thuở Hán-vi, cụ Nguyễn-
công-Trú dã muốn thoát cái
cảnh : « ta đã mồi cảng ngồi
trì..., dần dần, nọ nọ, kia kia...
nó đã vượt râu làm bộ » dè rồi
nuôi chí lớn :

« Hợp nhau một tiếng CÔNG HẦU »

Nhưng... khi ra làm quan, cụ
đã chán ngấy những cảnh chướng
tai... gai mắt... của xã hội quan
tham ô lại, chỉ biết nịnh hót
tâng bốc vô liêm sỉ dè hòng bước
lên nấc thang danh vọng, cho nên
cụ muốn :

« Ngoài vòng cương tỏa chân
cao thấp — Trong thú Yên-hà
cuộc tĩnh say »

Dè rồi :

Liếc mắt trông xem người lớn
bé
Vénh râu bàn nhúng violet
xưa nay.
Của Trời : trắng giò kho vô
tận

Cầm hạc tiêu dao dắt nước nắng »

Cho nên ta cũng không lạ gì
khi vua Minh-Mạng thăng hà
chưa đầy một năm mà Nguyễn-
công-Trú đã lên chức Tòng-Đốc
Hải-Dương dã dám « độc sơn
thuyền » mang theo « bầu rượu,
túi thơ » cùng « mây ả hầu
non » dè « chơi cho lịch mót
là chơi, chơi cho dài các cho
người biết tay, Tài tình dể mây
xưa nay »...

Một hôm, « Ánh trăng vàng
vặc... giữa trời, » Tú Trung
tinh cờ bắt gặp cụ Nguyễn-công
Trú đang « định ninh hai miệng
một lời song song » với một ả
hầu non, trên chiếc thuyền bé
nhỏ.

Cụ Tú dừng lại... vụt nhớ đến
chuyện chơi xỏ của Nguyễn-quân
cách đây vài tháng,

Cụ Tú lanh trí, len lén chạy
nấp sau một cây cồ thụ rồi la
lớn mắng tiếng thất thanh :

— Ô HÔ !! Ô HÔ !!

Nguyễn - công - Trú giật này
mình ôm với mây ả hầu non dè
dồn nghị-lực, phòng khi bắc trắc
xảy ra, vì cụ định ninh rằng ma,
nhưng không dè là Ma Sóng,
mà « ma sống » ấy không
ai xa lạ, lại là cụ Tú Trung !

Tú-Quân phá lén cười rồi

xuất đầu lộ diện, Nguyễn-công-Trú hét lớn :

— Hừ ! Đồ quỷ ! Làm ta hết
hồn, hết vía ! »

Tú Trung cười nụ :

— Hừ ! quỷ à !!

Rồi ông tiếp :

— Ô HÔ !! Ô HÔ !!!

THIÊN II

THIÊN TỬ THĂNG HÀ VỊ NHẤT NIÊN... (2)

Nguyễn-công-Trú vội nhảy lên
bờ... và bịt miệng Tú Trung,
Tú Trung hất tay Nguyễn-công-
Trú ra mà nghiêm-nghị :

— Thảo mộc sơn hà gai sát, lẹ !
Hát dương Tông đốc độc
sơn thuyền !

Nguyễn-công-Trú sợ thiên hạ
nghe, liền tái xanh mặt, khàn
khoan :

— Lạy Ông !! Ông dọa tôi
có phải không ?

Rồi Nguyễn-công-Trú với cặp
mắt đỏ ngầu, nửa dùa nửa thật :

— Ông im dùm.. cho tôi một
chút... kéo mẩy à hầu non nghe
được mách lại với bọn Nịnh
thần, (vì lúc ấy nhiều vị quan
thấy Nguyễn-công-Trú có tài
dức thì đem lòng ganh-ghét, luôn
luôn tìm mọi cơ hội để dèm pha,

(2) Vua mới mắt chưa được
một năm.

cố phá hoại cụ) thì tôi rụng đầu
như chơi !

Tú Trung nghe lời lẽ châm
thành và có vẻ sợ-sệt của cụ.
Nguyễn, ông cười tươi như hoa
nở :

« Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng
mà thôi »

Cụ Tú dụng ý lấy hai câu thơ
của Nguyễn-công-Trú để « chơi
xỏ » Nguyễn - quân cung như
những chính trị gia xưa nay đều
dùng chính sách « lấy gậy thầy
gõ đầu thầy » vậy.

Duyên văn tự đã vô tình đem
lại cho hai nhà nho tiếc tháo một
giai thoại văn chương lý thú.

Là những kẻ hậu sinh, chúng
ta âm thầm Nguyễn- ngầm những
văn thơ trác tuyệt đối thoại ấy,
để rồi luận cõi suy kim....

Dưới thời Phong kiến, Nguyễn-
công-Trú đã từng tuyên bố :

« Ba vạn anh hùng đê xuống
đuối
Chín tầng thiên tử đột lên
trên »

Thế mà

« Thiên tử thăng hà vì nhất
niên, thảo mộc sơn hà gai
sát lẹ »

Đè rồi... Nguyễn-công-Trú
cả gan :

‘ ‘ Hát dương Tòng đốc độc
son thuyền... ’ ’

Chúng ta có quyền phân vân
tự hỏi : ‘ ‘ Nguyễn - công - Trứ
muốn người quên nỗi buồn... vẫn
dặm... của nho phong sỉ khí đã
đến lúc... suy tàn... chẳng ? ! ’ ’

Hay là ‘ ‘ chẽ độ phong kiến
chỉ gò bó con người đến một độ
nào đó để rồi nhường chỗ cho
tự do phóng túng của Thi-nhân ?

Rất mong quý bạn góp bàn ý-

kiến riêng tay đề thiêng giải thoát
này thêm phần hữu ích cho xã
hội hiện thời cho nhân tình thế
thái đề khôi mang tiếng là thời
đại mà :

‘ ‘ Tiền tài hai chữ son khuyên
ngược
Nhân nghĩa đồi đường nước
chảy xuôi ! ..
Ô-hô ! Ô-hô... Thiên !
(Viết trên bờ Hương-Giang
Huế)



★ DANH NGÔN

— Sự thành công của cách mạng không phải là xây dựng trên sự
Giết người mà là xây dựng trên sự Cứu người.

(TÔN-TRUNG-SƠN)

★ HẸN HÒ

Một chiếc xe hơi Mỹ, do một thiếu phụ Việt-nam lái, chạy
đường Trần Hưng Đạo, nhưng cứ đâm qua đâm lại, như người
say rượu.

Tôi lái xe chạy phía sau, hết sức ngạc nhiên, vượt qua đè
xem : thì ra một thiếu phụ trẻ đẹp, tay thì lái mà mắt cứ ngó một
bàn đỗ thành phố trái bên cạnh nàng. Đến đèn đỏ chỗ ngã tư Nan-
cy, tôi ngừng xe cạnh nàng, hỏi :

— Xin lỗi bà, bà kiểm đường nào đó ?

Nàng đáp rất tự nhiên :

— Người lính nhơn của tôi hẹn gặp tôi ở đầu đường Khòng-
Tử... Khòng-Tử ở đâu vậy ông ?

Đèn xanh vừa bật, tôi đáp lẹ :

— Ông, thưa bà, Khòng-Tử ở nước Lỗ, bên Tàu a.

Rồi tôi lướt xe qua luân.

TRẦN-THIỆN-MINH

CHUYỆN VUI NGOÀI RÌA LỊCH SỬ

NORTONI

HOÀNG ĐẾ

NU'Ó'C MỸ

(Tiếp theo P. T. số 16)

A NH đi đâu như thế mỗi ngày ? Câu hỏi đó vô ích ; vì dân chúng biết rằng anh đi « ngự-du » để quan sát dân tình. Anh là ai ? Cũng không cần câu ấy nữa, vì dân San Francisco đều biết anh là Norton ! « Hoàng đế của nước Mỹ », ngự tại thành phố San Francisco.

Chương trình công việc hằng ngày của Hoàng đế Hoa Kỳ, ai cũng biết cả.

Sáng, ngài đi đến tiệm thợ

may quen của ngài để bảo may thêm các đồ lễ phục. Đó là tiệm may lớn nhất, sang trọng nhứt của San Francisco. Mỗi lần Norton bước vào tiệm, anh chủ thợ may vội vàng ra đón tiếp rất kính cẩn :

TÂM — Kính chào Hoàng PHONG thương.

Norton gật đầu rồi nói : — Anh kết giùm hột nút áo sơ mi của Trầm.

Anh thợ may cúi đầu:

— Xin vâng lệnh bệ hạ.

Norton hút một thú thuốc điểm

riêng biệt mà hăng làm thuốc lớn nhất ở San Francisco chỉ làm riêng cho Norton dùng, trên đĩa thuốc có in hai chữ «Norton ler» bằng kim nhũ.

Norton vào tiệm ăn để dùng bữa ăn sáng, vì «Hoàng đế nước Hoa-Kỳ» chỉ ăn cơm tiệm, ngồi bước vào, thì chủ tiệm vội vàng chạy ra đón tiếp trong lúc tất cả khách ăn nơi các bàn đều mỉm cười cùi dâu: «Chào Hoàng Đế».

Nơi khách sạn có đè dành một bàn để Hoàng Đế Norton I, và cô bồi bàn coi bộ kính trọng và thèm muốn Hoàng Đế nước Mỹ lắm. Hoàng Đế cũng vui lòng bắt tay cô.

Đi đường, gặp lú học trò đi học, chúng dơ nón và cặp sách lên trời, miệng hoan hô: «Hoàng đế Norton ler muôn năm! » Rồi chúng cười khúc khích với nhau không dám đè Hoàng đế trong thấy.

Norton mỉm cười đáp lại:

— Các em ngoan quá. Trầm rãt bằng lòng.

Norton đi lang thang ra chợ. Bà hàng trưng quỳ gối thưa.

— Xin Bệ hạ mua giùm trưng vịt của tôi.

Một bà khác cũng cùi dâu cùi đựng xuống :

— Thưa Bệ hạ, trưng vịt của tôi cũng còn tươi lắm ạ.

Hoàng đế Norton ler gật đầu cảm ơn nhưng không mua vì trong túi không tiền.

Thỉnh thoảng gặp một cô gái đẹp lộng lẫy bán hàng, Norton đứng ngắm say mê, nhưng không dám hỏi chuyện, sợ mất giá trị một vị Hoàng Đế nước Mỹ.

Chương trình hàng ngày của Norton ler Hoàng Đế xứ Hué Kỳ chỉ có thể thôi. Nghĩa là đi ngao du trong thành phố từ sáng đến chiều, lúc mỏi chân vào ngồi các tiệm cà phê.

Tất cả dân chúng thành phố San Francisco đều kính trọng «ngài» và không ai chê ngài vào đâu được cả.

*

Ta hãy tìm lại trong sử sách lai lịch của vị «Hoàng-Đế» ly kỳ, không tiền khoáng hậu ấy, mà dân chúng Mỹ vui lòng nhận làm Hoàng-Đế của họ.

Quê quán ở Londres, kinh đô nước Anh, chính là dân Anh, Joshua Norton theo cha sang Nam Phi từ thuở còn bé. Cha chàng lập nghiệp tại thành phố Capetown, mở một hàng buôn nhập cảng. Sau cha chết, chàng mới lớn lên, nối nghiệp cha, cai quản nhà

buôn. Công việc buôn bán kẽ cung phát đạt, nhất là vào khoảng giữa thế kỷ 19, việc thương mại giữa Âu-Châu và Phi Châu rất là thịnh vượng. Nhưng Norton là một chàng thanh niên có óc phiêu-lưu, ưa việc mạo hiểm, gấp lúc Mỹ-Châu đang ở trong thời kỳ quật khởi, kỹ nghệ và thương mại rất là thịnh hành. Norton nghe người ta đồn rằng ở tỉnh Californie của Hoa-Kỳ, làm ăn rất mau phát đạt, chàng bèn bán hết sự nghiệp ở Capetown để sang Mỹ-Châu thử số mệnh. Nhân có một chiếc tàu buồm của Đức tên là tàu Franziska cập bến sắp vượt biển, sang Californie, Norton vui mừng nhảy xuống chiếc tàu ấy với một va li đựng tiền và nhiều đồ dùng cần thiết :

Rõ thật là :

« Liều mình nhǎm mắt đσra chán,
Thứ xem con tạo xoay vẫn thế nao ! ».

Và chiếc Franziska thật là :

« Chiếc thuyền bào ánh thấp tho mặt ghềnh.

Norton, một khách phiêu lưu lữ thú, từ nay không cửa không nhà, một thân một mình trên chiếc tàu vô định, đến một

xứ lạ, một chân trời xa-xăm, trôi nổi trên trường đời.

Tàu Franziska ghé Rio de Janeiro, kinh đô Brésil, một xứ Nam-Mỹ, đi vòng Cap-Horn rồi đến cập bến San Francisco.

Bấy giờ là tháng 11 năm 1849 năm khởi đầu cuộc chạy đua tìm vàng, mà sau vua hè Charlot diễn một tuồng chớp bóng để cười chơi. Từ thành phố San Francisco ra về phương Bắc chừng bốn năm ngày đường thì đến một dãy núi bao la dãy những suối vàng róc rách chảy, những hột vàng lấp lánh chói rực rỡ dưới ánh mặt trời.

Chàng Norton vui-mừng xuống San Francisco, nghĩ thầm rằng chàng sẽ lượm được nhiều vàng và sẽ mau trở nên nhà triệu-phú.

Norton lúc bấy giờ mới 24 tuổi. Chàng xách va li từ trên tàu đồ bộ xuống bến, vừa đi vừa huýt gió, coi bộ đắc chí lắm.

Từ giã Capetown để đi Californie, Norton đem theo tất cả vốn liếng được 30 ngàn đồng đô la. Xuống thành phố San Francisco chàng đi rảo khắp trong phố để quan sát tình hình buôn bán suốt một tuần lễ, chàng đúng đinh đi xem các cửa tiệm, các hàng hóa, và tình trạng sinh hoạt của

từng lớp dân chúng từ thợ thuyền đến quý tộc, tất cả mọi người ở từ xứ vừa di cư đến lập nghiệp ở nơi đô thị mới mẻ này cũng như chàng vậy.

Xong chàng quyết định mở một hàng nhập cảng hoàng hóa ngoại quốc, xuất cảng vàng ở San Francisco và buôn bán chợ đen. Chàng thực hành chương trình ấy và đã làm giàu mau chóng. Không bao lâu chàng đã trở nên một nhân vật danh giá của San Francisco mà tính tình vui vẻ, lịch thiệp đã được bao nhiêu người mến chuộng.

Từ năm 1850 đến 1853 San Francisco bị nhiều đám cháy lớn, do bọn mạnh tay vì làm ăn thất bại, mà có ác ý đốt thành phố. Một ủy ban trật tự được cử ra để bảo vệ cho dân chúng và Norton được tham gia vào Ủy-Ban. Một số người lưu manh bị bắt quả tang châm lửa đốt nhà. Norton đề nghị và được Ủy-ban tán thành, đem treo cổ bọn người ấy ngay tại chợ, và từ đó về sau, hết nạn cháy nhà.

Hàng buôn của Norton cũng bị cháy rụi hai lần. Nhưng Norton kiên nhẫn xây dựng lại, và hai năm sau, chàng đã dành được cái vốn 250 ngàn đồng đô la.

Nhờ giàu có, Norton chiếm được địa vị khả quan, và nhờ những kinh-nghiệm và tài năng về vấn đề thương mãi và xã-hội. Norton đã được dân chúng San Francisco trọng vọng tin tưởng và chính phủ tin cậy. Dân chúng ai túng thiếu đến chàng, chàng sẵn lòng cho vay mượn. Ai hỏi ý kiến về chuyện gì, chàng sẵn lòng khuyên bảo. Chàng luôn luôn giúp đỡ mọi người vì tính chàng hào hiệp, rộng rãi, hòa nhã.

Nhà cầm quyền San Francisco nhiều khi phải mời chàng đến để bàn bạc về các công việc ích lợi trong thành phố, và ý kiến của chàng thường được nghe theo vì chàng có óc xã hội, kinh doanh, thực tế.

Xứ Huê Kỳ bấy giờ mới thành lập, cho nên nhiều khi chính phủ trung ương sơ sót trong công việc tổ chức xã hội. Norton liền nhận thấy những khuyết điểm và đề nghị những biện pháp cải thiện. Chàng thường chắc lưỡi nói với chúng bạn : « À, nếu tôi làm Hoàng đế Hoa Kỳ, tôi sẽ... tôi sẽ... »

Chàng nói rất có lý, nên bạn bè gọi dùa chàng là « Hoàng đế ». Dần dần dân chúng thích chàng cũng bắt chước gọi dùa chàng là « Hoàng đế ».

Và lại lúc bấy giờ tiếng tăm của
Hoàng đế Pháp, là Napoléon III
lừng lẫy ở Huê Kì, có kẻ bảo : « Tại
saо nướс Pháр có mоt vі Hoанg
đe Nаполеон mà saо nướс Huê
Kì chung ta lại không có mоt vі
Hoанg đe Norton ? ». Dân Mỹ
bồn tính ưa chuộng những chuyện
mới lаi, bảo nhau : « Ủnhi, Tại
saо chung ta không tôn Norton

lên làm Hoанg đe Hoа Kỳ ? »

Đó chỉ là những câu chuyện
khôi hài thôi. Không ngờ câu
chuyện bông dùa trong phạm vi
địa phương nhỏ hẹp ấy dần dần
biến thành một chuyện bông dùa
to lớn làm vui cho cả xứ Hoа
Kì... và có tiéng dội qua đến
cả Âu Châu nữa.

(còn nữa)



* HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Tý và Tèo cùng đi xe đạp đến trường, vừa đi vừa nói chuyện,
thình linh cảnh sát kêu lại và bắt phạt hai trò.

Tèo ngạc hỏi :

— Chứng tôi phạm lỗi gì mà bác phạt ?

— Hai trò phạm luật đi xe máy song song trên đường phố.

Tèo cãi lại :

— Thế thì bác không có học toán rồi ! Theo hình học của Euclide
thì hai đường thẳng song song được nằm trong 1 mặt phẳng. Thế thì
hai đứa tôi cùng đi song song trên mặt đường là áp-dụng định-lý của
Euclide đó !

Cảnh sát ngạc không hiểu gì hết, khoát tay :

— Thôi, đi đi !

HOA

* GIÚP MỘT CHÚT XÍU VIỆC

(Đệ II Âu Lạc)

Sáng Chúa-nhựt, vợ ông Giám-thị một trường lớn, bảo chồng :

— Sáng nay, mình đừng đi chơi, ở nhà giúp em một chút xíu
việc nhé.

— Việc gì ?

— Cối chừng con, đè em đi chợ vái con ở.

Ông Giám-thị cắn-nhắn. Bà vợ gắt lại :

— Cà tuần lě mình gọi chừng một lú học trò thì được, đến Chúa
nhựt em chỉ nhờ mình coi chừng một đứa con nít hai tuổi, mà hỏng
được sao ?

Ông Giám-thị ngậm câm.

VĂN-SƯU

VỊ CHA ĐẺ CỦA VÔ - TUYẾN - ĐIỆN

GUGLIELMO MARCONI

DÂM TANG CHUNG CHO CÁ NHÂN LOẠI

20-7-1937 ngày lịch-sử đã ghi
cái chết đau-thương vì bị lương-
tâm dày-vò, của nhà bác-học
trí-tuệ, Ông MARCONI, người
đã phát-minh ra ngành vô-tuyến-
diện.

Qua ngày hôm sau tức là
ngày 21-7-1937 lễ an táng người
được xếp đặt vô cùng trọng-thê.
Vào lúc 18 giờ quốc-tế, tại nhà
thờ Đức-Bà Nữ-Vương Thiên-
Thần ở La - Mã, thi - hài của
Marconi được đặt lên chiếc nhà
tang, bỗng nhiên cả khu Thánh-
Đường bao la nhu bị bao-trùm
bởi một sự nín-lặng, ngay trên
chiếc phong - cầm chạy bằng
luồng điện của thành-phố cũng
bị im-lặng vì thiếu hơi điện, sự
im-lặng tôn-nghiêm để tưởng
nhớ vị ân-nhân của nhân-loại.

Đồng thời cũng chính vào giờ
phút ngậm ngùi ấy, để tăng
thêm phần đau - xót và luyến
tiếc, tất cả các đài phát-thanh

* DUY-HÒA *

năm châu đều đồng thanh im
hơi lảng tiếng trong 2 phút để
mặc-niệm người quá cố.

*

Nhà bác-học Marconi là người
Ý. Ông sanh vào năm 1874 tại
thành-phố Bologne, cha người Ý
và mẹ người Ái-nhỉ-Lan. Năm
1958 sau khi tốt nghiệp tại Cao-
đẳng học-đường Bologne, ông
bắt tay vào công cuộc khảo-sát
chuyên về ngành vô-tuyến-diện.

Một đoạn thời gian 32 năm
trường ông đã sống cuộc đời
ân-nhân, tự - tín để làm việc
công-ích cho nhân-loại. Rất
được bạn bè kính-trọng và đức
Giáo-Hoàng PIO XI yêu-vi, nhưng
không vì thế mà ông sinh ra
kiêu-căng và homet mình.

Ông được giải-thưởng Nobel
năm 1909, làm chủ-tịch Hân-lâm-
Viện Vương-quốc Ý-đại-lợi năm
1930.

Vì mến tài chuông đức, nên
đã có lần Giáo-Hoàng muốn lấy
tên ông để đặt tên một thành

phố trong nước Tòa - Thánh, nhưng vốn là một người công-giáo đạo-đức và khiêm-nhường nên ông đã khiêm-tốn chối-tử..

* TIẾP TẾT TÀI CAO

Năm 21 tuổi Marconi đã bắt tay vào công cuộc khảo sát về vô-tuyến-diện vì cảm thấy mình đã có khiếu về môn này. Sau mấy cuộc thí nghiệm trên đất nhà ông quyết định bỏ sang Anh quốc vì nơi đây có người giúp tiền để ông bắt tay vào công cuộc thực hành.

Tháng 5 năm 1897 ông khởi sự một cuộc thông tin vô-tuyến-diện lần thứ nhất trên con đường dài 13 cây số. Chính phủ Ý vì thấy cuộc thí nghiệm của ông có kết quả tốt đẹp, hứa hẹn nhiều lợi ích cho nhân loại nên đã khuyên ông theo dõi mục đích cho đến cùng. Ông lại trở về Ý để tiếp tục công cuộc thí nghiệm, Ông đặt tại SPECIA một số thí nghiệm vô-tuyến dài trên 20 cây số. Sau đó ông lại sang Anh quốc để kiện toàn thêm, lần này với đoạn đường dài 85 cây số. Kết quả rất khả quan.

Lúc đó là năm 1899. Con số niên kỷ rất đáng chú ý cho ngành vô-tuyến điện.

Năm sau, 1900, từ POLDHU thuộc xứ CORNONAILLE của Anh, ông gửi điện-tin qua TERRE-NEUVE thuộc hải-phận GIA-NÀ-ĐAI.

Rồi cách 2 năm sau, năm 1902 ông ra ngoài khơi Đại-tây-Dương để thí-nghiệm lăn sóng truyền

đi từ đài vô-tuyến POLDHU với một quãng đường dài 3200 cây số. Lúc bấy giờ công cuộc thực-nghiệm đã hoàn-toàn mỹ-mẫn. Cho nên tháng 12 năm ấy (1902) ông cắt băng khánh thành sở thông-tin thường-xuyên qua Đại-tây-Dương do dài phát-thanh: một ở POLDHU và một ở Pháp truyền đi. Năm ấy ông đúng 28 tuổi.

Ngày nay lăn sóng điện do đài phát-thanh truyền đi hầu như không còn bờ cõi nào ngăn cản được.

Thực tình thì nhà bác-học Marconi chỉ cẩn-cứ vào những nguyên-tắc căn-bản do giáo-sư Branly tìm ra trước để đem áp-dụng vào việc sáng-tạo máy vô-tuyến-diện.

Biết vậy nên ông phủ-nhận bao nhiêu công việc tìm-tòi trong 7, 8 năm trời của mình mà chỉ dành danh-dự sáng-lập ra máy vô-tuyến cho giáo-sư Branly trong bức điện-văn đầu tiên vượt đại-dương cho giáo-sư như sau :

«Kính gửi ông Branly, giáo-sư Đại-học-đường Công-giáo Ba-Lê. Marconi gửi lời chúc mừng thành kinh giáo-sư bằng vô-tuyến điện. Cái kết-quả tốt đẹp này là nhờ ở công-cuộc hiền-hách của giáo-sư».

QUANG-TUYẾN SÁT-SINH

Sau khi hoàn thành xong máy phát-thanh, ông Marconi lại bắt tay vào công-cuộc phát-minh để

Kiên-toàn thêm máy vô - tuyế̄n.

Nhưng không ngờ đây là một thử khi-giới có một khả - năng sát-sinh đến rùng rợn vô tận. Đó là quang-tuyế̄n sát-sinh. Biết đâu đó không là một công-cụ để cho kẻ chiếm độc quyền nó trở thành bá chủ hoàn-vũ?

Người ta được biết rằng vào ngày 12-6-1936 chính thủ - tướng MUSSOLINI tự cầm vô-lăng chiếc xe riêng của ông hiệu Fiat để chạy ra hải-cảng Ostie. Đến một đoạn đường vắng có Marconi đứng đợi để mang chiếc máy lên xe để thí - nghiệm. Trên đường ra cảng Ostie trong lúc xe cộ rộn rịp đủ thứ, thì chiếc máy bí mật ấy được đem ra thử. Một chuyện không thể nào ngờ đã xảy ra.

Vừa lúc chiếc máy bí-mật phát ra làn sóng điện thì tất cả mọi động-cơ xe cộ dù thứ đều chết máy. Mọi người có mặt ai cũng chẳng hiểu nguyên-do ra làm sao.

Và ngay buổi chiều hôm ấy Mussolini ra lệnh cho báo chí không được bình luận gì về câu chuyện xảy ra lúc sáng trên đường đi ra cảng Ostie.

Và năm tuần sau Mussolini ngang-nhiên tuyên bố về một thử vũ-khi tối-tàn mà ông vừa được dự cuộc thí-nghiệm. Ông nói với một giọng kiêu hùng tò vò ăn-chắc không sợ một cuộc xâm-lăng bất cứ của nước nào.

Marconi là người sùng đạo, thành tín, tất nhiên không thể

không nghĩ đến ác-quả của công-cụ phát-minh của mình. Ông rùng mình nên xin vào bệ-kiến Đức Giáo-Hoàng PIO XI. Hôm đó vào quang thương-tuần tháng chín năm 1936. Thế rồi người ta thấy vắng bóng ông ở thành La-mã.

Là một người chuộng hòa-bình, có một lý tưởng cao-siêu muốn đem khoa-học phụcng-sự nhân-loại. Với những lý-do xui-khiến ấy mà Marconi liền tiếp-tục công-cuộc nghiên-cứu cho thêm hoàn toàn.

Tháng 6 năm 1937, tình-hình thế-giới bỗng trở nên nghiêm-trọng. Lúc ấy Marconi lại được lệnh của Mussolini thỉnh-triệu vào thủ-tướng phủ.

Ông Marconi mời nhân cơ-hội này để đem máy ra thí-nghiệm lần nữa, để xem kết-quả đến đâu. Gặp lúc đạo quân Ý đang thao-diễn lớn ở gần núi Albani, với bao-nhiều là xe-tăng, thiết-giáp cùng các quân-xa to nhỏ đủ hạng tham-dụ. Marconi cùng ngồi chung xe với Mussolini do chính thủ-tướng lái. Đang lúc thao-diễn quân-xa, thiết-giáp, xe tăng tiến rầm-rầm như vũ bão thì Marconi mở máy thử. Làn sóng điện phát ra, bỗng nhiên bao nhiêu chiến-xa bọc sắc dày-dặc chết máy, toàn bộ dừng lại một cách đột-ngột, và trong chốc lát một số sĩ-quan, binh-sĩ đều chết gục, một cách lạ lùng. Sau cuộc khám - nghiệm tử - thi, người ta được biết họ chết vì dứt

mạch máu nhưng không tìm ra được căn cứ gây ra tử nạn.

Sau buổi thi - nghiệm, ông Marconi tỏ ra rất buồn phiền vì cái-quả do chính tay ông gây ra làm một số người bị thương một cách oan uồng.

Thế rồi ông thuê một chiếc du thuyền chạy ra khơi.

Khác với người phát-minh, nhà độc-tài Mussolini lại vô cùng hân hoan, ông tin chắc chuyến này minh sẽ nắm quyền bá chủ hoàn cầu với cái thứ vũ khí lý-kỷ kia.

Qua hai tuần lẽ lênh-dênh trên biển-cả, Marconi trở về đất liền và xin vào bộ kiến Đức Giáo-Hoàng. Người ta được biết ông quý rất lâu dưới chân Pio XI, khóc-lóc để xin lượng - cả bao dung và giải quyết cho một vấn đề đang bị lương-tâm dày-vò.

Mấy tuần sau, Marconi lại được lệnh của Mussolini triệu. Không ai được rõ chuyện giao-tiếp thế nào giữa nhà bác-học và nhà độc-tài.

Nhưng mọi người đều tiên đoán Mussolini đòi Marconi phải giao thứ khi-giới sát-sinh kia cho mình với những lời đe-dọa.

Nhưng Marconi đã có cách đối phó nhở vào buổi yết-kiến với Đức Giáo-Hoàng PIO XI.

Sau khi bước chân ra khỏi thủ tướng-phủ Marcoci rất buồn rầu và tỏ vẻ suy - nghĩ tuy ông vẫn tiếp-tục như mọi ngày.

Nhưng sáng hôm sau người ta không còn thấy nhà bác học trở

dậy nữa.

Ông đã vĩnh-viễn từ giã cuộc đời ô-trọc để mang theo tất cả cuồng vọng bá-chủ của nhà độc-tài Mussolini xuống suối - vàng, tất cả tài-liệu văn-kiện phát-minh cùng chiếc máy «độc-tôn» kia đã bị hủy không còn để lại chút tàn tích.

Hôm ấy là ngày 20-9-1937.

Phải chăng Marconi đã chọn cái chết của chính mình để sám-hối tội-lỗi vì đã gây bao sự gây đỗ cho bao nhiêu sinh-mạng dưới chân núi Albani hay là ông muốn đánh đổi sinh - mạng mình để tránh bao nhiêu cảnh thảm-khốc tai-trong sẽ diễn ra vì một cuồng-vọng độc-tôn trở thành bá - chủ nhân-loại ?

Than ôi ! Nhất tướng công thành vạn cốt khô !

Trí-giả tự xử là thế. Thật ra lúc bấy giờ Marconi muốn sống cũng không thể nào tìm được giải-pháp thứ hai ngoài cái chết, vì ông biết khó mà tránh khỏi bàn tay thao túng của nhà độc-tài Mussolini.

Marconi đã chọn cái chết «bất tử ».

Danh ông mãi-mãi sống với ngàn thu.

Cái chết của ông Marconi, thêm một lần nữa đã chứng minh hùng biện câu nói của một nhà tư - tướng Tây-phương :

«Science sans conscience n'est que ruine de l'âme ! »

(Khoa-học mà thiếu lương-tâm chỉ là một sự dối-bại và linh-hồn).

TRUYỆN NGẮN

QUỐC

TẾ

trong đêm tối

* NGUYỄN-THANH-NGỌC

Phỏng dịch theo
ALCANTARA MACHADO


OT đêm không
trăng sao. Đoàn
xe lửa đi vào
đêm tối. Thỉnh
thoảng, một tia
sáng lóe lên phía

đầu máy, rồi lại tắt ngấm.
Đêm càng trở nên sâu thẳm hơn.

Trong xe vẫn không một ánh đèn. Người soát vé đi đi, lại lại, miệng hút thuốc như muối nhở đóm sáng mong manh nơi điếu thuốc soi đường cho y. Lâu lâu, y lai dẫm lên chân một hành khách. Có tiếng la lên. Người soát vé vội cùi xuống xin lỗi, nhưng sau vì nhiều lần như vậy quá, y không cần xin lỗi nữa, cứ yên lặng làm phận sự. Hành

khách trong xe phần đông là dân nghèo. Máy anh phu khuân vác mệt mỏi suốt ngày, nhân tối tăm, đánh một giấc ngủ ngon lành. Vài chị đàn bà chụm đầu lại với nhau, kề chuyện chồng con. Đặc biệt nhất là phía dưới toa, một nghệ sĩ mù, tay ôm đàn, đầu gục xuống, và không ai biết anh ta đang thức hay ngủ. Bên cạnh người nghệ sĩ mù, một cậu bé có phận sự dẫn đường, bỗng chốc lại ngáp dài hoặc ngoài

đầu ra cửa kính, nhìn mông lung...

Đoàn xe làm lùi đi trong đêm tối. Đêm càng về khuya, sự im lặng càng nặng nề.

Nhưng chỉ có thè im lặng trong một thời gian ngắn. Bàn tay gầy dét của người mù bắt đầu cử động. Y bình thản sửa lại cặp kính đen, và trong một phút, y cảm thấy yêu đời, thích khều tay vào sườn cậu bé và bắt đầu hỏi chuyện. Cậu chuyên rồng tuếch, vì thật ra, y có nhìn thấy gì đâu. Rồi y huýt giò. Huýt giò bài khiêu vũ điệu « van-xờ », bài « ponka » rút trong một bản nhạc danh tiếng...

Thình-lình, y hỏi cậu bé :

— Báo không nói gì về vụ công nhân hỏa xa đình công à ?

— Em không biết. Tôi mò như thế này; làm sao đọc báo được ?

— Không có ánh sáng sao ?

— Dạ không.

Im lặng một lát. Y nắm lấy vai cậu bé, hàn-học :

— Có thật không có ánh sáng không ?

Cậu bé trả lời, giọng mệt mỏi :

— Dạ thật:

Lần này thì không chịu đựng được nữa. Y hất mạnh cây đàn sang một bên, và thét lên :

— Không ánh sáng mà chịu nổi à ? Hàng xe lửa đã khinh miết chúng ta quá sức, đã liệt chúng ta ngang hàng súc vật. Vì con người không thể sống không ánh sáng.

Ánh sáng ! Ánh sáng !

Nhưng ánh sáng vẫn không đến (mà dù có đến, chưa chắc y đã nhận biết ngay được). Y cứ thét lên :

— Ánh sáng ! ánh sáng !

Có tiếng người hỏi :

— Cái gì thế ! Cái gì mà ầm lên thế !

Người mù đã nói điên lên rồi. Y trả lời như muôn khóc :

— Không có ánh sáng !

Vài tiếng nói nho nhỏ, lắng xuống như biều đồng tinh :

— Vàng, không có ánh sáng thật. Tôi qua ! tôi qua !

Bấy giờ thì phải cắt nghĩa như một sự diêm nhục cho tất cả. Con người không thể sống trong bóng tối. Ánh sáng của nhân đạo, ánh sáng của văn minh sẽ trở nên vô nghĩa nếu ngay giờ này, ngay phút này, không có lấy một tia sáng trong toa xe.

Tất cả đều phản uất. Tiếng bàn cãi nồi lên huyên náo. Một gã phục - súc diêm - dúa đề nghị cửa cổ người soát vé. Nhưng lão đầu trọc, một đờ tê chuyên nghiệp với phản đối âm ĩ :

— Không được ! Không được ! Nó cũng làm mịn như chúng ta.

Tiếng ôn ào lại tiếp tục. Có người muốn tổ-chức cuộc biều-tinh lớn trên các đường phố thủ - đô. Có đốt pháo bông và âm-nhạc.

— Cả điên văn nữa chứ ? (Người mù hỏi.)

— Vâng, bài điên văn rất dài.

— Thế thì tốt lắm !

Tiếng vỗ tay vang dậy. Riêng lão đờ tê ngồi im lặng, lò vè suy nghĩ... Một lát, lão cắt giòng khán khàn :

— Muốn thế phải có tiền. Ta lấy tiền ở đâu ?

Không ai biết phải đào ra tiền ở đâu. Không ai nghĩ đến biều-tinh nữa. Im lặng. Vì không ai biết phải làm gì. Và bây giờ đến lượt lão đờ tê. Vốn chuyên nghè xéo thịt heo từ 30 năm nay, lão đã theo đúng phép tắc trong

nghè. Lão đứng dậy, rút dao phay ở thắt lưng, rạch cắt những miếng ghế nhồi rơm trong toa xe, mau lẹ và gọn gàng như rạch bụng heo. Lão xẻo một miếng ném qua cửa sổ :

— Đây, hai ký thịt sườn.

Xẻo một miếng nữa :

— Đây, ba ký thịt ba chỉ.

Và tất cả hành khách đều làm như lão. Bản nặng sát sinh được bột phát, mãnh liệt và tự - do nhất. Tất cả đều là đồ tè, chánh và phụ. Công phân hóa ra vui mừng, cuộc biếu-tinh đổi thành một trò du hý nhiều thú vị. Hành khách đua nhau ném từng khối rơm ra cửa toa, la hét sung sướng. Người nghệ-sĩ mù khi hiên được câu chuyện, nhảy tung lên. Bàn tay y đập mạnh vào mặt đàn, miệng hái nghêu ngao một bản nhạc lên đường. Người soát vé chạy cuồng cuồng, mồm mếu máo :

— Tôi lấy các ông ! Có phải vì chuyện ánh sáng không ?

Vâng ! ánh sáng ! ánh sáng !

Tiếng la hét, nguyên rủa lại nồi lên, rung chuyển cả toa xe. Quá sợ hãi, người soát vé chạy vội về phòng riêng của mình, đóng cửa lại và cầu kinh.

Ghế ngồi chỉ còn trơ những thanh sắt. Cậu bé dẫn đường cho người mù gói vội vào tờ

báo chiếc dao đã lượm được trong lúc lợn xộn.

Đoàn xe nồi loạn ngừng lại ở ga Belem. Chuông đánh inh ỏi. Chỉ một thoáng, tất cả toa xe đều trống rỗng. Người soát vé bước xuống sau cùng, mặt cắt không còn hột máu.

Chuyện đã rõ. Tất cả Belem đều hay. Nha công-an được tin cấp-báo, liền mở cuộc điều tra. Không ai chịu nhận mình biết rõ vấn-dề. Sau hết, có một thiếu phụ, tay cầm cuốn Kinh Thánh, tự xưng mình là người hiền đầu đuôi câu chuyện.

— Nguyên nhân chính của cuộc nồi loạn là gì ? Viên đại-diện công-an hỏi.

Thiếu phụ đáp :

— Thưa, nguyên nhân chính của cuộc nồi loạn là tại trong xe không có ánh sáng.

— Ai cầm đầu cuộc nồi loạn ?

Giữa sự bối rối của mọi người, thiếu phụ nhìn thẳng vào mắt viên chức công an, trả lời rất tự nhiên :

— Người cầm đầu cuộc nồi loạn vì không ánh sáng này là một người mù.

Và thiếu phụ xin thề trên Kinh Thánh. Nhưng người ta vội đưa bà ra xe về bót, vì pháp luật không muốn dù giốn với một ai.



VÀO SÂU

Qua hai mùa phượng nở,
Chèo nhau ngày yêu nhau.
Đạo ấy em hoàng hậu,
Ngự trong lòng thương đau.

Có tình yêu tan vỡ,
Áp tay em cũng sầu.
Tháng ngày làm thay đổi,
Em buồn về mai sau.

Đêm ngủ băng hơi thở,
Qua rẽ nhìn trời sao.
Nước mắt làm ướt gối
Thương cho đời lao đao.

Mùa này về hay ở,
Mưa ngập mây nhịp cầu.
Mái tranh nào quyện khói,
Quê bà tìm nơi đâu ?

Cho em quên dang dở,
Chèo về qua vườn cau.
Xóm hiền ra chào đón,
Tình thương tô áo mầu.

Chị ơi ! tôi làm thơ,
Buồn mà cửa tim vào.
Em gục đầu xuống khóc
Một thuở nào... nao nao ? L

PHƯƠNG-DUYÊN



9.- LÊ - VĂN - TRƯƠNG

* NGUYỄN-VY

10 giờ đêm. Cả dãy phố cuối
đường Khâm-Thiên, gần Ô-chợ-
Dừa, đã đóng cửa ngủ hết.
Trên gác nhà buôn nước mắm cạnh
tiệm giặt-ủi và trường học *Thanh
Niên*, tôi cũng vừa tắt đèn, lén
giường nằm. Bỗng có tiếng từ
dưới đường cái gọi vọng lên, và
gọi rất to :

— Vy oi !

Tôi làm thinh, lắng nghe xem
tiếng của ai. Gọi như thế, hẳn là
người bạn thân lầm, mà trong

dến như thế ?

— Vy oi !

Rồi lại liên-tiếp :

— Vy !... Vy oi !... Vy !...

Tiếng gọi thật to, vang động cả
dãy phố. Tôi sắp ngồi dậy ra mở
cửa sổ xuống đường xem ai,
thì kế-tiếp vang lên một loạt văn
chương chửi-thề :

— Đ...mẹ mày sao hôm nay mày
ngủ sớm thế, hả Vy ?... Vy !... Vy
oi ! Dậy đi hát à-dào với tụi tao,
mày !

Thôi, đích thị là anh chàng

chửi-thề oang-oác lên như thế
chẳng sợ ai cười, bất-chấp cả
phép lich-sự đổi với bạn-bè, và
đổi với người thiên hạ, không đếm
xỉa đến hàng xóm láng giềng đang
ngủ, thí chí có Lê-Văn-Trương
mà thôi.

Đáng lẽ tôi tức giận lắm.
Nhưng nhờ được quen tính
bình-tĩnh, tôi thông-thà dậy đi
mở cửa, ngó xuống đường. Vừa
trong thấy tôi thò đầu ra, anh
chàng lại reo lên :

— Né kia rồi ! Góm ! Ngủ
giờ mà giờ này đã đi ngủ, hả cậu ?
Vào mặc quần áo nhanh lên, đi
Ngã-Tứ-Số hát à-dào chơi !
Nhanh lên ! Tui tao đợi xe đây.

Tôi xấu-hồ quá. Ai lại nói dùa
giờ mà tục-tiểu thế bao giờ, mà
lại la to lên cho cả dãy phố đều
nghe ? Nhưng tôi vẫn ấm-
tĩnh, đứng trên bao-lon, ngó
xuống. Hai chiếc xe-kéo omic
(loại xe kéo tân-thời nhất ở Hà
Nội lúc bấy giờ) chờ bốn người,
đang đứng chờ. Tôi hỏi khẽ :

— Lê-văn-Trương đấy à ?

Lê-văn-Trương vẫn rống to
lên, chẳng kiêng nè ai :

— Ủ, tớ đây ! Có cả thằng
Lư, thằng Lan - Khai, thằng
Nguyễn Tân nữa. Chúng nó
đang chờ mà cản đây !

Tôi vẫn khẽ giọng :

— Xin lỗi các anh. Tôi ôm
không đi được. Cho phép tôi ở
nhà.

Lan-Khai cười khàn, nhưng
không la to như chàng Trương :

— Ốm, thì xuống Ngã-Tứ-Số,
có các em theo bối cho !

Nguyễn Tân lại còn chêm vào,
giọng thô thê như con gái :

— Chắc lại đang ôm-ấp nàng
thơ nào trong giường chứ gì ?
Thôi, tựi mình đi. Đừng phá nó !

Tôi đưa tay lên vẫy chào :

— Chúc các anh đi chơi cho
vui nhộn lên ! Mình đi ngủ đây.

Tôi vào phòng đóng cửa mà
cũng còn nghe tiếng Lê-văn-
Trương nói oang-oang trên xe,
khi xe đã chạy :

— Đ... mẹ cái thằng ấy sao
hở nay nó ngủ sớm thế ?



Lê-văn-Trương như thế đấy.
Nghĩa là một người bạn rất vui
tính, rất tốt, ăn to, nói lớn, mà
nói luôn mồm, chuyên môn nói
phét, nói tục, nhưng thành-thật,
ngay thẳng, không làm hại ai cả.

Chơi với bạn, phải hiều tính
nết của bạn, luôn luôn tha-
thú những nhược-diểm của bạn,
lúc nào cũng mến bạn, đó là
phương-châm xử-thế của chúng

tôi. Có lẽ nhờ sự thông-cảm lẫn nhau đó mà một số nhà-văn chúng tôi chơi được lâu với Lê-văn-Trương, con người rất ồn-ào, « ba-hoa-thiện-dịa ». Họa-sĩ Nguyệt-Hồ thường phê-bình Lê-văn-Trương một câu : « Mừng ấy nan-du lắm ! »

Lê-văn-Trương nói chuyện thế nào, thì viết tiêu-thuyết cũng y như thế ấy. Có thể nhận-xét một cách rất tăm thường rằng : Lê-văn-Trương là một cái máy dề nói và một cái máy dề viết. Anh sang Gia lâm ở nhà Trương-Tửu, trong một tháng viết liên-tiếp 3 quyển tiểu-thuyết, không ngưng tay. Đó là Trương-Tửu nói lại với tôi, và tôi cũng tin là đúng. Có lần tôi ngồi với Lê-văn-Trương, suýt trong hai tiếng đồng hồ tôi chỉ nói được một câu, còn thì Lê-văn-Trương nói cả. Nói liên-miên, và liên-miên...

Anh ta ưa dẫn chứng những câu triết-lý của vài danh nhân xưa mà anh ta đã đọc. Câu chuyện của anh thường được tô-diêm với các tư-tưởng xô-bồ, các danh ngôn lẩn-lộn của Platon, Socrate, Vương-dương-Minh, Nguyễn-Du, Musset, Goethe, Byron, Hồ Thích, Đò-Phủ, Tolstoi. v.v...

Người ít học ngồi nghe Lê-

văn-Trương, chẳng biết đâu mà rờ. Người có học ngồi nghe anh, cũng...chẳng biết đâu mà rờ ! Vì anh nói lung tung, loạn-xì xè-bần, thao-thao bất-tuyệt.

Tuy vậy, Lê-văn-Trương vẫn là một «người của nguyên-tắc», —ngồi vững trên nguyên-tắc như ngồi trên yên ngựa — chứ không chịu phóng-tung, không ưa lâng-mạn, không vượt qua các thành-kiến sẵn có của tập-quán. Anh hào-hoa phong-nhã, cương-trực, có vẻ anh hùng mã-thượng lầm-lầm, nhưng tính lại nhát như thỏ, mềm như sú. mà dai như đia.

Lan-Khai có kè chuyện sau đây cho tôi nghe :

Hồi làm báo ÍCH-HỮU của ông Vũ-dinh-Long, Lê-văn-Trương hay phê-trương «triết-lý sức mạnh».

Hình như anh và Trương-Tửu chủ trương «đánh nhau» một lần với «bọn PHONG-HÓA» của Nhất-Linh.

Hồi đó ÍCH-HỮU và PHONG-HÓA đang bút chiến với nhau kịch-liệt. Trương-Tửu và Lê-văn-Trương định dùng «triết-lý sức mạnh» để tặng cho Nhất-Linh và Thế-Lữ một bài học nầy lửa xứng đáng với tính phách lối và ngạo mạn rất khà-ő.

của hai người này. Nhưng nói mà không làm, vì dù sao Trương-Tửu cũng như Lê-văn-Trương vẫn biết trọng danh dự của con nhà văn.

Một buổi tối, Lê-văn-Trương ngồi ăn với hai ba người bạn trong tiệm MỸ - KINH, là tiệm ăn của Hoa - Kiều sang nhất ở phố Hàng-Buồm.

Bỗng dung, có một chàng không quen, vóc người lực-lưỡng từ một bàn ở gần đáy, bước đến trước mặt Lê-văn-Trương và sừng sộ hỏi :

— Xin lỗi, ông có phải là ông Lê-văn-Trương không ?

— Phải, tôi đây.

Người lực-lưỡng bèn đánh Lê-văn-Trương một tát tai rất mạnh vào má. Mọi người đều kinh ngạc. Lê-văn-Trương hỏi :

— Sao ông đánh tôi ?

Người lạ cười :

— Thưa ông, tôi thực hành "triết-lý sức mạnh" của ông đấy ạ. Tôi là độc-giả của báo ÍCH - HỮU.

Thế rồi người lực-lưỡng điềm nhiên đi về chỗ.

Lê-văn-Trương ngồi làm thinh. Một người bạn hỏi :

— Sao mày không cho nó ăn một quả dấm ?

Nhưng Lê-văn-Trương, có lẽ lượng sức mình không địch nổi với người độc-giả bộ-pháp kia, nên dành làm thính, không quấy-cụ.

Chuyện này có đúng hay không, tôi không được rõ. Có lẽ Lan-Khai bịa chuyện vui chăng ? Mấy lần tôi gặp Lê-văn-Trương, định hỏi anh, nhưng cứ hễ trông thấy mặt tôi là Lê-văn-Trương vẩn cái mày nói của anh ra, nói lia nói lịa, tôi không còn một chỗ hở nào để xen vô được một lời.



Tuy vậy, tôi mến Lê-văn-Trương lắm. Anh là một người bạn rất tốt và rất hiền lành. Có lần, trong một đám ma, — tôi không nhớ rõ là đám ma của Nguyễn như - Phá, Vũ-trọng-Phụng, hay Nguyễn-khắc-Hiếu. — tôi thấy trên nét mặt đau-dớn thật sự của Lê-văn-Trương, hai giòng nước mắt từ từ chảy xuống. Tôi cảm-động quá. Tôi nhớ lại như tôi đã cảm-động khóc ròng-rã khi đi coi chớp phim «Bạch-Tuyết», thấy bày anh Lùn khóc nàng Công-chú. Không hiểu sao, Lưu-trọng-Lư khóc trong hoàn-cảnh ấy, hay Trương Tửu, Nguyễn-Tuân, Lan Khai, Mộng-Sơn khóc, tôi không cảm-động, mà thấy Lê-văn-Trương khóc, tôi

đại đau-xót vô cùng. Có lẽ tại vì con người hay la to hét lớn, nói cười i ám-i không bao giờ buồn rầu chuyện chi, đến khi đứng trước một cái tang bi-ai náo-nuột, bỗng dung, hai giòng lệ âm-thầm tuôn ra trên mí mắt, đè cho ta thấy phản-ảnh lòng đau thương thảm-thúa của anh, mà xúc động dòng ta chăng?



Lê-văn-Trương có 2 vợ, mà lúc ở Hà-nội tôi nghe nói cả hai bà ở chung một nhà và cùng cưng yêu anh lắm. Anh em làng văn kè chuyện rằng cứ tối hai vợ vào buồng ngủ, thì Lê-văn-Trương thức ngồi viết tiêu - thuyết một mình ở nhà ngoài cho đến 10 giờ đêm. Đến đây, anh gác bút, vào buồng gọi vợ lớn dậy :

— Mình ra bàn, viết tiếp cái tiêu-thuyết cho anh. 12 giờ vào gọi anh dậy nhé.

Thế là anh nằm ngủ với bà vợ hai. Đến 12 giờ khuya, vợ lớn viết tiếp được 4 trang rồi vào ngủ lại. Lê-văn-Trương dậy ra bàn viết tiếp theo đoạn văn của vợ lớn. Đến 4 giờ sáng, anh lại

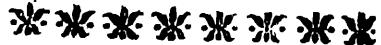
vào buồng ngủ, gọi bà hai :

— Mình ra viết nốt cái tiêu-thuyết cho anh chút nhé.

Lê-văn-Trương ngủ với V-1 trong lúc V-2 thay phiên viết tiếp đoạn văn của chồng.

Câu chuyện này đã được loan truyền trong anh em làng văn Bắc Hà thời bấy giờ, làm câu giai thoại để cười chơi. Còn đúng hay không, tôi không biết được. Tôi cũng chưa bao giờ hỏi Lê-văn-Trương về đời tư của anh, chỉ có thính-thoảng Lan - Khai, hay Trương - Tứu, kè lại cho nghe mà thôi.

Cách đây hai năm, tôi có gặp Lê-văn-Trương ở Sài-gòn. Văn Lê-văn-Trương thao-thao bất tuyệt của thời đại Hoàng-Kim ở Hà-nội tiền chiến. Anh có cho tôi biết rằng một nhà xuất-bản Anh hay Mỹ gì đó có mua bản quyền một quyền tiêu-thuyết của anh để dịch ra Anh-văn. Tôi niềm nở mừng cho anh được dịp phát tài to. Nhưng tôi chờ mãi đến nay chưa thấy quyền tiêu-thuyết ấy ra đời!..



* DANH NGÔN

Người ta mải rất li, khi người ta giữ danh dự

(Voltaire)

ĐÍNH CHÍNH MỘT VÀI SAI LÀM trong quyển

THI NHÂN VIỆT-NAM HIỆN ĐẠI

Ở Sài-gòn, vừa được phát-hành một quyển sách nhao-dè là « Thi-nhân Việt-nam hiện-đại ».

Tôi không muốn phê-bình quyển sách lạt-lùng ấy, có lẽ sẽ có các bạn khác làm việc đó.

Tôi chỉ xin đính-chính những điểm sai-lầm trong trang sách uốn-riêng về « tiêu-sử » của tôi.

1.— Tôi chưa từng có hô-hào: « Ta hãy truyền một thi hùng mới... »

Ta hãy ký thác trong văn thơ..., v.v....»

Hai câu thơ ấy chưa hề có đăng trong một quyển sách nào hay một tờ báo nào của tôi.

2.— Tôi không có lần nào « bán bão ở Sài-gòn » và « gánh cát ở Hà-nội ».

3.— Tôi chưa hề làm Chủ-Bút hay Tổng-Thư-Ký Tòa soạn báo « SAIGON-MỚI ». Không hề có tên tôi trên trang báo ấy bao giờ.

4.— Tôi không « sắp xuất bản tập thơ LÊN - RUỘT của Diệu-Huyền ». Tập thơ « Lên-Ruột » là của Diệu-Huyền chứ không phải của tôi, và tập thơ ấy vì một lẽ riêng đã không được xuất

bản từ hai năm nay, thì căn-cứ vào đâu mà nói rằng tôi sắp-xuất-bản tập thơ « Lên-Ruột » ?

Xin cho phép tôi tỏ nỗi ngạc-nhiên vì sao tác-giả quyển sách kia không đến hỏi tôi trước khi tự tiện dâng một « tiêu-sử » sai-lầm nhiều chỗ ? Vì « tiêu-sử » của tôi không phải như thế. Vả lại tôi sinh năm 1912 chứ không phải 1910.

Tôi nhận xét một điều là tác-giả viết theo một vài tài-liệu trong quyển « THI-NHÂN VIỆT-NAM » của ông Hoài-Thanh xuất bản năm 1943. Nhưng tôi đã trình bày trong một số Phổ-Thông cách đây ba tháng rằng quyển THI-NHÂN VIỆT-NAM của ông Hoài-Thanh đã viết và xuất bản thời kỳ tôi bị ở tù, cho nên các tài-liệu ấy đều sai-lầm cả. May-năm nay tôi còn sống sờ-sờ ở Sài-gòn đây, tại sao tác-giả quyển « Thi-nhân Việt-nam hiện đại » không hỏi lại tôi mà tự-ý chép theo quyển « Thi-nhân Việt-nam » của Hoài-Thanh ? Một quyển sách về Văn-học-sử mà chia-đựng nhiều điều không xác-thực, thật là đáng tiếc.

NGUYỄN-VŨ

PHỐ

HIỀN

T ừ thời hậu Lê vào khoảng năm 1571-1599, thế-kỷ thứ XVI, cách kinh - ky Thăng-long (Hà nội bấy giờ) chừng 100 dặm, tại Sơn - Nam - Trấn (nay là Hưng-Yên Bắc-phần) có một nơi cõ-ticè mà nhân-dân còn nhớ ; đấy là :

PHỐ HIỀN

Thuộc xã Nhân Dực, tổng An-Tảo, huyện Kim-Đông, sở tại tỉnh Hưng-Yên, tả-nạn sông Nhĩ-Hà, Phố-Hiền nay chỉ còn là một nơi dòng ruộng bac-la di-tich một chốn phồn-hoa mai-một đã gần 300 năm nay !

Theo sử sách thì Phố Hiền là một nơi đô thị từ xưa đã được chúa Trịnh Tòng ở « Đàng Ngoài » cho lập thành một cảng lớn làm nơi thông thương cho người ngoại-quốc.

* NGUYỄN TRIỆU

Trong việc mở đường thông-thương giữa nước ta với người Tây-Phương, người nước Bồ-dao-nha đến buôn bán trước hơn hết.

Thật thế, thời bấy giờ ở phố Hội-An thuộc tỉnh Quảng-Nam ở « Đàng trong » của chúa Nguyễn cũng đã là nơi tụ-hop của người ngoại-quốc. từ các giáo-sĩ đến những thương-gia đều dùng làm nơi căn-cứ hay trung-tâm diêm dề thâu-nhập vào nội-dịa nước Nam và trước các giáo-sĩ, đã có rất nhiều những thương-gia Âu-Tây được các nhà Nguyễn đón tiếp.

Hằng năm tại Hội-An (Faifo tên của Pháp) có phiên chợ kéo dài đến nửa năm, nhờ buôn bán

được tự do, mặc dầu phải đóng thuế rất nặng, các thương-thuyền ngoại-quốc vẫn lui tới tấp nập.

Trong lúc sơ-khai, đã xảy ra những sự dụng chạm đáng tiếc giữa người Việt và những người ngoại-bang : năm quý-sửu (1613) một thương-gia người Anh-cá-c lợi là Peacock cùng mấy người bạn bị l่าน sát tại Hội-An.

Kể đến sau, có người Hòa-lan đến buôn bán cạnh tranh ráo riết với những người Bồ-Đào-Nha nên sau họ phải lần lần tiến lên Kẻ-chợ (tên tục thành Thăng-long) ở « Đàng ngoài » của chúa Trịnh.

Năm Đinh-sửu (1637) Dương-hòa thứ 3 đời Vua Lê Thần-tôn, viên giám-đốc Hàng « ÁN-ĐỘ HÒA LAN THƯƠNG CUỘC » có sáng kiến muốn mở đường thông thương và giao-thiệp lâu dài với nước Nam một cách chánh thíc, bèn phái người ra Kẻ-Chợ xin phép chúa Trịnh-Tráng mở một thương-quán ở Phố-Hiến và rồi sau đó, có cả những người Pháp ở Batavia cũng kéo nhau đến đây buôn bán. Cách 35 năm sau, vào năm nhâm-tý (1672) lại có cả người Anh, muốn nối gót người Hòa-Lan, lập một chi nganh của hảng buôn « EAST INDIA COMPANY » tại Phố-Hiến.

Từ đó, Phố-Hiến ở Đàng ngoài của chúa Trịnh cũng như Hội-An ở Đàng trong của chúa Nguyễn, nhờ có sự cạnh tranh kịch liệt

của mấy nhà buôn ngoại-quốc, nên đã trở nên những thị-trường xầm-uất và rộn rip, quang cảnh Phố-Hiến thời bấy giờ cực-ky là đẹp, đáng gọi là một chốn phồn-hoa đô-hội với hàng ngàn nóc nhà ngói san-sát với những lầu dài nguy-nga tráng-lệ, dàn cờ đồng đúc phô xá xầm-uất và lại thêm có những tàu to ghe lớn ra vào luôn luôn với hàng hóa xuất, nhập cảng tấp nập.

Đứng về phương diện kinh-tế, Phố-Hiến lúc bấy giờ không kém thành Thăng-long. Vì vậy nên mới có câu tục-ngữ còn truyền tụng tới ngày nay :

« *Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố-Hiến* ».

Sau này, các nhà buôn ngoại-quốc ở Phố-Hiến cũng lần lượt dời về Thăng-long nên cảnh Kẻ-chợ trở nên xầm-uất vô cùng phồn-thịnh, trên hai bên bờ sông Nhĩ-Hà có vô số những thương-diểm của người Hòa-Lan, Anh và Pháp dựng liền vách nhau.

Trong số thương-gia ngoại-quốc hồi bấy giờ còn lại ở Phố-Hiến, người Hòa-Lan buôn bán phát-đạt hơn hết. Còn người Bồ-Đào-Nha thì chỉ chuyên-chú về việc truyền giáo. Nhờ các giáo-sĩ Bồ-Đào-Nha đã khéo lợi-dụng tiếng của họ, đặt ra được một thứ tiếng riêng thông-dụng trong các việc giao-dịch với người Việt nên người các nước hiều biết được phong-tục, luật-lệ và tập-quán nước Nam ta.

Tiếc thay, đến đời Vua Lê-Hy-

Tôn năm Chính-hòa thứ 17 (1696) vì sự ghen ghét đạo Gia-tô, quan quân ta sinh ra béc-cäm với những người ngoại-quốc.

Về phần những người ngoại-bang buôn bán tại Phố-Hiến bị ngày một kém sút, lõi-lã, phần bị phải nhiều nỗi phiền-phúc, nên có một số người Âu-Tây rủ nhau lần lượt bỏ về nước, đồng thời, vua Lê lại cũng xuống chiếu « trục-xuất », nên đến năm Canh-thìn (1700) sang đầu thế-kỷ thứ XVIII còn lại một ít người Hòa-lau ở Phố-Hiến cũng bỏ về xứ-bết. Từ đó, tại Phố-Hiến chỉ còn lại những người Nhật-bản và Trung-hoa buôn bán với người mình rồi sau họ chia Phố-Hiến làm hai khu là « Bắc-hòa » và « Nam-hòa » rồi lần lần, sau một

thế-kỷ, đồng-hoa với dân ta.

Từ đây, Phố-Hiến kém vẻ phồn thịnh và sự biến-chuyển của thời đại đã xóa nhòa những dấu-tích của một chốn đô-hội phồn-hoa, khiến đến ngày nay qua đó ta chỉ còn thấy đồng ruộng bao la thỉnh thoảng diêm một vài rặng nhản hay năm ba khóm tre xanh um cùng vài ba tẩm bìa chửi dã mờ rêu, với những ngôi cồ-mộ...

Có chăng 2 chữ tên Phố-Hiến còn được truyền tụng trong chốn dân-gian và tồn tại trên những trang sử sách.



★ ĐẠI THỀ-THAO GIA !

Một nhà báo hỏi bà vợ ông Churchill tại sao lần nào đi xe lửa ông cũng thích đt trẻ ? Churchill phu-nhân trả lời :

— Chú ông không thấy sao ? Nhà tôi là một lực-sĩ ham thể thao lắm, ông thích đt cho xe lửa chạy trước vàt phút rồi ông chạy theo thế nào cũng kịp !

MINH-LAN

★ DANH-NGÔN

— Nước mắt mà không biết là bất trắc.

Biết mù không lo liệu là bất trung

Lo liệu mà không liều chết là bất dung.

KHÔNG-PHU-TÙ



* Cô PHƯƠNG-THU

Thì theo lời yêu cầu của đa số bạn đọc phụ nữ khắp nơi gởi về, từ nay mỗi kỳ chúng tôi sẽ lần lượt thuật đồi trong mục gia chánh Phở Thông các thực đơn thường ngày của ba miền Trung, Nam, Bắc. Cũng như những kỳ rồi. Bà Thường Lạc đã trình bày về các thức ăn ở miền Nam. Cô Phương Thu sẽ phụ trách về các món nấu ăn ở Huế, và rồi đây chúng tôi sẽ đăng những bài về các món ăn Bắc để hàn đáp lại thịnh tình của quý bạn đọc Phụ nữ.

PHỞ THÔNG

* THỊT HỘN

VẬT LIỆU:

Mua một cái giò heo.

Half muỗng nước mắm, nửa

muỗng cà phê muối, một muỗng xúp xi dầu, một miếng đường den bằng hai ngón tay, hai củ hành, dô 2, 3 tép sả, một miếng nghệ bằng củ hành, một dỗng rượu trắng, một chục tai nấm mèo, vài trái táo den, 1/4 muỗng cà phê tiêu, nửa chén đậu phụng, hai dỗng bạc mè.

CÁCH LÀM :

Nướng giò heo cho vàng, xong lấy móng chân vắt đi, cạo lông, rửa cho sạch, đem chặt ra từng miếng vuông vức bằng hai ngón tay, bỏ vào soong, gia muối, tiêu, đường, hành, sả dập nhỏ, nước mắm; xí dầu, nghệ (giả nghệ thật nhỏ vắt lấy nước), rượu trắng, nấm mèo ngâm, nước rửa sạch, táo ngâm nước nóng rửa sạch, lấy dao xé hai; lấy hột ra, đậu phụng nấu nín lột vỏ. Xong đổ nước vào vừa xấp xỉ thịt, lấy nắp soong đậy lại thật kín (lấy lá chuối lau sạch bít kín miệng soong rồi đậy nắp) bắt lên bếp kho, đê lửa vừa vừa, đừng đỗ lầm, đê chừng một giờ hơn thịt giàn khô nước bãy bỏ thêm mè vào (mè rang chín chà sạch vỏ), xem chừng bao giờ thấy thịt khô cὸn độ vài muỗng nước và mềm thấm khi ấy bãy duống xuống đon ra ăn.

* CÁ KHO NƯỚC

VẬT LIỆU:

Cá (sông hoặc cá biển, ưng lát hay nguyên con), một muỗng xúp nước mắm, một phần tư muỗng cà phê tiêu, ớt bột, nửa muỗng

*trà phè muối, một miếng đường
đen bằng hai ngón tay.*

CÁCH LÀM:

Ca làm xong, rửa sạch, cắt khúc sáp vào trách, gia tiêu, muối, ớt bột, đường, nước mắm và đổ vào một ít nước độ nửa chén, bắt lên bếp kho, lửa đều; vừa, nhớ đậy vung lại chờ cá dễ thẩm đều. Kho độ một lát xem cá thẩm và nước khô bớt, lúc ấy hãy đổ thêm nước vào (nước sối) độ xấp xỉ mặt cá, kho lại một chốc chừng mười phút nữa là được.



SAUCE MAYONNAISE

★ Bà THƯỜNG LẠC

Có bạn muốn biết cách làm thứ sauce nói trên, tôi xin biến ra đây; nếu bạn làm đúng theo lời chỉ dẫn, tức khắc được ngay; tuy nghe ra thì dễ nhưng khi làm sai

một tí thì nó sẽ hỏng; xin bạn lưu ý

VẬT LIỆU:

1 cái trứng đỏ hột gà,

dầu ăn : (dầu Olive) chớ dầu phộng hay hiệu khác sợ hôi, đừng không ngọt.

Một tí muối, chừng ba giọt nước chanh, một tí hột cãi.

CÁCH LÀM :

Hột gà phải cho thiệt mới, lấy nội trứng đỏ, đẽ vào dĩa sâu; lấy nía quay tròn vòng, nhieu từ từ giọt dầu, đừng nhiều nhiều. Cứ như thế chừng nào đặc sệt như beurre thi được; rồi sẽ đồ muối, nước chanh, hột cãi vào (khuấy tròn vòng, đừng nghỉ tay) nếu nghĩ thi nó rửa ra, không đặc, mà quay sái vòng cũng không đặc, nghe thi dễ, nhưng chừng làm mới thấy nhoc.

Nếu mỏi tay mà ngưng, thi về sau nó sẽ lợn cợn chờ không mịn



★ BỎ RƯỢU

— Anh cứ khoe rằng anh đã bỏ rượu ! 8 giờ tối hôm qua tôi bắt gặp anh ở trong tiệm rượu, uống hết một chai rượu đó !

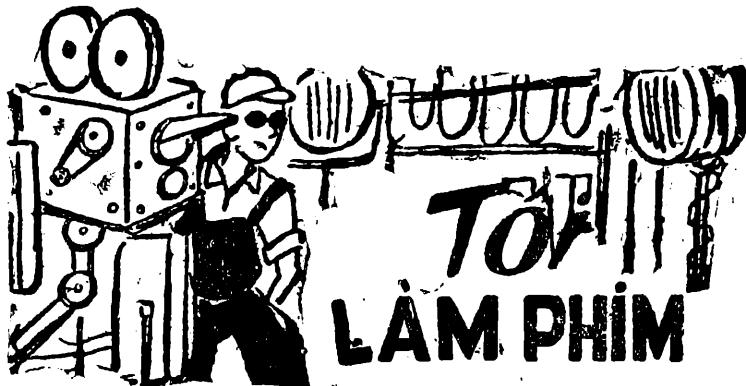
— Không có đâu ! ... Tôi mới uống có nửa chai mà tôi đã say đùi dùi, đâu có uống hết chai !

MINH-LÝ

★ DANH NGÔN

— Giá trị của chúng ta là ở tư tưởng. Ta rèn luyện để biết suy tư tưởng cho hay, cho đúng, đó là nền tảng của nhân luận.

PASCAL



(Tiếp theo P.T. số 17)

SAU loạt bài nói về kỹ thuật đại cương của điện ảnh, tôi chắc bạn đã có ý niệm笼括 về nghệ thuật thứ bảy. Tôi cũng thông cảm với một vài bạn khi bước vào thế giới máy móc kỹ thuật tỏ ý chán chường. Tuy nhiên tôi thành thật vui mừng khi các bạn vẫn theo dõi mục này từ trước đến giờ. Mục đích của tôi chỉ là cố gắng vén bức «màn bạc» để các bạn nhận thấy công việc của các người «thợ» làm phim khá phúc tạp và nhọc nhằn đòi hỏi rất nhiều đức tính.

Nghề làm phim là một nghề mới. Mặc dầu kết quả lúc ban đầu còn thấp kém, nhưng nếu các bạn nhớ lại và xem làm phim cũng như nói một thứ tiếng ngoại quốc thì các bạn sẽ vui lòng tha thứ và ủng hộ ngay. Thật vậy phim là một thứ tiếng của nước ngoài mới nhập cảng vào nước ta. Nói

★ THÁI-THÚC-DIỄM

cho «giống» cũng đã là một sự khó, mà nói cho hết càng khó hơn. Ví dụ «Tiếng Pháp sau 80 năm, thử hỏi đã có mấy người» nói như Tây chăng? Hoặc giả «tiếng Huê kỳ» có ai đã nói giống như «Mỹ» chăng? Nếu các bạn chơi nghịch thu tiếng một ai đó vò ngực tự xưng là nói tiếng nào đó hay và giống «số dách» vào băng điện tử, khi bạn cho chạy lại nghe thì luôn luôn nhận ra đó là một người khác giống nói thứ tiếng ấy! Tôi muốn lấy ví dụ trên để so sánh nghề làm phim. Người thợ Việt mặc dầu cố gắng nhưng luôn luôn vẫn phải đi chận hơn ngoại quốc, vì bắt đầu làm phim sau người ta đến gần 70 năm lận. Hơn nữa khi mình tiến thì người ta cũng tiến. Minh mới giao đoạn phim 35 ly gọi là màu mà người ta đã đến phim «mùi» với màn ảnh đại rõi. Một ví dụ nữa là nước Nga nước Mỹ đã có Vệ tinh bay quanh cung trăng mà nước Pháp mới

có Bom nguyên tử mà thôi, và ta mới có một Trung Tâm nghiên cứu Nguyên tử tại Đà Lạt.

Nhưng chúng ta đã cố gắng. Nhìn lại quá khứ của nền điện ảnh nước nhà. Cuốn phim đầu tiên là một cuốn phim hài hước do người Pháp thực hiện tại đây là cuốn «TOU FOU» tiếp theo đó hai cuốn phim «BA ĐẾ» và KIM VÂN KIỀU». Bắt đầu một đạo năm 1937-38 chuyên viên HÒN CÔNG hợp tác với người Việt sản xuất ra cuốn «CÁNH ĐỒNG MA — TRẬN PHONG BA — TRỌN VỚI TÌNH và CÁNH HOA RƠI». Vào năm 1940 lần lượt ra mắt công chúng «MỘT BUỒI CHIỀU TRÊN SÔNG CỦU LONG — ĐÈO NGANG TỨC CÁNH — THÀY PHÁP RÂU ĐỎ» rồi cuốn phim màu «HUẾ ĐẸP HUẾ THƠ».

Bắt đầu từ năm 1953 MỘT TRANG NHẬT KÝ đã khơi mào cho loạt phim tiếp tục sản xuất cho đến bây giờ.

Điện ảnh Việt-Nam vùng lõi, mong sánh vai cùng các nước trên hoàn-vũ. Nhưng vì thiếu điều kiện phát-triển nên chìm-chìm như trận bóng tròn về khuya... Thực ra là vì thiếu máy móc và thiếu « vốn ». Không ai dại vì « bỗ vốn » ra mà hoặc chỉ lấy lời 10% hoặc mua cái lồ trước mắt, trong khi đó với số vốn ấy nếu đem buôn nước mắm thì lời trông thấy. Nhưng

đối với những ai không sanh đồng nghề từ đồng nghiệp thì đã xoay chiều, chỉ còn lại những người « thợ » chân thành by-sinh cả sự-nghiệp cho điện-ảnh là vẫn còn cố ngoi - ngóp chờ « tai qua nan khỏi » có nhập-cảng cho kỳ được những máy-móc « cần-thiết » để thực-hiện cái mộng của mình. Họ có thể chuyền qua ngành « chuyền âm » hoặc « phụ-đề » để sống tạm qua ngày và chờ sự nâng đỡ của Chính-Phủ, nhất là về vấn-đề quan-thuế và thuế má.

Một vấn-đề cần nêu ra đây là các bạn thấu triệt. Nghề sản-xuất phim cũng như mọi nghề thương mài khác luôn-luôn có sự cạnh-tranh : một sự « chiến-dấu » ngầm-ngầm để vật ngã nhau hoặc bằng các phương-pháp « cao-thượng » hay « bí-mật ». « Cao-thượng » có nghĩa là trau dồi kỹ-thuật, phái người đi học thêm ở nước ngoài về điện-ảnh, bổ sung máy-móc, rút kinh nghiệm của những sự thất bại trước, để tự sửa chữa, còn « bí-mật » thì nói ra không xiết.

Các bạn cứ xem nước ta đã nhập-cảng biết bao phim ngoại quốc và đó là những hãng to lớn vĩ đại sẵn vốn sẵn phương-tiện sản-xuất. Muốn tận diệt nghề điện-ảnh trong xứ để cho họ có thể nhập-cảng các phim của họ và thâu lượm tài chánh của nước mình ! họ có thiếu gì phương-tiện. Phương-tiện truyền-hình, phương-tiện độc-quyền...

Đây là cách « gãy ông đập lưng ông » như thế nghĩa là họ chỉ trích một số nhỏ trong lợi tức hằng năm để dùng vào việc « bưng đào » đó ! Khán giả đòi hỏi những phim hay đó là quyền của khán giả ! Ai dại gì đem tiền đi xem phim « dở » dù là muốn nâng đỡ cho phim nước nhà ! Nhưng cứ mỗi một khán giả « thích » một thứ phim ngoại quốc nào là một khán giả « mất » cho phim Việt. Muốn lôi cuốn khán giả trở lại với phim Việt thì ít nhất cũng có phim giá trị kỹ thuật và nội dung tương tự với phim ngoại quốc. Thị phải bỏ tiền bỏ vốn cho nhiều. Nhưng nếu tinh kỹ số thu lại trong nước sẽ đặt mình vì không thể nào « khâm vốn » cho được ! Sao lại không xuất cảng ? Có người hỏi thế. Ta cứ xem như các thứ xe gắn máy thì biết loại xe của Đức Quốc tất cả ai cũng đều ra chuồng. Có người nhập cảng một loại khác của một nước khác cố nhiên là người xài nghi ngờ... lại có người chê bài này nọ mặc dầu họ CHUA THẤY HOẶC DÙNG LOẠI XE ẤY BAO GIỜ ! Người này vô tình hay cố ý « giết chết » hàng kia ! Phim cũng vậy, cạnh tranh với ngoại quốc chính tại trong nước nhà còn chưa được huống chi là ngoài nước !

Mà muốn cho thanh danh đứng vững thì phim Việt phải nỗ lực và được nâng đỡ. Vì một cuốn phim nếu tinh kỹ và khả dĩ gọi là

bỗn xèn thì phải trên 1, 2 triệu bạc. Muốn giữ mực sản suất đều đều thì nhà sản xuất phải có sẵn ít nhút chừng 100 triệu ! Con số khổng lồ thay !

Lấy đâu ra ? Có thể gọi nhiều nhà sản xuất hùn vốn ? Nhưng như đã nói trên đem 100 triệu ra buôn nước mắm còn có lời hơn ! Vì tỷ lệ lợi 20 phần trăm chắc ! Cho nên ít nhà triệu phú muốn thực hiện « cái thứ kinh tế mạo hiểm » đó !

— Trừ phi... trừ phi khi các thứ thuốc đánh răng ngoại quốc không được nhập cảng vào nước ta nữa ! Các bạn cũng nhận thấy như vậy... !

Một điểm thứ hai mà các bạn ngạc nhiên là danh từ (thợ) mà tôi đã dùng trong suốt loạt bài. Ai làm phim cũng có thợ thao như trong mọi nghề khác. Mà kỹ nghệ phim đã nuôi sống bao nhiêu gia đình thợ kề từ thợ trống cổ mà lên cho đến người « thợ đóng phim » thường gọi cho oai là « tài tử ».

Khi nói đến « thợ » là nói đến một căn bản kỹ thuật. Bạn có thể hỏi tại sao có người tự-nhiên được lựa làm « tài tử » và đóng rất hay ở cuốn phim đầu ? Tôi đồng ý nhưng đó là những « thiên tài, quái kiệt, thần đồng » và... chúng ta ở xa đâu có hiểu sự thật bên trong mà quang cáo đã che dày kỹ lưỡng. Có thể ! nhưng chắc chắn là dù mới « bắt đầu » làm quen với điện ảnh những « quái kiệt » ấy đã « sống » trước kỹ thuật điện ảnh bằng cách

đọc sách, xem xi-nê v.v... và đó cũng là một cách học nghề, một cách tự học. Nhưng cách tự học của người ta không làm cho người ta «bắt-chước» một tài tử nào, người ta vẫn giữ cái «độc đáo» cái «ta» của người ta, thường có những phong trào bắt chước «đầu Marlon Brando, Yul, James Dean» chẳng hạn. Nhưng nếu biết «tiêu hóa» cái hay của kẻ khác đem luyện vào với cái hay của mình ấy mới là «quái kiệt» thật!

Vả lại phim ảnh chỉ trình bày cái «vật chất» bè ngoài, đâu chúng ta có biết «nội tâm» ra sao! Mà hễ vật chất thì phải tàn tạ phải đem lại sự chán ngán. Và do đó tài tử màn ảnh thường được «ném» ra phô bày trong một thời gian rồi buông chìm xuống hò quên lãng.

Trừ những tài tử có một lối diễn xuất «độc-đáo đặc-biệt» vẫn còn «ăn khách» như đò nào. Tuy nhiên, bạn có nghe nói «thợ nhảy dù» bao giờ đâu! Đối với cái thay đổi của tài tử, của đạo diễn, của nhà sản xuất là sự «tồn tại» của

kỹ-thuật của người «thợ». Đúng như câu : «Phủ huyên ra ma, Lai Nha vẫn sống! ». Vì kỹ thuật là nồng-cốt, là căn bản...

Nói cái tánh chất «tồn tại» ấy cũng đủ cho bạn nhận thấy rằng những người đã phụng sự đắc lực cho điện ảnh không phải là những kẻ muốn phô trương trong một thời, khoác cái áo điện-ảnh để giết chết điện-ảnh, dù trên bình diện nào. Những người sống với đêm tối, với màu thuốc, với hình bóng, mong làm cho hay hơn nữa, cho «ngon» hơn nữa, những người sống với lý tưởng, một tình yêu : Điện-ảnh. Đó là những người thợ chịu kham khổ vì họ chỉ chú trọng vào một mục đích tinh thần, tìm sự thỏa mãn trong kết quả thâu lượm...

Loạt bài nối tiếp sau đây sẽ phơi bày cạnh khía vui buồn của đời họ. Sau khi các bạn đã tiếp xúc với kỹ thuật, với công việc khò khan của những tay «thợ», bạn sẽ sống với họ, sống đời sống của họ...

(Còn nữa)

— Không nên tinh viেc chính trj, ngoại giao như là tinh viেc tâm-tinh. Lòng yêu và tình bè bạn, bụng quần tử và sự trung thành không liên quan gì đến sự cầm đầu một nước, ở nước mình cũng như ở nước khác.

Jean Bernier

MÃY BỨC THƯ CỦA BẠN ĐỌC..

Vài tuần nay, ông
giám - đốc P H Ô -
THÔNG có chuyền đến tôi
năm sáu bức thư của các Bạn
đọc thân mến gửi về nói chuyện
về các trường-hop xã-giao. Thật
là hân-hạnh được quý Bạn chiếu-
cố đến, và tôi xin kính lời thành-
thật cảm ơn hảo-ý của Quý Bạn
gần xa.

Có một bạn Nữ-sinh Đại học,
viết như sau đây :

... Hôm chiều thứ Bảy vừa
rồi, em với chị em đi rạp Đại-
Nám xem phim *Anna de Broo-
klyn*. Chúng em ngồi balcon,

* Cô BÌNH-MINH

bên cạnh một cô y-phục rất
đàng-hoàng, trông người cũng
có vẻ đứng-đắn, nhưng ngồi gác
hai chân trên ghế phía trước.
Chúng em thấy khó chịu lắm.
Một lúc, một cặp vợ chồng đi
vào, cô ấy bỏ chân xuống đè
cho người ta đi xong, rồi cô lại
gác chân lên ghế như trước,
coi thật là kỳ... Tại sao một
thiếu-nữ có vẻ tân-thời lắm mà
lại có cử chỉ như thế được, hả
chị? Cử chỉ đó có kém lịch-sự
không hả chị?... ”

— Thưa cô bạn, nếu bạn thấy
rằng ngồi trong rạp chiếu-bóng,
(hay là rạp hát), mà gác chân lên
ghế trước như thế là « KỲ ».

thì bắt luận là đàn ông hay đàn bà, (mà nhất là thiếu-nữ) đều chắc chắn là kém lịch-sự rồi đó. Có lẽ cô ấy không phải là một Nữ-sinh, hay một phụ-nữ có chút ít học-thức, vì dù sao chăng nữa, phụ-nữ có học-thức không ai có cử-chỉ khiếm-nhã như thế. Biết đâu cô ấy có cái vỏ bề ngoài là « đàng-hoàng », « dứng-dẫn », nhưng kỳ thực chỉ là một phụ-nữ không có giáo-đục chăng?

Một bạn đọc, ông V.P. ở Bộ Tài-chánh, viết như sau đây.
Tôi xin trích một đoạn, cũng như bức thư trên của cô bạn Sinh-viên.

... Tôi không biết một số điện-thoại-viên ở nhà Bưu-điện Sài-gòn có học phép xâ-giao đối với khách hàng không? Vì chúng tôi đã bị hơn một lần, — vâng, đã hơn một lần rồi a, — một vài cô ấy (chúng tôi không dám nói tất cả các cô) bắt chúng tôi chờ ít nhất là 15 phút mới lên tiếng. Thưa cô Bình-Minh, chúng tôi, phần đông nhân-viên ở phòng này, đã nhiều lần cảm thấy nói lên, muốn xin các cô ấy cho số, nhưng chúng tôi đợi thật lâu, có khi hút hết nửa điếu thuốc, rồi mới nghe tiếng oanh vàng thò-thò, rất uể-oải:

« Allô! » Mặc dầu vậy, chúng tôi cũng lẽ phép nói như cô đã nói rất duyên-dáng trong bài « xâ-giao » của tạp-chí *T' hò-Thông*: Cô làm ơn cho tôi tịt đê-động a.

Nhưng nào các cô điện-thoại-viên có « thôngcầm » cho cái thiện-chí của chúng tôi đâu! Chúng tôi vẫn thấy máy im-lặng, một lúc lâu mới nghe máy u-u... Chúng tôi quay số tịt-đê-động, thì có đôi khi mới nói chưa hết chuyện bỗng dừng bì coupé. Ngang xuong chưa!

Làm ông bạn đổi thoại ở bên kia đầu dây tưởng đâu chúng tôi kém lịch-sự: đang nói chuyện rồi bỏ máy xuống không thèm nói nữa. hay là không thèm nghe nữa!... Chúng tôi rất mong sao cụ Giám-đốc nhà Bưu-điện Sài-gòn, Thủ-đô của nước Việt-Nam Cộng-Hòa Tự-do và Độc-lập của chúng ta, làm ơn mở lối dạy xâ-giao cho một vài cô điện-thoại-viên nào đó... Được như thế, thật là vạn hạnh cho lũ công-dân nam nữ bình quyền... » v.v... ;

Bức thư này, tôi chỉ xin trích ra đây thôi, chờ khỏi phê-bình.

Thưa các bạn, đây là một đoạn trong bức thư khác của ông

Khánh-Long, chủ hàng Xuất-nhập-Cảng ở Đà-nắng :

« ... Ở Sài-gòn thế nào tôi không được biết, chó ở Đà-nắng tôi thường gặp nhiều người đàn-ông mặc bộ-đồ ngủ mà đi dạo ngoài đường, như mặc pyjama chẳng hạn. Khiêu theo ý có thì như thế có lịch-sự không? Còn đàn-bà con gái mặc quần trắng thiệt mỏng, xin nói là mỏng hơn tờ giấy bóng của con tôi bọc vỏ (!) đi ngoài đường, thì có lịch-sự không? Dám nhờ cô chí-giáo cho... »

— Thưa ông, chắc ông cũng đã nhận thấy rằng mặc quần-áo pyjama đi dạo ngoài phố, là bất lịch-sự. Đồ pyjama chỉ nên dùng mặc trong nhà. Mặc pyjama mà

tiếp khách cũng là vô-lẽ, trừ khách là bạn chí thân, hay là người nhà. Phụ-nữ mặc pyjama tiếp khách, dù là khách phụ-nữ lại càng rất không nên.

Còn phụ-nữ mặc quần lụa trắng QUÁ MỎNG, dù ở trong nhà hay đi ngoài đường, đều là khiêm-nhã! Người đứng dân không bao giờ mặc như thế. Ở Đà-nắng, hay ở Sài-gòn, hay ở một quận, một thôn, người văn-minh ở đâu cũng tỏ ra tôn-trọng phép lịch-sự. Kính-trọng đối với người ngoài, tức là tự mình kính-trọng mình vậy.



Còn vài bức thư khác cũng rất có ý-nghĩa, xin phép các bạn để cho tôi đăng vào số báo sau.



TRANG TRÌNH ĐI CÀ NHÁC.

— Anh ạ, cụ Trọng Trinh Nguyễn-bính-Khiêm là người dài hoa xuất chúng, nhưng tiếc thay cụ có tài đị cà-nhắc.

— Sách sở nào đã bảo anh như thế?

— Thị chính cụ đã « tự thuật » chó còn ai bảo nứa.

Đây, thơ cụ có câu :

« Ngoài vòng cương tỏa, chân cao-thấp,

« Trong túi yên-hà, mặt lينh say.

Rõ ràng là cụ chân cao, chân thấp rồi chó gì nứa?

M. K.

của NHUỆ-HỒNG

HAY LÀ :

Chù-nghĩa xã-hội ở Á-Châu

★ THIẾU-SƠN

Ô I mới nhận được ông
Nhuệ - Hồng gửi tặng
«Những chuyến đi» de Liêu-Minh
Xã-Hội ấn-hành. Tên văn này đối
với tôi hoàn-toàn mới lạ. Nhưng
đọc ở bìa sau mới biết ông Nhuệ-
Hồng trước đây đã xuất - bản
«Chù-nghĩa dân-chủ xã-hội», «Lá
thư miền Nam» và sẽ xuất-bản
«Nguyên lý sơ đẳng Xã-Hội chủ
nghĩa», hết thảy đều do Liên -
Minh Xã-Hội ấn-hành.

Đọc hết «Những chuyến đi»
mới biết thêm là không phải là
chơi mà đi dự Hội - nghị Liên -
Minh Xã-Hội Á-Châu ở Bombay
và Hội-Nghị các nhà văn Á -
Châu ở Tân-dề-Ly. Cả hai Hội -
Nghị đều nhóm họp vào cuối
ăm 1946.

Càng đọc kỹ càng biết rõ Nhuệ
Hồng chỉ là bút hiệu của một vị
luật - sư hiện là yếu nhán của
Đảng Xã-Hội Việt-Nam và cũng
nhân - danh Đảng mà ông đã di
dự hội-nghị Bombay nói trên.

Muốn cho danh chánh, ngôn
thuận tôi tưởng ông nên nêu rõ
những sự - kiện đó ra một cách
minh-bạch bẽ giới-thiệu với đồng
bào Việt-Nam những yếu-nhán
và hoạt-dộng của một chánh-dảng
công-khai, hợp-pháp, có địa-vi và
được sự nhìn nhận của quốc-tế.

Một Đảng cũng như một nước
cần phải củng cố nền ngoại-giao
để mở mặt mở mày với
thiên-hà, nhưng phải có tổ-chức
và phát-triển Đảng ở ngay trong
nước mình đã. Phải củng-cố thực-

lực trước hết. Càng có thực-lực
càng thêm thế-lực trong liên -
minh quốc-tế.

o

Mở đầu "Những chuyến đi" bạn Nhuệ-Hồng đã nói : "Trong kỳ Đại-Hội thứ nhì của Liên-Minh Xã-Hội Á-Châu, một mình tôi được chỉ định tham-dự hội-nghị. Lần đầu tiên tôi ra khỏi nước, lần đầu tiên tôi làm ngoại giao. Ra đi một mình, không bạn đồng hành, không người thảo-luận."

Trên đây chỉ là lời than thở của bạn về chuyến đi thứ nhứt, đi cho Đảng để dự Đại-Hội Liên-Minh Xã-Hội Á-Châu. Qua đến chuyến đi thứ hai để dự Hội-Nghị các nhà văn Á-Châu ở Tân-dề-Ly thì bạn cũng đã có người đồng-hành và có người thảo-luận.

Nhưng theo sự nhận xét của tôi thì Hội-nghị thứ nhứt mới thiệt là quan-trọng vì là Đại-Hội Liên-Minh Xã-Hội Á-Châu nằm trong Quốc-Tế Xã-Hội Thế-Giới. Dự một Hội-nghị như thế mà phải đơn thương, độc-mã thì thật là nguy-hiểm.

Theo lời bạn Nhuệ-Hồng thì bạn đã làm được nhiều chuyện làm vê

vang cho Đảng Xã-Hội Việt-Nam, đã mua được cảm-tình và sự kính-nể của các đảng bạn. Nhưng dẫu sao tôi vẫn cho là táo-bạo và nguy-hiểm vì sự cô-dơn, lẻ-bạn như thế nhiều khi đưa người ta tới những hành-dộng chủ-quan có thể thỏa-mãn được sự hiếu-thắng, của cá-nhan mà vô tình đi ra ngoài đường lối chủ-trương của Đảng. Bạn Nhuệ-Hồng đã tránh được những nguy-hiểm nói trên nhưng chính bạn cũng nhìn nhận rằng đã làm việc quá sức mình.

Bạn nói : "Mỗi người trong chúng ta đều có thè, trong những trường hợp đặc-biệt thực-hiện những công-cuộc đặc biệt mà bình-nhẹt ta cho là quá sức mình".

Bạn còn nói thêm : "Nói thế cũng để chứng-minh những khả năng tiềm-tàng của con người tiêu-tư-sản vẫn bị khinh-thị là bảo thủ, an-phận, một mặt hờ-lòng, thiếu tinh-thần tranh-dấu. Sở-dĩ con người tiêu-tư-sản không thực-hiện được những công-cuộc vĩ-dai phi-thường có lẽ vì họ không có điều-kiện đặc-biệt và cũng không cần phê-trương lực-lượng bằng những công-tác đặc-biệt..." .

Chẳng những bạn đã tìm ra

được những khả-năng tiềm-tàng của con người tiêu-tư-sản ở bạn, ở những lãnh-tụ phong-trào Xã-hội Á-Châu mà bạn còn đặt hết tin tưởng vào giai-cấp tiêu-tư-sản trong việc thiết-lập một lực-lượng thứ ba chống với Tư-bản chủ-nghĩa và cộng-sản chủ-nghĩa.

Bạn Nhuệ-Hồng đã cùng một quan-dièm với những lãnh-tụ xã-hội Á-Châu. Chính ông Asoka Mehta, lý-thuyết-gia và tông-thơ ký Đặng Xã-hội Án đã nói :

« Con người tư-bản là một « con người cô đơn, lo sợ tự-do. Con người bằng máu chuyết bị trừu tượng hóa thành kinh-tế-nhân. »

« Con người vô-sản, tìm cách tiêu-diệt kinh - tế - nhân cũng là « một sản - phẩm tương - tự. Nếu kinh-tế-nhân, lý-tưởng của tư-bản là một con người trừu-tượng thì con người vô-sản, lý-tưởng của kẻ thù tư-bản cũng là con người què-quặt. Theo Mắc, con người vô-sản là con người tự phỏng-khí. »

« Cả kinh-tế nhân và con người vô-sản phải được thay thế bằng « con người đều-hòa toàn-diện... »

« Con người đều-hòa toàn-diện tức là con người tiêu-tư-sản theo quan-dièm của nhà lãnh-tụ xã-hội Á-Châu. »

Tôi đã từng hoạt - động trong

hàng ngũ xã-hội và đã từng tham-gia cuộc cách-mạng giải-phóng ở nước nhà, tôi nhìn nhận những khả-năng tiềm-tàng của con người tiêu-tư-sản nhưng dùng họ làm chủ-lực trong cuộc cách-mạng xã-hội ở tương-lai thì tôi cũng không mấy tin-tưởng.

Giai-cấp tiêu-tư-sản vẫn sản - xuất được những nhà lãnh - đạo ưu-tú cho các phong-trào, kè-cà Phong-trào cộng-sản.

Nhưng lực-lượng căn-bản và ngay đến những căn-bộ cơ - sở không thể chỉ trông cậy vào tiêu-tư-sản hết được. Tiêu-tư-sản có những ưu - dièm nhưng cũng có rất nhiều nhược-dièm mà cái nhược-dièm căn-bản là thích sống riêng rẽ, thiếu ý-thúc và tinh-thần tập-thè. Ta không chủ-trương vô-sản-hóa nhân-loại để kiến-tạo một xã-hội theo kiểu cộng-sản.

Nhưng ta vẫn có thể tụ-tập những lực-lượng trong hàng ngũ công-nhân và nông-dân chưa tiêu-tư-sản-hóa để làm chung cái công việc của chúng ta muốn làm. Chúng ta không phủ-nhận những nỗ-lực của chính-phủ trong việc thăng-tiến cồn - lao và cải - cách ruộng đất, nhưng ta phải nhìn nhận rằng ở nông-thôn bần-nông vẫn còn thăng sốt hơn trung-nông và ở thành thị đa số công-

nhân vẫn chưa đạt tới mực sống “nhưng cũng đang cần có một chánh tiêu-tư-sản. Vậy thì đảng Xã-hội vẫn có thể tuyên lựu đảng-viên trong thành phần nói trên đề cùng với những phần tử ích-euc trong gai-cáp tiêu-tư-sản tạo nên cái lực-lượng thứ ba theo đường lối của mình. Ở Pháp đảng xã-hội còn tranh-danh ảnh hưởng với đảng Cộng-sản trong giới công-nhan được thì ở Việt-Nam tự-do ta càng dễ hoạt động hơn trong giới công-nông-dương cần có sự lãnh-dạo thích-dáng của chủ-nghĩa xã-hội. Tác giả «Những chuyến đi» dường như có thành-kien với hai chữ vô-sản cũng như người Án-độ không dám dụng chạm với những kẻ tiện-dân (les parias).

Nhưng ở Án-độ là vì lý-do tôn-giáo mà có sự cách-biệt giữa đồng-bào, chứ ở Việt-Nam không có kẻ tiện-dân và chỉ có những kẻ nghèo đói ở thành-thị cũng như ở thôn-quê, những nạn-nhân của tư-bản và phong-kiến, những phu khuân-vác, những phu-xe, những lao-dộng công-nhựt, phu-dộng hay thất-nghiệp, những tá-diễn còn chưa thoát khỏi vòng thao-túng của địa-chủ. Những người này hiện được chánh-thì Cộng-hòa chăm sóc và nâng đỡ

đang lãnh-dạo và giáo-dục. Trước kia họ đã bị cộng-sản lôi-kéo, cám-dỗ và đầu độc bằng-cùu-thị và căm-thù, đã biến họ thành những con người điện-tử, bỏ nhân-bản và mất nhân-tính. Không, họ không phải là những con người què-quặt phiến-diện tự-phóng-khí. Họ đã bị biến đổi thành những con người què-quặt, phiến-diện. Họ bị phóng-khí chứ không tự-phóng-khí. Nay họ đã tĩnh-mộng thì lại càng cần được chăm-sóc cả về vật-chất lẫn tinh-thần. Chủ-nghĩa xã-hội không thể không đếm-sá iới họ được. Những nhà-lãnh-dạo có thể là những nhà-tiêu-tư-sản trí-thức, nhưng hụt-tầng cơ-sở nhứt định phải là những người cùng-khò trong xã-hội của ta. Không có cái co-sở này lôi-kéo và giáo-dục ngược-lại thì những nhà-lãnh-dạo rất dễ sa ngã trong sự-thỏa-hiệp với những lực-lượng phong-kiến và tư-bản còn sót-lại. Không có cái co-sở này giai-cấp tiêu-tư-sản không thể nào độc-lực làm-tròn cái sứ-mạng của mình, mặc-dầu nó có rất nhiều khả-năng và thiện-chí.

Nhưng con người tiêu-tư-sản được nuôi-dưỡng trong lý-tưởng

„xã-hội, không tách rời khỏi
quần-chúng căn-lao sẽ gây được
sự điều-hòa tòng - hợp, tạo nên
được một lực-lượng dù sức chống
đối với cả hai phe cực - tả và
cực-hữu.

Tác giả «Những chuyến đi» đã
may-mắn được tiếp-xúc với những
nhà lãnh - tụ Á - Châu, những
người mà bạn coi như những Á-
Thánh, nhưng thời giờ không
cho phép bạn chung dung với
những lực-lượng cơ-sở của các
đảng Xã-Hội Á-Châu. Tôi thường
tượng rằng những lực-lượng đó
chắc phải hùng hậu lắm. Đọc
«Những chuyến đi» tôi hình
dung bạn Nhuệ-Hồng của chúng
ta đầy đủ khả-năng và uy-tín của
một vị lãnh-tụ Việt-Nam. Nhưng
ngó tới thực-lực của Đảng Xã-
Hội Việt-Nam tôi đã thấy gì?
Đảng chưa có tiếng nói ở
Quốc-Hội, chưa thực sự lãnh-
đạo được một lực - lượng thợ
thuyền nào ở Thủ - Đô,
chưa phò-biến trong nông-thôn
và cũng chưa có gốc-rễ ngay
trong giai-cấp tiêu-tư-sản. Những
hoạt-dộng của đảng cũng chưa có
gi là sâu rộng trong quang-dai
quần-chúng.

Như vậy thì đảng còn phải cố-
gắng nhiều hơn nữa để xứng
đáng với sự có mặt của mình

trong Liên-Minh Á-Châu và trong
Quốc-tế Xã-hội.

Quốc-tế Xã-Hội ngày nay là
một lực-lượng vĩ-dai trên Thế-
giới. Và Liên-Minh xã-hội Á-
châu sau kỳ Thế-giới chiến-tranh
lần thứ hai nầy đã thâu-hoạch
được những thành-công rực-rỡ.
Có hậu-thuấn quần-chúng và
đã từng năm chánh - quyền là
các Đảng Xã-hội Miến-diện,
Tích - Lan, Do - Thái, Nam-
Dương, Dân-biều Xã-hội Nhựt
chiếm 1/3 số ghế trong Quốc-
Hội. Phong-trào Xã-hội Ấn
ké tiếp công-cuộc của Gan-
dhi... Lập-trường Xã-hội của
Ấn-dê thuần túy Đông-Phương,
lấy những nguyên-lý chủ nghĩa
Gandhi và Dân-chủ xã-hội làm
“cơ sở lý-thuyết”.

Những lời nói trên đây của
bạn Nhuệ Hồng chứng minh một
cách rõ ràng lực-lượng hùng-hậu
của Liên Minh Xã-Hội Á-Châu.

Xưa nay người ta thường coi
Chủ nghĩa Xã-hội và chủ nghĩa
Cộng-sản như hai chủ-nghĩa anh
em vì cả hai đều bắt nguồn từ học
thuyết của Karl Marx. Nhưng từ
ngày Đệ tam quốc tế tách ra khỏi
Đệ nhì quốc tế thì không còn
có anh em gì với nhau nữa. Quốc

tế xã-hội bây giờ là một đấu thủ lợi hại của Cộng sản đế Tam. Những nhà lãnh tụ xã-hội Tây-Phương tuy không phủ nhận những lý-thuyết kinh tế của Marx nhưng cũng không doạ tuyệt với những giá trị tinh thần, những lý-tưởng tự do, dân chủ, chủ-trương giải-phóng con người đồng thời với sự giải-phóng quốc-gi: dân-tộc, ngược hẳn với chủ-trương của Cộng-Sản. Ở Á-Châu Marx còn bị bỏ xa hơn nữa. Theo bán Nhuệ-Hồng thì «phong-trào Xã-Hội Án-Độ thu hút những tinh hoa của các chủ-nghĩa duy-lý và kinh-tế, đang «làm một công-trình tổng-hợp toàn-diện, lý-tưởng - hóa chủ-nghĩa xã-hội, đạo-đức-hóa chánh-trị thực-tiễn, dân-chủ hóa bộ máy tập-thề và nhứt là gieo rắc lại cho các chiến-sĩ xã-hội một lòng tin... »

Ở Án-Độ như thế thì ở các nước Á-Châu khác cũng thế vì

là những nước nông-nghiệp, còn lạc-hậu về Kinh-Tế và người dân còn sống với thằn-quyền và thằn-bí. Chủ-nghĩa xã-hội phải lo cải-thiện đời sống cho những người thiểu ăn, thiểu mặc nhưng không thể vô-thần và duy-vật được đối với những người vẫn nặng một lòng tin.

Nói chung về Lực-lượng thứ Ba, bạn Nhuệ-Hồng có những ý kiến như sau :

«Lực-lượng thứ Ba chỉ có «thể thành hình với sự tham-gia của Quốc-tế Xã-Hội Âu-Châu, Liên-Minh Xã-Hội Á-Châu và những phong-trào Dân-chủ Xã-Hội cấp-tiến tại Bắc-Phi, Nam-Phi và Nam-Mỹ. »

Tôi muốn nói thêm rằng Đảng Xã-Hội Việt-Nam phải được phát triển mạnh mẽ hơn nữa để gep mặt một cách xứng đáng vào cái lực-lượng thứ ba nói trên, lực-lượng của Tương-lai, của Hòa-Bình và Dân-chủ.

— Nếu nhân loại không có đàn bà thì chúng ta ai nấy đều
thần thiết như anh em ruột vậy.

(Ngạn ngữ Tây Phương)

Tao Đàn Thơ Chồng

— ★ —

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?

T HÈ theo lời yêu cầu của
nhiều bạn yêu Thơ, khởi
tù số này tôi xin mở trang *Tao-
Đàn PHÒ - THÔNG*, để cùng
các bạn họa thơ cho vui. Gọi
là một đôi phút giải sầu, và kết
mối thông cảm giữa bạn đọc thân
yêu của tạp-chí *PHÒ-THÔNG*.

Khai hội Tao - Đàn, xin các
bạn cho phép tôi đưa ra câu
thơ đầu của một bài bát - cú,

(dĩ nhiên là theo thề Đường-
luật), mà đề tài là :

NAM-THU HÒA-KHÚC

Và đây, là câu thơ đầu :

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?

Xin mời các bạn lấy vần
«vàng» mà họa lại, như thế các
bạn khỏi bị gò bó trong năm
vần nhất định, để các bạn được
tự-de phô-diển tư - tưởng, hay

cảm-tưởng của bạn về mùa Thu ở miền Nam. Tất nhiên, là các bạn sẽ làm Thơ Đường-luật, và câu đầu phải lấy vần «Vàng». Hoặc giả, bạn nào muốn dùng các lối thơ ngũ ngôn, hoặc thơ mới tám chữ cũng được, nhưng cũng phải mở đầu bằng vần «Vàng». Không nhận thơ lục-bát, vì rất khó hay, và song thất lục-bát vì quá nặng nề, hoặc «thơ tự-do» vì không phải thơ.

Xin các bạn gửi thơ họa về Tòa-soạn Phèo-Thông trước ngày 4 tháng 8 ta (6-9-59) để kịp chúng tôi lựa chọn những bài nào hay sẽ đăng vào Phèo-Thông số Đặc biệt Trung-Thu, số 19, ra ngày 13 tháng 8 ta, (15-9-59). Ngoài ra, những bài gửi trễ sẽ chọn đăng vào các số 20, 21.

Mỗi bạn sẽ có một tập:

NAM-THU HÒA-KHÚC

Nếu có nhiều bài thơ hay, (50 bài chẳng hạn), chúng tôi sẽ in riêng thành một tập sách, nhưn dề là «NAM THU HÒA-KHÚC» và gửi tặng tất cả các bạn có thơ đăng trong đó (chỉ chọn những bài thơ hay mà thôi) thành một giai phẩm của Tao-Đàn Phèo-Thông, để các bạn

làm kỷ-niệm. Vậy kèm với bài thơ xin bạn gửi cho *Tên họ và địa chỉ rõ ràng*, (Thơ có thể ký bút hiệu riêng) đề chung tôi gửi tặng sách nếu bạn có thơ in trong tập ấy.

Tôi xin nhắc lại các điều-kiện :

— Chỉ nhận các thi tho sau đây :

— Thơ bát-cú Đường - luật (ưu tiên), mấy bài cũng được, miễn là hay.

— Thơ ngũ ngôn Đường - luật.

— Các thi tho mới 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, hoặc 8 chữ. Không nhận các loại thơ lục-bát, song - thất lục - bát, và các loại «Thơ» không niêm, không vần, không âm-diệu,

— Lấy vần «Vàng» làm vần chính ở câu đầu.

— Có thi lấy nguyên cả câu xướng :

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng?

Bài này cũng sẽ đăng trong P.T. số Trung Thu, mục Tao-Đàn Phèo-Thông.

Thân ái chờ đón các bạn nam nữ Thi-nhân.

NGUYỄN-VÝ

CÔ GÁI

Truyện

TRUYỆN TÀU CỦA TÙ-VỤ ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐÁC

V

(tiếp theo P.T. số 17)

thì, đối với một cái phòng giấy hoặc với một cửa hiệu buôn bán, thi chẵng nói làm chi, nhưng đối với một nơi để an cư, để hưu dưỡng, mà sự xây cất luộm thuộm, lổ-lỗng như vậy, nhất định, những nơi đó không thể nào có được, những đứa trẻ dĩnh ngộ, thông-minh, những cậu con trai có trí tuệ hơn người; hoặc, những cô con gái

duyên dáng, yêu kiều.

Bước chân vào tòa nhà của ông Thê-tu-Lăng, tôi có ngay cái ấn-tượng, ông ấy không phải là một phú - ông vào hang thông thường, vì sự bầy-biện rất đồ sộ lồng, trang nghiêm. Ngoài những bức họa và những cỗ-ngoan, không có một thứ đồ gì gọi là ma-dăng (moderne) nó có thè phá hoại cái tiết - tấu của toàn thè kiến-trúc.

Tuy nhiên, ở đây có một

không-khí quá nghiêm-túc, quá nặng-nề, nó làm cho tôi thấy khó thở. Không những thế, cái hoàn cảnh, cao rộng, lồng-lẫy làm cho tôi trở thành một vật cực-ky diều-tiêu. Cái cảm giác của tôi, là cảm giác của một người khách tăm thường bước chân vào một nơi vừa phủ lê, vừa cỏ-nhã. Bàn ghế, tủ già, cái gì cũng bằng gỗ quý, chạm trổ rất tinh vi, theo lối cồ-diên. Một bức họa treo trên tường cũng toàn của họa phái cồ-diên, trừ một bức, theo chỗ tôi biết, là của Meissonier, trong tà Nã-phá luân hành quân, bức đó là một tác phẩm tối cận-dại.

Ở một góc phòng khách, có bày trên một cái giá bằng đồng, một bức họa, trong có một người đàn bà bận y thường của quý-phái, hình vẽ có lẽ lớn ngang với người thật. Tôi độ chừng, người trong tranh hẳn là bà cụ tôi của dòng họ Thê-tư-lãng. Trên nét mặt nghiêm-khắc của cụ tôi, tôi không đoán ra được, lúc thiếu thời, cụ có duyên dáng hay không, nhưng đôi mắt sắc xảo của cụ, bao hàm một khói óc thông-mẫn, khuôn mặt danh thép, chứa đầy vẻ uy - nghi; cái mũi dọc dừa, tượng trưng cho sự chính đinh, cương trực; và một cặp môi đầy kiên quyết.

Trong khi tôi đương chú-thị vào bức họa, thì ông Thê-tư-lãng tiến lại. Ông vào trạc ngoài năm mươi. Vốn có một tư-thái trầm-

tĩnh, nên ngôn-ngữ, cử-chỉ của ông lúc này cũng ung dung, chậm chạp. Tuy ông không được u-mặc và hòa-cát như y-sư Xa-lạp-Mỹ, nhưng, mỗi lời nói của ông đều được một vẻ thành-khôn nó làm cho người ta có cảm tưởng, mỗi câu-gì ông thốt ra, đều chân thật và, bất cứ với việc gì, hễ ông nói ra được, là ông nhất-định làm được thành; tất cả những điều ông đã hứa, ta có thể tin chắc vào đó mà không cần phải lấy giấy má, tờ, chũ, làm bằng.

Cuộc đàm thoại của ông với tôi rất đời đơn giản vi, bao nhiêu điều cần yếu, y-sư Xa-lạp-Mỹ đã nói qua cả rồi. Sau đó, ông ký một tờ ngân-phiếu mười ngàn phật-lăng và trao cho tôi. Tôi rất đời ngạc nhiên :

— Thưa ngài, tiền thù-lao về tháng trước, tôi đã lĩnh rồi, còn tháng này thì mãi tới cuối tháng tôi mới...

— Không, không, đây là món tiền công-phí, nay mai, tiên-sinh sẽ phải cần đến:

Nói đoạn, ông ngầm tôi từ đầu tới chân và nói tiếp :

— Cố lẽ tiên-sinh nên đi may thêm lấy mấy bộ quần áo, rồi cuối tháng ông cho tôi xem hóa đơn.

Tôi cầm lấy chiếc ngân-phiếu và không nói thêm gì nữa.

Thế rồi, ông bấm chuông goé người đưa tôi tới phòng sách, nơi mà trên danh nghĩa, tôi được

tuyên dụng để làm việc. Sau
đó dặn tôi :

— Nếu tiên sinh cần bắt cứ
cái gì, xin tiên-sinh cứ hỏi viên
quản-gia.

Ông đi ra khỏi, và tôi theo người
quản-gia đến phòng sách. Nơi
chúng tôi đi qua trước tiên, là
phòng đọc sách, ở đây có một
lò sưởi cực lớn, trên mặt lò, có
trang-trí mây - điêu - khắc - phẩm
quý giá. Trong lò, giá than, kim
gấp, cùng que khều than, toàn
bằng gang, sắt, chế theo kiều cực
kỳ tinh-trí, mỹ-xảo. Đối diện với
lò sưởi, là một ghế sô-pha, sau
sô-pha có kê một chiếc bàn dài.
Phía giữa nhà, là một bàn viết
thiết-lớn. Trên tường, phía sau
bàn viết, có treo một thanh
trường-kiếm và mấy khẩu súng
tay, kiều cổ; về góc tường phía
đông-nam, có một cái đồng hồ
dánh chuông, lối tủ, kê ở mặt
đất, với tiếng kèn tictac, chậm
chạp của quả lắc. Bên kia, là
cửa-án thông sang phòng chứa
sách.

Một mặt phòng chứa sách là
cửa sổ dài lát kính, gần đó, có
một ghế đầu nho-hình bầu dục.
Ở đây, có thể trông qua hàng hiên,
ra tới cái gác và thalam cổ. Nếu
có người đương đánh võng-cầu,
đứng đây gọi, họ có thể nghe rõ.
Ngoài bức cửa ra vào, chung
quan-tường, đèn là địa đồ, mỗi
tấm được đặt trên một cái già
đóng, đều như muôn coi cho rõ
ta có thể hạ xuống được.

Có một bức đại-hoa treo ở
tường phía bên lò sưởi, đã làm
cho tôi phải đặc-biệt chú ý. Đó
là một bức «tán-vọng» của nhà
đại-danh-họa Puvis de Chavannes,
Ở Ba-lê tại quốc-tàng-quán, tôi đã
từng được xem thấy những bức
tán-vọng-hoa vào loại bức «Thánh
làm» (Le bois sacré) ở đại-lễ-
đường «Thoa-bồng» (Sorbonne).
Thật tinh, các họa-phẩm vĩ-dai
ấy đã thâm-khắc vào tâm não
tôi một ấn-tượng rất mãnh-liệt,
vì, cái tính cách tượng-trưng
nó chứng-minh cho sự trầm
tĩnh và trang-nghiêm của học-
nghệ.

Cái hoành-cảnh này đã có một
sức hấp-dẫn vô-song đối với tôi.
Giá vi thử, tôi được thực sự ở
đây, để chỉnh-đốn thư-tịch, thì
thiết là cả hạnh-vận cho tôi,
nhưng tiếc-thay, gia-đình Thê-
tư-lăng đã giao cho tôi một
nhiệm-vụ khác hẳn.

Trong khi, tôi đương, mình tự
nhủ mình như vậy, thì, vị quản
gia bảo tôi :

— Đây là phòng chứa sách.
Tôi liền theo ông ta bước vào.
Bốn bên tường đều là tủ sách
cả. Giữa phòng, có kê một cái
bàn dài, chung quanh có ghế
tựa; một bên có tủ chứa mục
lục sách, một bên có hai chiếc
thang. Tôi vừa định bụng mở
thư-mục ra coi, thì người quản
gia lại lên tiếng :

— Thưa tiên-sinh, hành-lý của
tiên-sinh đã đưa cả lên phòng
ngủ của tiên-sinh rồi; bày giờ,

tôi muốn dẫn tiên-sinh lên trên đó, a.

Người quản-gia có một thái độ khá nghiêm-túc. Lúc đó, tôi đương ngồi ở chỗ bàn viết, gần đó có một cái cong đựng tàn thuốc lá rất đẹp, tôi mới liên tưởng tới việc hút thuốc; mở hộp, tôi rút ra một điếu, đánh lửa châm, hút và tiện tay, tôi đưa hộp thuốc mời người quản-gia :

— Mời ông xơi một điếu.

Ông ta cười, đáp :

— Cảm ơn tiên-sinh, tôi không biết hút thuốc.

Tôi nói :

— Thưa ông, quả thật cái khung cảnh này đối với tôi, đây vẻ mời lạ và kỳ-đặc, vậy xin mời ông ngồi đây để ta đàm luận một lát đã... Sau nữa, xin ông cho tôi rõ một vài điểm về tình hình ở nơi đây?

Ông ta lại cười, đáp :

— Ô ! tình hình ở đây, tôi cũng chỉ biết có một chút ít thôi... tiên-sinh ở đây, rồi lâu lâu, tiên-sinh sẽ rõ.

— Ý tôi muốn đi xem qua một lượt các phòng ở đây, có được không ạ ?

— Được lắm chứ ạ. Đó chính là bốn - phận của tôi phải chi dẫn cho tiên-sinh, nhưng, tôi thiết tưởng, tiên-sinh hãy nghĩ nơi đi cái đã, rồi sẽ hay ?

— Nếu không làm phiền ông, tôi chỉ xem qua cử kỷ đại-khai, thôi.

Ông ta lễ phép trả lời :

— Được, được, tôi xin dẫn ông đi coi.

Chúng tôi liền đi ra khỏi phòng sách, và đi theo một cái hành-lang vừa rộng, vừa dài. Mỗi khi đi qua một nơi nào, ông ta chỉ dừng lại ở cửa và nói cho tôi hay : đây là buồng rửa mặt, đây là buồng khâu vá, đây là buồng để đánh đàn, đây là buồng chứa đồ cỗ, đây là buồng chứa những bức danh họa... Sau cùng, chúng tôi bước qua một cái đại sảnh, ở trong đó, có mươi bức họa nhân-tượng và ông ấy nói cho tôi rõ, các nhân tượng đó toàn là tổ tiên của họ Thê-tur-lăng, mà quá nửa đều là lịch-đại danh - nhân cả ; nội trong ngàn áy hình tượng, tôi nhận ra một bức, họa một vị nữ-nhân, mà tôi đã trông thấy ở khách sảnh.

Khách sảnh có hai gian mà một gian, tôi đã đi qua lúc nãy. Người quản-gia nói qua một câu cho tôi rõ, rồi dẫn tôi sang phòng ăn. Ở đây, sự trang-trí rất hoa-lê mà các họa - phẩm đều thuộc phái lãng-mạn cả. Trong các bức họa, tôi nhận thấy hai bức của đại-sư phái lãng-mạn, Eugène Delacroix. Giữa phòng có kê một cái bàn dài, trên có bày hai bình hoa tươi. Các ghế đều có tựa cao, đệm lò so và lợp toàn bằng vóc vàng. Với một cái phòng rộng, lớn chừng ấy mà đồ bày chỉ có bấy nhiêu thì sao cho tránh, khỏi vẻ trang-nghiêm.

(Còn tiếp)

Mình ơi!

* DIỆU HUYỀN

đêm qua
em thấy
chiêm bao

— Mình ơi, điềm chiêm-bao có linh nghiệm gì không, Mình nhỉ?

— Tùy theo nhiều yếu tố. Camille Flammarion đã phân tách các loại chiêm bao. Có những nguyên do khác nhau, khó mà đặt ra một nguyên tắc nhất định.

— Nhưng tựu trung, khoa học có giảng giải được các hiện tượng của Chiêm bao không?

— Có chứ! CAMILLE

FLAMMARION chính là một nhà khoa học. Ông là một nhà chuyên môn về Thiên văn học và các khoa học thực nghiệm. Và còn nhiều nhà bác học đã nghiên cứu về giấc chiêm bao. Đó là một khoa học rất hấp dẫn.

Nhưng tại sao hôm nay mình lại hỏi anh về chuyện chiêm bao?

— Tại vì đêm qua em thấy một điềm chiêm bao rất lạ. Mình biết em thấy thế nào không? Ôi! Mình ơi! Em thấy tụi mình trúng số độc đắc, Mình à!

— Số độc đắc một triệu ấy hả?

— Dạ. Em thấy em đi chợ. Lúc đi ngang qua một chỗ bán vé số kiến thiết, người ta mời em mua, mỗi vé 13 đồng. Em lắc đầu không mua thì tự nhiên có một ông Tiên râu tóc bạc phơ, mặc áo màu hàng xanh da trời, từ trên trời nhảy dù xuống. Ông gờ cái

vẫn dù ra rồi túm tim cười đến gần em, kề miệng nói thầm vào tai em : « Kỷ này con trúng số độc đắc. Con mua vé số 000.001, thế nào cũng trúng độc đắc. » Ông lại vỗ vai em, rồi bảo : « Con về tin cho chồng của con biết, để chồng con mừng, lần này tự con trả hết nợ, và tậu nhà cửa, lại được đi du-lịch 80 ngày vòng quanh thế-giới », Nói xong, ông Tiên chào em bằng tiếng ang-lê : « Good luck ! », rồi ông chui vào cái vải dù, một làn gió thơm đưa đưa cái dù bay bồng lên mây xanh. Em nắm chiêm-bao thấy rõ như thế đấy, Mình à. Không ngờ sáng nay em đi chợ, lúc ngang qua Bùng-Binh có một bà già mời em mua vé Kiến-thiết. Quả nhiên, em lấy xấp vé lật coi từng tờ thì, Mình ơi, có tấm vé số 000001 thiệt, Mình à. Em mừng quýnh lật-dật mở bóp lấy 13\$ ra mua...Nè, Mình coi, tấm vé số do ông Tiên mét cho em mua đây nè...

Bà Tú mở bóp lấy tấm vé số 000001 đưa cho chồng coi. Ông Tú vừa thấy tấm vé số thì lẩn ra giường cười sắc sưa :

— Trời đất ơi ! Ông Tiên nào dại, ông trác minh mà mình cũng nghe lời ông, mất toi 13 đồng !

— Sao mình biết mấttoi ? Nếu trúng độc đắc 1.000.000 đồng thì mình mất gì nào ?

— Năm con O một hàng như vậy thì trúng làm sao được, hở Bà ?

— Thế, tại sao em nắm chiêm-bao thấy ông Tiên mét cho em con số đó, rồi sáng ngày em đi chợ quả nhiên cũng gặp cái vé đúng ngay con số đó ?

— Đè anh cắt nghĩa theo khoa học cho mình nghe, — theo thuyết của CAMILLE FLAMMARION, và của FREUD, thì chiêm bao là sự hiện hình của một thèm muốn cực độ, từ thế giới thực tế ở ngoài qua thế giới mơ tưởng ở trong. Thí dụ như hằng ngày mình thường thèm muốn trúng số độc đắc thế là lúc ngủ sự mong muốn ấy hiện hình trong giấc chiêm bao như đã có thiệt. Nghĩa là mình nắm chiêm bao (trong thế giới mơ tưởng) trúng số độc đắc ý như mình hằng ao ước trong đời sống thực tại. Còn vé số 000001, là chính cái tiềm thức của mình (danh từ triết học gọi là Subconscient) báo cho mình biết rằng sẽ không trúng, nghĩa là điều mơ ước ấy sẽ là một con số không mà thôi.

Nếu Mình nhận-xét ý-nghĩa

khoa-học của chiêm-bao theo thuyết của Freud như thế, thì mình đã dè 13\$ đó mua cho anh một trái xoài voi chở khỏi nghe lời ông Tiên mua tấm vé số này.

Anh không thể giảng-giải hết cho mình nghe các kết quả rất xác-thực của những thí-nghiệm về chiêm bao của các nhà khoa-học khác như MAINE DE BIRAN, như MOURLY VOLDEM — vì nó phức-tạp lắm. Nhưng hầu hết các nhà bác học đều nghiêm xét rằng giấc chiêm-bao là kết quả của tưởng-tượng dưới nhiều hình thức khác nhau đó thôi. Nói chung từ đời Thương-Cô, người Ai-CẬP, người CHALDEENS, ASSYRIENS, ĂN-ĐỘ, TÀU, đã có những học-thuyết về giấc-mộng nhưng không theo một nguyên-tắc nào cụ-thể. Họ chỉ tin thôi, rồi do sự tin ấy họ mới đặt ra các giả-thuyết. Người ĂN-ĐỘ cho rằng « Linh-hồn có một cuộc sống bí mật riêng trong lúc người ta ngủ ». Người Tàu thì tin rằng « Linh-hồn thoát ra khỏi thè chát, lúc người ta ngủ, để đi dạo ngoài không-gian, nơi các vùng thuần-tinh (người Pháp cũng gọi là ZÔNE ETHÉRIQUE cho nên khi ai chơi nghịch về mặt vẽ mà người ngủ cho hình-dung

khác hẳn đi thì đến khi linh-hồn đi chơi trở về sẽ không nhận được cái nguyên-xác nữa mà bay di lưu-lạc nơi khác. Giấc chiêm-bao, theo thuyết dự-doan ấy, tức là linh-hồn đi chơi về báo-cáo lại cho người ngủ biết những chuyện sắp xảy ra.

Người HY-LẠP xưa thì tin rằng có một ông Thần của Chiêm-bao, tên là HYPNOS, con của Thần Đêm, và anh của thần Chết. Thần này có tượng thờ trong các đền dài ở Sparte, là một chàng thanh-niên đẹp — trai nết mặt trầm-ngâm nghiêm-ngợi, trên vai có hai cánh, tay cầm một cành hoa phù-dung (hoa nhanh-piến). Vì vậy phụ-nữ Hy-Lạp thời xưa thường cầu khấn thần HYPNOS để ban đêm được chiêm bao thấy người yêu của mình, HOMÈRE, nhà đại Thơ-sĩ Hy-Lạp xưa, trong quyền Odyssée có kể chuyện nàng PÉNÉLOPE, cô vợ trẻ đẹp của ULYSSE, lúc chàng đi vắng xa, nàng ở nhà đêm ngủ thường có hai vị Thần chiêm-bao : một vị báo những tin hung-dữ của chàng để cho nàng buồn lo, một vị báo những tin đẹp để cho nàng vui mừng và kiên nhẫn đợi chồng.

Các nhà Triết-học LA-TÍNH chia ra hai phái : Phái của

CICÉRON trong quyền sách « Nói về chuyện I'hần-Tiên », công kích nhà cầm quyền La-Mã hay căn cứ vào lời thầy bói đoán các giấc chiêm-bao, để theo đó mà trị quốc. Trái lại, phái LUCRÈCE, trong quyền « De Natura Rerum », tìm cách giảng-giải các giấc chiêm-bao, gần như khoa-học. Ông cho rằng Lương-tâm của ta là tiêu-biều cho đạo-đức, còn chiêm-bao là tiêu-biều cho tội-lỗi. Thi dụ ban ngày ta thấy người con gái đẹp, ta muốn được lấy người đó, nhưng lương-tâm không cho ta lấy. Đó là đạo-đức thắng tội-lỗi. Nhưng ban đêm ta ngủ, thura lúc Lương-tâm ngủ mê, Chiêm-bao hiện ra cho ta lấy người con gái đẹp, và tha hồ khoái-lạc với người ấy : đó là tội-lỗi thắng lại đạo-đức, hay là Chiêm-bao là ông Ác lén làm những chuyện mà Lương-Tâm là ông Thiện không cho làm.

Như chuyện mình nằm chiêm-bao trúng số độc-dắc, có thè giảng theo thuyết của Lucrèce, nhà Triết-học La-tinh, như trên : ban ngày mình ham thích trúng số độc-dắc nhưng không được. Thì ban đêm, thura lúc tinh-thần của mình ngủ mê, ông Thần Chiêm-

bao lên về đem đến cho mình và số độc-dắc an-ủi mình.

Nói một cách khác thí dụ như thấy một cô gái đẹp, anh muốn lấy cô ấy mà không được, vì lương tâm của anh không cho, hay vì Mình mếu-mão không chịu. Nhưng anh không vội thất-vọng. Vì anh đợi đến ban đêm, lúc mình ngủ say, và Lương-tâm của anh cũng mê ngủ, thì Chiêm-bao sẽ dẫn cô gái đẹp kia đến với anh, để « an-ủi » anh, cho anh được tự-do thỏa-mản cá-thèm muốn mà ban ngày anh không được hưởng.

Bà Tú nghe đến đây liền đưa hai ngón tay vót nhọn của bà, ngắt khẽ vào dùi ông Tú. Ông Tú la :

— Áy ! Đau, Mình !

— Ai biếu Mình đang nói chuyện Chiêm-bao cho em nghe rồi mình lại xen chuyện cô con gái vào ?

— Anh giảng - thuyết Chiêm-bao của Lucrèce cho mà nghe, chờ bộ !

Ông Tú vùng-vằng đứng dậy :

— Thôi, Anh không thèm giảng nữa đâu !

Bà Tú lật-dật năn-nỉ chồng, vì mỗi khi ông Tú giận-dỗi là

bà Tú vội vàng mơn-trớn ông và
c-bé ông. Bà kéo ông nằm xuống,
bà hôn chỗ bà ngắt lúc nãy,
đè đèn lại, rồi dỗ ngọt ông :

— Mình nói tiếp chuyện chiêm
bao cho em nghe đi, Mình ! Mình
nói các chuyện chiêm bao trong
lịch sử đi.

Ông Tú hốt giật, ngoan ngoãn
chiều vợ :

— Trong lịch sử, nhiều chuyện
chiêm bao kỳ thú lắm, Ai đã đọc
sử của Đế Quốc La mã đều nhớ
chuyện vị Hoàn đế độc tài SYL-
LA, một đêm năm mêt thấy Nữ
Thần Parques gọi ông về cõi chết.
Tinh dậy, vua kè điềm báo mộng
cho các triều thần nghe, rồi truyền
đem giấy bút cho vua viết lời di-
chúc. Viết di chúc xong, đêm ấy
ông bị một cơn sốt rét kinh-khung
và sáng hôm sau ông chết thật.
Hoàng đế độc tài JULIUS CE-
SAR bị ám sát cũng được điềm
báo mộng cho vợ là Hoàng-hậu
CALPURNIA biết trước một
ngày. Hoàng-hậu MARIE DE
MÉDICIS của Pháp năm mêt thấy
chồng là Vua HÉNRI IV bị ám
sát, quả nhiên cuộc ám-sát xảy ra
ngày hôm sau. Nhà sử-học có
danh tiếng của Hy - Lạp là
PLUTARQUE, có kè chuyện :

* Simonide đi đường gặp một

xác chết bỏ bên lề đường. Ông
thấy tội-nghiệp, liền mượn cuốc
đào lỗ chôn giùm. Sáng hôm
sau, ông định lên tàu thủy đi
Ai-cập. Đêm ấy, ông nằm
Chiêm-bao thấy xác chết hiện hồn
về xin ông sáng hôm sau đừng lên
tàu, để đi chuyến khác. Ông
nghe lời theo giấc Chiêm-bao và
hoãn cuộc hành trình. Hai ngày
sau ông được tin chiếc tàu kia
bị chìm giữa biển », Phó-Vương
DE SAINT RÉMY cai-trị đảo
SARDAIGNE, gần nước Ý,
một đêm năm chiêm-bao thấy
binh dịch-tả ngoại quốc truyền
nhập vào đảo. Sáng hôm sau quả
nhiên có một chiếc tàu buôn
Ấn-dô định ghé Sardaigne. Ông
vội-vàng truyền lệnh đuổi chiếc
tàu đi ngay, cấm vô bến. Chiếc
tàu phải túc-khắc trực-chỉ sang
Marseilles. Hôm sau hải-cảng
Marseilles bị binh dịch-tả, có
hàng ngàn người chết, do chiếc
tàu buôn Ấn-dô « nhập-cảng »
vào mấy người hành-khách đau
binh dịch-tả dưới tàu... Bây
giờ anh kè cho Mình nghe giấc
Chiêm-bao của NAPOLEON...
Đêm 3 tháng Nivôse Pháp-quốc
Cộng-Hòa năm thứ IX, tức là
24 - 12 - 1800, Napoléon ngồi
trong xe song-mã đến xem hát

tại rạp Opéra. Vì ban ngày Ông làm việc nhiều quá, và tiếp khách đông quá nên lúc ngồi xe ông thiu-thiu ngủ. Ông liền thấy một điểm Chiêm-bao ông đang cầm quân đánh trận trên một chiến-trường Ý, gần đèo Tagliamento. Ông nghe rõ ràng tiếng súng đại bác bắn ầm ầm. Bỗng có tiếng kêu ông : "Bệ-Hạ bị một trái phá ! » Rồi kế tiếp là một tiếng nổ rền trời ngay cạnh ông. Ông dứt mình tĩnh giấc, ngồi né qua một bên xe thì quả nhiên một phút sau đó một trái mìn nổ ngay cạnh bánh xe song-mã của ông, do một kẻ định mưu sát ông lúc xe vừa quẹo ra đường Saint-Nicolas. Napoléon thoát chết nhờ điểm Chiêm-bao trên xe song-mã, trước đó một phút mà thôi !

— Những chuyện chiêm-bao lạ-lùng ấy có thật, hả Minh ?

— Sao lại không có. Chớ Minh tưởng anh bịa đặt ra à ? Minh lại tủ sách, kiểm quyền *Histoires Napoléoniennes* của Frédéric Masson ra mà đọc. Và đây, là bài thơ bốn câu của Thi-sĩ VOLTAIRE làm trong giấc chiêm-bao...

— Chiêm-bao mà làm thơ ?
— Thế mới là tuyệt ! Theo

chính lời của Voltaire thuật lại thì hôm ấy một người bạn cũng làm thơ như ông, đến nhà chơi, đọc cho ông nghe một bài thơ hay lắm. Tối ông ngủ, nằm chiêm-bao thấy ông làm bài thơ để khen người bạn, như sau đây :

*Mon cher Touren, que ta
m'enchantes,
Par la douceur de tes
accents !
Que tes vers sont doux et
coulants,
Tu les fais comme tu les
chantes !*

Thi-sĩ Voltaire dứt mình tưng dậy, nhớ lại rõ bài thơ của mình làm trong giấc chiêm bao, với vàng lấp bút chép liền trên giấy. Bài thơ này, trong quyển «Nhật-Ký» của bà DE STAËL, Nữ-sĩ và là bạn thân của Voltaire, cũng có chép với mấy lời thuật lại của Thi-sĩ.

— Minh giáng bốn câu thơ đó cho em nghe đi !

*Touren, bạn khéo mè hồn ta,
Em dứt lời thơ, đứt
thuyết tha !
Lưu-loát mỗi văn và mỗi
chữ,
Ru-dương như khúc diêm-tinh ca !*

— Bà Tú thích quá, hôn trên môi ông Tú ngọt lành, rồi âu yếm nhìn ông :

— Em ghét cái miệng của Mình quá.

Bỗng có tiếng gõ cửa phòng khách. Ông Tú cười :

— Ông Thần-Tài của Mình đã đến gõ cửa nhà ta đó !

Bà Tú cười khúc khích. Ông Tú tưng-tưng :

— Mình ra mở cửa đón ông Tiên nhảy dù của Mình đến đó. Đề cho anh ngủ một tí. Nếu

có điểm chiêm - bao giờ thì anh sẽ kè cho mà nghe.

— Nhưng mình phải hứa với em là Chúa-nhật sau Mình nói tiếp chuyện Chiêm-bao cho em nghe cơ ! Chuyện Chiêm - bao trong lịch-sử Văn - chương, và khoa học nữa nhé ?

— Hứa rồi.

— Chồng em ngoan lắm ! Thôi, Mình ngủ đi !

Bà Tú hôn chồng, rồi đứng dậy ra phòng khách. Ông Tú đã nhắm mắt ngủ khò khò . . .



★ TRÊN XE TAXI

Một hôm Đại tướng Clark (Mỹ) mặc thường phục, thuê xe taxi dạo phố. Tài xế taxi chạy nhanh quá, đến đèn đỏ lồ tròn vượt qua, luôn. Cảnh-sát huýt còi. Xe ngừng. Cảnh-sát đến gần, xứng xô với tài xế :

— Nè, liệu hồn nhé ! Chú mày mù hay sao không thấy đèn đỏ ?
Đưa giấy béc-mi ra coi !

Cảnh sát ngó khách ngồi trong xe, vội vàng chào :

— Xin chào đại tướng Clark.

Rồi quay lại tài xế, anh bảo :

— Thôi, khỏi phải trình giấy. May phúc chú mày vì có Đại tướng Clark ngồi trong xe nên tôi tha cho chú mày lần này, nhưng lần sau sẽ phạt gấp bội, biết chưa ?

Tài xế taxi mừng quỳnh đập ga cho xe chạy, rồi quay lại cười với người khách lạ mà y không biết là ai :

— Cảnh sát tướng ông là Đại tướng Clark thiệt chói ! Bộ ông giống Đại tướng Clark lắm sao ?

Rồi anh ta cười hả hả, không ngờ ông khách lạ chính là Đại tướng Clark.

Lê-công-Thịnh (Daikei)

(Theo báo Life)



LÂY CÔ VỢ ĐẸP

★ GIA-HƯNG-BẠC



Gần đây, nhà bác
Hai Trí ở xóm nhà
thờ bỗng nhiên
tưng bừng nhộn
nhịp lạ !

Chiều chiều, cơm nước xong,
trai trong xóm không hẹn mà lại
gặp nhau tại nhà bác để tán tỉnh
vui cười sau một ngày mệt nhọc
vì công việc đồng áng. Nhưng,
nhà bác Hai đâu phải là một
phòng trà thất hoặt một gian hàng
giải trí lành mạnh... thì có những
gì để mua vui ? Thế mà họ vẫn
đến đều đẽ và xem thường sông
sâu, đồng rộng ; những trò lục
của thiên nhiên.

Hầu hết những người đến nhà
bác Hai là đàn ông góa vợ, đàn
ông có vợ mà lại còn... hão ngọt
và con trai chưa vợ. Họ đều nhà
bác để xem con gái của bác vừa
ở chợ về.

Thêu, con gái thứ của bác
Hai tuy sanh trưởng ở đồng quê
và thuở bé cũng hái rau, bắt ốc,
móng tay móng chân đóng phèn
vàng lườm. Nhưng lớn lên bác
cho nàng theo người bà con ở
chợ và sau đó nàng có chồng Sĩ
quân trong quân đội L.H.P. Vợ
chồng ăn ở với nhau vừa được
ba con thì chàng tử trận. Ít lâu
sau nàng lại tái giá làm lẻ cho
một ông Sĩ quan khác và kết quả
của mối tình vụng trộm đó, nàng
đã sanh thêm được một đứa con
nữ song chẳng bao lâu đứa bé
 ấy lại sảy đi.

Mà không. Đứa bé ấy sày đi không phải là duyên có dề cho keo rã, hờ tan, chấm dứt cái kiếp lấy chồng chung của Thêu, mà là vì bà vợ chánh thức của ông Quan đó ghen dữ quá, cho nên một hôm nàng bò ông, lặng lẽ bế ba con riêng trở về nhà cha ruột dùm đậu may và để nuôi miệng và nuôi con. Và dù là gái bốn con chó giờ đây nhan sắc của nàng cũng được biết bao đòn ông con trai trong xóm Nhà thờ thèm... nhều nước miếng !

Họ đua nhau đến nhà bác Hai để khoe cái bộ đồ py-da-ma bằng vải chăn-dầm đen láng mướt, để khoe cái đầu rẽ bảy ba thằng bằng ướt rượt bờ-ri giãn-tin hoặc khoe tiếng nói giọng cười duyên-dáng hầu được người dẹp chú-ý.

Một cái liếc mắt, một cái mím cười của Thêu cũng làm cho họ nở phòng cái lỗ mũi !

Trong số người đến đây để đua tài, tranh sắc, có một chàng thanh niên nồng dân tuổi vừa đôi mươi, hiền lành vặm-vỡ, tỏ ra si tình người góa phụ trẻ dẹp kia đứng bức, chàng ta tên là Năm.

Ngoài việc chải dầu gò gầm, đánh quần đánh áo, đến «lấy-le» với Thêu mười bùa không lỗi một, Năm còn chứng minh cái lòng ái mộ vô biên của chàng bằng cách xả thân giúp đỡ người quả-phu bắt cứ công việc gì dù khó khăn, nặng nhọc. Nhưng dù nặng tình như vậy chứ chàng tuyệt nhiên không dám hé môi nói với Thêu một lời nào cả ! Riêng Thêu nàng cũng vẫn đã biết lòng chàng qua kinh nghiệm cuộc đời, lớn tuổi của mình song nàng chỉ thỉnh thoảng nhoẻn miệng cười với chàng thôi.

Những người đòn ông lớn tuổi đã có vợ con, đã hiều biết qua vấn đề tình ái họ nhìn Năm bằng đôi mắt vừa thương hại, vừa hóm hỉnh.

Họ khác hơn Năm ở chỗ họ dạn - dĩ, phóng túng hơn, họ dám đường hoàng bắt chuyện với Thêu, họ có thè tò tình với nàng một cách đột ngột mà không ngượng miệng, nhưng họ không thè hạ mình đi làm công không cho nàng mặc dù trong thâm tâm họ cũng muốn chinh phục quả tim của nàng.

Đối với Năm, sự vụng về, non nớt của chàng là một cái đê-

tài dè cho họ làm duyên trước mặt người đẹp. Họ hỏi chàng :

— Năm à ! Giả-tỷ mày thương cô dó, mày muốn cho cô biết là mày đã thương cô thì mày làm sao ?

Năm bối rối lắc đầu :

— Hồng biết à !

Họ cười ầm lên trước lời thành thật ấy, và khi dứt tiếng cười, một người trong bọn họ bỗng hỏi kẽ vừa vắn nạn Năm :

— Thì làm sao hờ anh Chín ?

— Thì ban đầu mình nói xa xa... sau đó mình lại nói gần gần...

— Nói xa xa là nói làm sao ?

— Là mình hỏi cô : Chẳng biết bây giờ bên Tàu ... chêc ăn cháo chưa há ?

— Còn nói gần gần ?

— Là mình nói ; Cô ơi ! cho tôi ... hôn một cái !

Năm cũng cười, nhưng chàng cười có vẻ ngượng ngùng, bén lèn, vì chàng vừa chợt hiểu là họ đã... xỏ khéo chàng. Trong khi đó, bọn họ cười ồ lên muốn bẽ cái nhả, cười lăn cười lộn và càng trông thấy cái vẻ ngây-ngó của Năm, họ lại càng cười, cả Thêu nàng cũng bật cười thành tiếng khiến cái thằng cha vừa nói lên câu chuyện khôi hài trên nò gan nò ruột quá xá !

Nhưng họ làm sao biết được tuy là Thêu cười khi nghe qua câu chuyện khôi hài ngộ nghĩnh đó song cái cười của nàng chẳng phải dè tán thường sự duyên dáng dễ yêu của họ mà trái lại nếu ai tình ý so nhận thấy qua đôi mắt của Thêu, nàng vừa nhìn gã thanh niên có dáng điệu lơ-mơ đó với vẻ mến yêu và thương xót !

Có lẽ nàng đã nhận được sự tàn nhẫn của những người đàn ông lớn tuổi đối với chàng con trai còn trinh bạch như trang giấy trắng.

Bản chất thơ ngây, lành mạnh của Năm đâu phải là một sự xấu xa, đâu phải là một việc tội lỗi thì quả là chẳng nên cười cợt, mai mỉa, ngược lại phải được yêu thương mới xứng đáng hơn ?

Chàng đã yêu với một tâm hồn giản dị, một sự rung động chân thành, không gò bó, trói ép, không mạnh khéo, thủ đoạn dâm lung-lạc, chinh-phục đòn bà con gái.

Với chàng tự-nhiên là trên hết và sự tự-nhiên đó chắc chắn sẽ mang lại nhiều sinh thú đối với những ai đã được chàng chú ý.

Người đòn bà bốn con như nàng, những lời đường mật ngọt

ngào, những cách âu-yếm mơn man, nàng xem đồ có khi là màu mè, giả-dối, tạm bợ trong chốc-lát của những kẻ rắp tâm ngắt hoa hái nhụy, nằng-niu hun hít cho biết mùi, biết sắc.

Sự so sánh hơn thiệt đó, sự phân tích tình lý đó đã khiến Thêu nghiêng hẳn cảm-tình của nàng về phía người con trai hiền-lành, chơn-chát của xóm Nhà-thờ đang yêu nàng với một tấm lòng tự-nhiên nhưng nhiều thiện thò e ấp ! ..



Mùa hạn này, sau mấy ngày liền giúp cát nhà cho Thêu. Một buổi chiều êm đẹp của đồng-quê, khi cửa nhà đã hoàn tất. Thêu sẽ liếc đôi mắt biếc nhìn Năm dường bao vẻ biết ơn, nàng hỏi chàng :

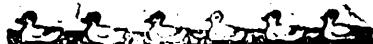
— Cậu Năm, cậu muốn vợ hôn tôi làm mai cho ?

Chàng con trai gật đầu ấp úng :

— M...u...ă...n !

Thêu mỉm cười :

— Tôi nay 9 giờ cậu đến đây tôi làm mai cho nhé. Ngộ làm!



★ THỊT CHUỘT VÀ THỊT CHÓ

Con chó hỏi con mèo :

— Thịt chuột hôi rinh, sao mà thích ăn thế ?

Mèo hỏi lại chó :

— Thế sao thịt của anh cũng hôi rinh mà người ta cũng ăn được ?

HĀO-A (Gò-Vấp)

— Ai đó ? Ở đâu chí ?

— Thủ cứ đến rồi sẽ biết mà !

Đúng hẹn. Năm đến nhà Thêu. Nàng chỉ cho chàng cái mùng phía trước, kín đáo bảo :

— Cậu chun vào đó mà ngủ, chốc nữa tôi làm mai cho.

Nói xong, Thêu quay vào trong đỗ con ngủ bỏ mặc Năm nằm một mình vắt tay lên trán với bao ý-nghĩ pháp-phỏng, rộn rã cho việc sắp tới.

Và đêm đó khi ba con đã ngủ yên giấc, bà mai giờ mùng chang chun vô... .



Cái tin Thêu và Năm sắp làm phép Hôn phối được cha sở rao trong ngày Chúa nhật vừa qua đã khiến cho cả xóm Nhà thờ và các xóm lân cận đều chưng hửng, chưng hửng là không ai dè cái chàng thật thà hiền-hậu thế mà lại tốt số lấy được người vợ đẹp thế, trong lúc bao nhiêu kẻ thèm thường ước muốn mà không được !

THÈN

Đường về quo ngõ tối
Em khẽ nắm tay tôi.
Tôi nhìn em bối rối
Qua khoé mắt làn môi
Vẫn vê tú áo mới
Em khẽ bảo cùng tôi
Ước gì đừng chóng tôi
Nhà của em hay tôi
Đường về dài mãi-mãi.
Dài đến tận cuối trời,
Tôi nhìn em mãi nói
Vô vân một nụ cười.
Nhưng em chưa biết tôi
Vẫn nói mãi không thôi.
Em mong ngày tháng tôi
Em sẽ về cùng tôi
Chung xây cuộc đời mới,
Mưu hạnh phúc lứa đôi
Lâu bền và mãi mãi,
Đời em và đời tôi
Được luôn-luôn tiếp nối.
Em bỗng ngước nhìn tôi,
Thấy tôi nhìn em nói
Và bỗng quay mím cười,
Như riếu em trong tôi.
Nhưng tôi vẫn cười hoài
Khiến em liền giận dỗi,
Giả bộ ngước nhìn trời.
Và em thôi chẳng nói,
Lại chẳng muốn trông tôi.
Tôi khẽ kéo em tôi,
Và đặt nhẹ lên môi,
Nhưng chiếc hôn nồng cháy
Của tình yêu lứa đôi.
Em thận thùng bối rối,
Ngã mình vào tay tôi,
Và lặng yên không nói...
Nhưng rung động đôi môi !

KIM-CHƯƠNG (Huế)



* GIEO GIÓ GẶT BẢO của BÌNH-NGUYÊN-LỘC

(Nhà xuất-bản Bến-Nghé)

Một quyển tiểu-thuyết dài nói lên nỗi đau-khổ của một cô gái đáng thương bị âm-mưu đưa vào cảnh làm bé mọn trong một gia-đình hiền con. Với lối kể chuyện duyên dáng hấp dẫn của nhà văn Bình-nguyễn-Lộc, đọc giả cảm thấy vui-vui khi đọc đến trang cuối — Dày 279 trang — giá 58đ.

* Bán Nguyệt-San TÂN-PHONG do BẢO-SƠN chủ trương.
(Tòa-soạn 217, Lê-văn-Duyết — Sài-gòn)

Giai-phẩm văn-nghệ ra ngày 1 và 15 mỗi tháng. Với sự cộng tác của các văn thi-sĩ: Nguyễn-thị-Vinh, Linh-Bảo, Trường Hùng, Duy-Lam, Bình-nguyễn-Lộc, Vũ-hoàng-Chươn, Bàng-bà-Lân, Nhật-Tiến, Phượng-Khanh, Tô-Hoàng v.v...

Số đầu phát hành đúng ngày 20-8-59. Phổ-Thông thâ-chúc bạn đồng-nghiệp mạnh tiến trên đường phục-vụ Văn-hóa.

* THƠ VỀ MẸ của KHANG-LANG.

Thi phẩm gồm 27 bài, tập hợp các thể thơ từ - tuyệt, ngũ-ngón, lục-bát, thơ tự-do v.v... Một tập thơ, hay nói đúng hơn đó là những dòng chữ đầy nước-mắt của người con bị mất mẹ. Có nhiều nguồn cảm-mối lạ, nhiều bài chứa đựng ý tứ thâm-trầm. Bìa trinh bày mỹ-thuật — Dày 49 trang.

* NHỮNG CÁNH THƯ HÈ (Lettres de mon moulin).

Nguyên văn của Alphonse Daudet, do Lưu-Bằng dịch.
Loại sách song ngữ (Pháp và Việt văn). Một tác phẩm cho

học-sinh trong các trường trung-học. Lời dịch lưu-loát —
Sách dày 95 trang. Giá 20 đồng.

★ **Giai phẩm TIN-YÊU, chủ trương biên tập Việt-Kim và
Hoài-Nguyên.**

Giai phẩm xuất-bản không định kỳ, do ủy ban văn-hóa Ty
Thông-Tin Đà-Nẵng ấn-hành. Với sự cộng-tác của các văn-
nghệ-sĩ ở Đà-Nẵng. Số đầu phát-hành vào trung tuần tháng
7 năm 1959. Giá mỗi số 8 đồng. Nhiều bài có giá-trị.

★ **BUỚM LẠC RỪNG XUÂN** (thơ của Nguyễn-xuân-Tú và
Hà-li-Hải. (Nguyễn-Hà xuất-bản)

Thi phẩm gồm 21 bài với những lời thơ êm đềm chải
chuốt — In đẹp — Dày 35 trang



★ **DANH-NGÔN**

Những tình yêu đầu tiên cũng như những cái răng non : nếu nǎ
đau, nó không đau lâu.

(Les premières amours sont comme les premières dents. Elles ne
font pas souffrir longtemps).

SIMONE

Ai tín

Rất đau xót được tin Cụ TRẦN-VĂN-KÉP, Giáo-học
hưu-trí, là thầy học cũ của tôi, đã từ-trần ngày 24-7-1959 tại
Vĩnh-Điện Quảng-Nam, hưởng thọ được 66 tuổi, tôi xin kính
lời phán-uru cùng cụ Bà và tang-quyến, và xin thành tâm cầu
nguyện cho Vong Linh Thầy được an vui nơi cõi Thờ.

Ai niệm :
NGUYỄN-VÝ



**Truyện dài của cô VÂN-NGA
(Tiếp theo P. T. số 17)**

Đàn ông nói đến chữ quên thì dễ lắm, chứ đàn bà trời sanh ra giống nặng tình cảm, nào phải quên được dễ dàng!

Tôi choáng váng cả mặt mày, vén tay ngồi ngay xuống ván ngựa. Một bàn tay ấm áp đặt trên vai tôi và tiếng nói an ủi của Thanh, bạn tôi, đưa vào bên tai tôi:

— Chị hãy bình tĩnh, dù sao cũng chờ tin tòa xét xử...

Chin Miên bỉu môi, lắc đầu:

— Chiến tranh không nói đến công lý, đừng chờ ở một phép lạ, vô ích!

Nhưng Thanh đã mắng át Chin Miên:

— Cậu tàn nhẫn lắm. Cái tư cách con người cậu là khêu gợi thêm sự đau khổ nơi lòng kẻ khác à? Xin cậu bước ngay đi cho!

Chin Miên tức giận hầm hầm bước xuống đò, đi thẳng. Tôi vịn vai người bạn gái và buông ra những tiếng nấc nở:

— Chị ơi tôi khổ lắm!..

Thanh bảo tôi:

— Phải cố thắng lấy lòng, dù bây giờ có than khóc chí mấy thì sự đã rồi. Chị nên đi với tôi ra tỉnh để hỏi thăm lại mọi việc cho rõ ràng: anh Thanh trong trường hợp nào? Người ta lấy cớ gì buộc tội anh là Việt gian? Lối xử án của Tòa án Nhân dân ra sao? Anh ấy có hy vọng gì minh oan được không? Chứng ấy, mình mới liệu được, chứ với gì đã tin ngay lời nói của Chin Miên.

Tôi vội vã, sửa soạn ra chợ Rạch-gia, nhưng gấp may, liền đó có đò đưa anh Ka-vang và anh Thủc vào. Nhìn nét mặt quan trọng của hai anh, tôi biết ngay tin dữ khi nãy là thật, vội hỏi:

— Chuyện gì đã xảy ra vậy, hở hai anh?

Thúc đưa mắt nhìn bạn đang ngắn ngủi và bảo:

— Chị cũng nghe tin rồi?

— Phải, anh Thanh có sao không?

— Thanh với bốn người nữa là : Tám Long, anh của anh ấy, và các anh Lê Hiền, Kim, Điều, đã bị quốc gia tự vệ cuộc đưa về Sóc-trăng rồi. Nói cho đúng, đây là một cuộc bắt lén mà người ta đã tổ chức sẵn từ trước.

— Ủa, sao lạ vậy ? — Thành hỏi chen vào.

— Phải, họ đã bắt lén anh Thanh ngay trong khi các đoàn thể bỏ thăm bầu người Phó chủ tịch tỉnh bộ Việt-minh. Bọn của anh Tiếng biết ngay ai sẽ được nên đã lừa Thanh lên xe mà chờ đi. Chúng cho một người bạn xưa của Thanh là Cẩn, con của Tư Dụng là một điền chủ quen lớn với gia đình ông bác sĩ, đến mời Thanh đi hội nghị, Thanh tin bạn và bị Cẩn chờ ngay về trụ sở quốc gia tự vệ cuộc. Nơi đây, người ta liền giải Thanh và bốn bạn về ngay Sóc-trăng. Sau đó, Ủy ban Nhân dân đóng ở Minh Lương hay tin được, tức thời cho trung đội vũ trang ra chặn bắt chiếc xe kia lại. Nhưng xe kia đã chạy lướt qua rồi... Anh Luận, chủ tịch Ủy ban Nhân dân gọi giày nói về chợ Rạch-giá trách anh Tiếng, chủ tịch Ủy ban kháng chiến đã làm việc sai nguyên tắc. Anh Tiếng chối là vừa mới hay được rằng mấy người bắt anh Thanh là nhân viên đặc vụ của Thành-trà Quân sự Miền Tây...

— Họ làm việc gì kỳ cục vậy ?

Dù là ai chẳng nữa mà muốn bắt người cũng phải cho nhà cầm quyền sở tại hay chứ ?

— Còn nhiều chuyện nói ra đau lòng lắm, thí dụ như Thành-trà Quận sự Miền Tây đã chia súng vào chủ tịch Ủy ban Nhân dân để vét tất cả vàng của tuần-lễ vàng...

Tôi liền hỏi thêm :

— Nhưng người ta本科 tội anh Thanh như thế nào ?

— Có ý làm phản. Ông trù vũ khí để chống lại chính phủ. Người ta bắt thính linh đến, túrott khí giới của đoàn Cảnh-tử, bắt giam nhiều cán bộ nơi khám Rách-giá, và lục xét trụ sở từ tung. May là chúng tôi đi công tác nữa đường, được tin cho hay nên quay trở vào đây.

Tôi thở ra, ngao ngán cho số phận của các anh :

— Bây giờ hai anh định làm gì ?

— Một mặt chúng tôi đi Sóc-trăng dò hỏi tình hình của các anh bị bắt bên ấy, một mặt nữa lên về chợ Rạch-giá nghe ngóng tin tức của đoàn. Bây giờ chỉ đã được tin rồi, chúng tôi phải đi liền.

— Hai anh thường gởi tin cho tôi nha...

Ka-vang và Thủ gật đầu và nói :

— Điều ấy chị khỏi dặn, và chúng tôi xin đặt ngay trạm liên lạc ở đây.

Hai anh đã đi rồi đến chiều
thì những người làng tôi đã
gia nhập đoàn anh Thanh, lục
đục trở về. Chúng tôi đón
hỏi tin và được họ cho biết :

— Ủy ban Kháng chiến cù
người chỉ huy mới đề thay thế
anh Thanh, và có hứa hẹn sẽ
cấp phát cho đoàn viên những
áo quần, tiền bạc, vỏ khí hàn
hỏi. Máy chỉ phụ nữ liền hỏi :
« Anh Thanh đã dạy chúng tôi
đủ cách đánh du kích rồi như
còn thiếu một cách lừa dối cho
người ta đi hội nghị để bắt
cóc mà thôi. Có lẽ anh sẽ chỉ
biết cho điều ấy chứ ? »

Nghé mấy anh nói vậy, chúng
tôi liền hỏi tiếp :

— Nay giờ ai chỉ huy đoàn
Cảm tử ?

— Đoàn tự ý giải tán. Người
ta đã làm khi coi thường uy
tin của một người, và việc bắt
lén anh Thanh tuy coi nhỏ
nhưng ánh hưởng rất nặng.
Người ta tưởng có thể đem
tiền bạc, lợi lộc ra để mua
chuộc chúng tôi, nhưng không
phải thế, chúng tôi muốn
phụng sự cho Đất Nước và Dân
Tộc chứ chẳng dầu lụy một cá
chân hạy bè phái nào. Anh
Thanh không bà con cậu ruột
gi với chúng tôi, và chúng tôi
sống với anh một cách hết sức
đạm bạc, thế mà chúng tôi mến
phục anh ấy vì biết rõ anh
không vì hư danh, tư lợi mà là
thật tâm tranh đấu cho lẽ phải

và cho chính nghĩa. Chúng tôi
rất buồn lòng phải giã từ
đoàn, mỗi người đi riêng rẽ
mỗi nơi. Nhưng sau anh Thanh
được trả về và kêu gọi lại thì
dù ở xa xôi mấy chúng tôi
cũng lại tụ về đủ mặt.

Trong những lúc đau khổ
như thế này mà được những
lời nói chí tình ấy, tôi cũng
thấy trong lòng có nhiều sự
phản khởi. Không biết giờ đây
Thanh ra làm sao ? Có bị người
ta hành hạ tàn nhẫn không ?
Cơm ăn có đủ no, đêm nằm có
đỡ lạnh không ? Người ta sẽ xử
anh thế nào ? Bao giờ thì anh
lại được thả về ?

Càng nghĩ đến anh, trong
lòng tôi càng bức rít, bồn
chồn không yên như chính
mình đã bị lâm vào cảnh khó.
Nhiều khi tôi ngưng làm việc,
đưa mắt buồn nhìn dăm dăm
về khoảng xa, lòng cảm thấy
trống rỗng và uể oải không
cùng...

Lúc đó, Thành bảo đưa cùng
tôi để cốt cho tôi khuây khỏa.

— Nhớ gì đấy, lại nhớ người
ở Sóc-trăng nữa à ?

Hạnh họa đưa theo :

— Đây cách Sóc-trăng cũng
chỉ nửa ngày xe, nhưng thật
là thiên sơn vạn hãi, kẻ đứng
bên này trông sang, người đứng
phía đó nhìn lại, tuy không thấy
bóng nhau chứ chắc nghe được
tiếng đập cửa đôi tim non cùng
nhau hòa hợp.

Dung lại nói :

— Tại sao người ta đem ảnh đi xa như vậy để chị Tư phải khổ lòng ? Theo em nghĩ nếu người ta giữ ảnh ở Giồng-riêng dày để cho chị Tư ngày hai buổi đội nón lá, xách gà-men cõm đi thăm ảnh thì chỉ còn cảm ơn họ nữa !

— Tại sao phải cảm ơn chứ ? — Hạnh hỏi móc.

— Vì anh chị mới được dịp tỏ tình nhau...

Tôi vụt cười xòa và phát nhẹ vào vai Dung :

— Ai mà nhớ ai đâu, em khéo nói vậy ! Chị mắc dòm coi ai đi bên sông kia.

Thanh cười :

— Nhớ hay không cũng chẳng hại gì, nhưng đừng ra vẻ rầu thùi ruột như vậy kém sắc đi rồi chứng ảnh về ảnh chê thì khổ hơn nữa...

Cách ít lâu có người ở Sóc-trăng về cho tôi hay các anh bị giam tại khám đường ở tỉnh-ly. Bị giam ở khám tíc là đã khỏi vòng điều tra của Quốc-gia tự-vệ cuộc. Mỗi tuần đều có Ủy-ban Điều-trá vào khám xem xét nếp sống của các phạm nhân và chấp nhận đơn khiếu nại. Anh Thanh đã mấy lần xin Ủy-ban đưa gấp vụ của anh ra Tòa.

Tôi vội hỏi người liên lạc nọ :

— Tòa án Nhân dân ở đây xử gắt lắm không ?

— Không, tòa xử công bình. Đó là nhờ trong số ba Ủy-

viên quyết định, có ông cha Phiên rất tận tâm bênh vực cho những kẻ mà Chánh-phủ không đủ yếu-tố để buộc tội.

— Vậy thì các anh chắc sẽ được tha ?

— Cũng là may rủi, vì khám đường thấy những ai nguy-hiểm thì tự ý thuyền chuyền xuống Cà-mau, mà người ra đi ít ai còn sống trở về, chứ không đợi hồ sơ của họ được gửi qua tòa.

Lại thêm một mồi gieo nặng vào cõi lòng đang ngồn ngang trăm mối tơ vò của tôi. Đã nhiều đêm, tôi âm thầm nhỏ lệ vì số kiếp lận đận của người bạn hứa hòn vừa quen biết, và luôn thè khóc cho duyên phận không may phải lỡ làng của tôi...

Đêm thôn quê buồn ảo nảo. Gió lạnh thổi lê thê ngoài hiên vắng. Lòng tôi rơi bời như những cánh lá khô rơi rầy rụng... Bên ngoài và cả trong tôi, hoang vu lạnh lùng !...

Ôi, nếu Thanh không về nữa ? Còn đau khổ nhất đời nào hơn là chưa được yêu mà tình yêu đã chết ? Chưa lấy chồng đã vội góa chồng ? Hoa xuân chưa nở một ngày mà nụ hồng đã héo tàn trong nắng úa !...

Một trót băng giá len vào trong chăn ấm làm tái tê cả tám hòn tôi. Tôi chỉ biết gục mặt xuống gối khóc thật nhiều... thật nhiều đến không còn nước mắt nữa để cho voi bứt cơn sầu mỗi lúc lại úa tràn trong tôi...

Nửa tháng sau, nhiều ghe tản cư ở Cần-thơ, Sóc-trăng, Bạc liêu tấp nập kéo qua vùng tôi. Người ta đồn đến một sự đồ bộ sắp tới của Pháp quân trên các tỉnh ấy. Tình hình càng ngày càng khẩn trương. Hai mươi mốt tỉnh Miền-Nam nước Việt đã bị chiếm hầu hết và dăm-ba tỉnh còn lại đang bị hăm dọa nặng nề.

Tôi càng lo sợ cho số mạng của Thanh hơn nữa. Tình thế khắp truong bao nhiêu thì cơ nguy đến gần cho Thanh và các bạn bấy nhiêu. Trong lúc hồi bâ trước một viên ảnh tối đèn, tòa có ánh sáng suốt nghe những lời biện bạch của các anh không?

Nhân mạng con người không còn nghĩa lý gì trước một sự hận thù cần phải trả rữa cho nhau. Tuy bắn giết đồng bào vô tội ở khắp các vùng chúng bố ráp, thi đồi phó lai, Quốc-gia tự vệ cuộc cứ đỗ trút cấm thù ấy vào đầu những người đã bị họ liệt vào hạng phản động. Không cần tòa án, không cần luật pháp, tiếng nói của sức mạnh và của súng đạn đã lấn áp lý trí cũng như tình cảm.

Sự oan ức của con người không còn thành vấn đề nữa, người ta tàn sát nhau với một yên tâm là đã làm một việc phải; thà chết oan chín mạng còn hơn thả làm một người.

Tôi hằng ngày vẫn nghe ngóng những tin tức từ Sóc-trăng đưa đến. Linh tản cư đã ban hành bên ấy. Châu thành đang chuẩn bị chiến lược vươn không nhà

trống. Các phố xá đều có dựng rơm lá trước cửa để chờ vào giờ chót sẽ làm mồi cho những giê lửa có tâm đầu súng.

Tỉnh thành Cần-thơ đã bị chiếm. Du kích quân đều rút về các vùng thôn quê, áng ngắt chặt chẽ trên những ngã đường về Sóc-trăng và Rach-giá. Đường bộ bị phá nát, tất cả mọi sự lưu thông đều phải dùng thủy lộ. Các đập cản trên các khúc sông quan trọng được dựng lên với sự tham gia của thanh niên làm việc hằng hái suốt ngày đêm và những trại kiềm soát được dựng lên cách năm ba trăm thước một chỗ,

Những tin tức hồi hộp tôi tấp liền-liền, nhưng những điều tôi muốn biết, muốn hiểu hơn gì hết thì lại tuyệt nhiên chẳng có. Không ai thấu rõ tình cảnh của những người tình nghi chính trị bị bắt về Sóc-trăng đã ra sao? Có người bảo là bị thủ tiêu hết rồi. Có kẻ lại nói hiện thời họ đang bị quản thúc tại một nơi nào đó ở Cà-mau.

(Còn nữa)

TÌM VIỆC

Học-sinh Pétrus-Ký, đứng đắn, hòa-nhã, đã có Tú-Tài (Toán), muốn Xin dạy & thực hành hoặc tư-gia từ đê Tú-trò xuống. Thay cho Võ-tặng-Thợ, 321, Lý Thái Tổ (Cholon), nhờ chuyên giao cho Hạnh.



(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

* **Nguyễn-Dức-Mến
Vỹ-Dạ — Huế**

- 2756.— Tiếc cây dao vàng dem
cắt cuốn và thảm.
Tiếc hòn son - phượng
đem ngâm ao bùn.
- 2757.— Tiếc thay cây quế giữa
rừng,
Đắng cay không ai biết,
ngọt gùn, không ai hay.
- 2758.— Tiếc tiền mua cá, cá trơn
Mua rau, rau héo, mua
người lồng lơ.
- 2759.— Tiếc đồn anh hay chừ,
Cho em hỏi thử một dối
lời
Ai đào sông cho cá lôi,
Ai chống trời cho chim
bay.

2760.— Tiếng đồn anh hay chừ
văn-chương.

Cho em hỏi thử : có trên
đường mấy cây.

2761.— Tôi đã biết vợ anh rồi,
Quần - quần tóc trán là
người hay ghen,

2762.— Tốt số lấy được chồng
chung,
Lương vua khỏi đóng,
áo chồng khỏi may.

2763.— Từ khi bước cảng xuống
thoảng,
Bao nhiêu sóng dợn
thương chàng bấy nhiêu?

2764.— Tôi ở cùng mẹ cùng cha
Mẹ cha nâng giấc như
hoa trên cành.
Bây giờ tôi ở cùng anh.

*Anh tham nhan sắc, anh
dành phu tôi.*

2763.— *Từ khi em về làm dâu,
Anh thì dặn trước bão
sau mọi lời :
Mẹ già dù lắm em ơi !
Nhìn ăn, nhìn mặc,
nhìn lời mẹ cha ;
Nhìn chờ nên cừa nêu
nhà
Nên kèo, nên cột, nên
xà làm vông ;
Nhìn cho nên vợ nên
chồng,
Thì em coi sóc lấy trong
cửa nhà.
Đi chợ thì chờ ăn quà,
Đi chợ thì chờ dàn dà
ở trưa,
Dàn ai bao đợi, bao chờ,
Thì em nói dối con thơ
em về.*

2766.— *Từ khi ăn phải miếng
trầu
Miếng ăn : mồi dỗ, da
sâu đậm chiêu
Biết rằng thuốc dân
hay là bùa yêu.
Làm cho ăn phải nhiều
điều xót xa
Làm cho quên me, quên
cha
Làm cho quên cả đường
ra lối vào
Làm cho quên cả dưới
ao
Quên sông tắm mai,
quên sao trên trời
Đất bụi mà new chim
trời,*

*Ông Tơ bà Nguyệt xe
dây, xe dộ nứa với ra dâu.
Cho nên cá chảng bén
câu,
Lợn chảng bén dâu,
chỉ chảng bén kim.
Thương nhau nên phải
đi tìm,
Nhớ nhau có lúc như
chim lạc đàn.*

2767.— *Tham giàu phu khổ ai
khen,
Đã như con cháu của
rạng mặt bóng đèn bay vô.*

2768.— *Tháng giêng là tháng ăn
chơi,
Tháng hai trồng đậu
trồng khoai trồng cà
Tháng ba thi đậu đã già
Ta đi ta hái về nhà phơi
khô.*

*Tháng tư đi tàu trâu bò
Để tơ săm sả làm mìn
tháng năm
Sớm ngày đem lúa ra
ngân
Bao giờ mọc mầm ta sẽ
vớt
Gánh di la ném ruộng ta
Đến khi lên mạ thì ta
nhò về
Lấy tiền mướn kẻ cày
lhuê
Cày xong rồi mới trở về
nghỉ ngơi
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng với mướt
còn độ mót hai.
Ruộng thấp đóng một gác
giai.
Ruộng cao thì phải đóng
hai gác sóng.*

- Chờ cho lúa có dòng
 dòng
 Bấy giờ ta sẽ trả công
 cho người
 Bao giờ cho đến tháng
 mười
 Ta đem liềm hái ra ngoài
 ruộng ta
 Gặt xong ta hái về nhà
 Phơi khô quạt sạch ấy
 là xong công,
 2769.— Thân em như cái bóng
 quỷ
 Ngó thời tốt歹, người
 thì không thơm
 2770.— Thân thơ dại bồng
 mai già
 Hồi thăm ông Nguyệt
 có nhà hay không?
 2771.— Thấy em đẹp nói đẹp
 cười
 Đẹp người đẹp nết lại
 cười rạng vàng
 Vì nên anh gởi thơ
 sang
 Tình cờ anh quyết lấy
 nàng mà thôi
 2772.— Theo nhau cho trọn
 đạo trời
 Dẫu mà không chiếu
 trãitoi mà năm
 2773.— Theo anh cho ấm tấm
 thân
 Khỏi qua non no khôi
 lần dèo kia
 2774.— Trước bờ thương kẽ
 ăn đồng
 Có chồng thương kẽ
 nằm không một mình
 2775.— Thuyền ngực hay là
 thuyền xuôi
- Thuyền về Nam Định
 cho tôi về nhở
 — Con gái chỉ nói ôm ở
 Thuyền anh chật chội
 còn nhở làm sao?
 2776.— Thuyền quyền uốn hối
 anh đảo
 Chữ tình chữ hiểu chữ
 nào nặng hơn
 2777.— Thương ngày đọc sách
 giảng kinh
 Hiểu trung trọn đạo,
 hơn chung tình đôi ta
 2778.— Thương người khác
 thê thương thân
 Ghét người khác thê
 đồ phán cho người
 2779.— Thương người, người
 chẳng thương ta.
 Muối kia đồ biền mặn
 đà có nơi
 2780.— Thương nhau cởi áo
 cho nhau
 Về nhà mẹ hỏi qua cầu
 gió bay,
 — Tại mẹ may áo rộng
 tay
 Con quén gài nút gió
 bay mất rồi
 2781.— Thương con heo nên
 chí cm mới đèo cột chuỗi
 Bởi con muỗi nén chí
 thiếp phải xồ mùng loan
 Tại vì chàng nên chí
 thiếp bị đòn oán
 Chàng ơi! chàng không
 tình thiếp đó!
 Thán phu thiếp đánh
 thiếp dẫu lần oan hagy còn
 (Còn nữa)

ĐÁP BẢN

BỐN

PHƯƠNG

★ BẠCH-YẾN

★ Cô Nguyễn thị Điểm Chi — đường Lê Lợi — Huế

1) Muốn đậu cử nhân trước hết phải có bằng Tú tài toàn phần rồi mới thi vào các trường Đại học.

2) Trong phạm vi nhỏ hẹp của mục này không thể trình bày đầy đủ về hai chế độ Dân chủ và Cộng hòa vì đó là một vấn đề khá dài. Chúng tôi sẽ đề cập đến trong một bài riêng.

3) *Thể vận hội* là tổ-chức vận động điền kinh chung cả thế giới (quốc tế). *A vận hội* là riêng của các dân tộc Á chau.

4) *Kinh đô hay Thủ đô* cũng thế, kinh đô theo nghĩa xưa là nơi nhà vua đóng đô, ngày nay đã mất ý nghĩa ấy.

★ Bạn Trần-d-Trung — Huế

Những bài vở gửi lại tòa báo chỉ viết một mặt giấy dù tiền việc kỹ thuật sắp chữ.

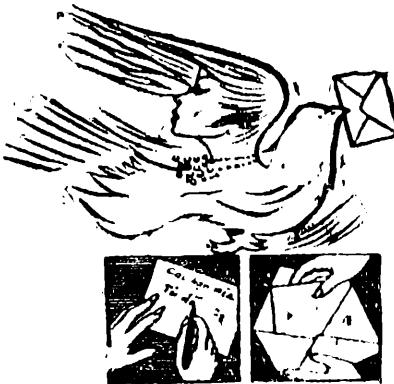
★ Bạn Băng — Văn — đường Nguyễn an Ninh — Vũng tàu Ông N.V. không có học trường Võ bị Thủ Đức!

★ Bạn Quang Trình — học sinh Kỹ Thuật — Sài Gòn

Không nên lấy bút hiệu của các nhà Văn sĩ thi sĩ khai hiện còn sống, hoặc đã chết.

★ Thượng sĩ Bùi Chánh Giáo — k. b. e : 8077

Ông nên làm đơn đến Cơ quan Hành Chánh nào đã cấp thẻ kiểm tra cho ông để xin sửa lại.



Cô Thu Văn -- Châu Đốc

Jamais : Không bao giờ

Phốt-tơ-đo-lết : Foster Dulles (tên của ngoại trưởng Mỹ và mới từ trần)

A-lê-húp-lần-xé : allez, húp ! lancez !

Bạn Vũ-xuân-Dung — học-sinh Trần-hưng-Đạo — Đà-Lạt

Không thể dựa vào bài «Tiền - xích - Bích» mà giảng nghĩa «Mỹ nhân» là ông vua được. Mỹ nhân chỉ có nghĩa là người đẹp mà thôi.

Bạn T.T.T. — Huế.

Chúng tôi sẽ cho đăng các bài «Học làm người» trong mục ~~xa~~ giao theo lời yêu cầu của bạn,

Bạn Nguyễn-hoàng-Quân — Sinh-viên — Huế.

Thành thực cảm ơn những ý kiến xây dựng của bạn.

Bạn P.C.T. — đường Trịnh-minh-Thé — Nha-Trang.

1) Leonardo da Vinci (Léonard de Vinci) : họa-sỹ, điêu-khắc-gia, kỹ-sư, bác học người Ý. Sanh tại Toscane năm 1452, chết năm 1515,

2) Các hiệu sách Sài-gòn không có bản quyền «Paradise Lost»

3) Các bản nhạc Symphonie danh-liêng nhất.

Symphonie héroïque, của Beethoven.

Symphonie pastorale, — Beethoven.

Symphonie tragique — Schubert.

Symphonie rhénane — Schumann.

Symphonie fantastique — Berlioz.

Symphonie alpestre, — Richard Strauss.

Symphonie italienne — Mendelssohn.

Faust - symphonie, — Liszt,

v.v. . . .

4) Chuyện trinh thám *The Hound of the Baskervilles* rất hay nhưng không thể nói rằng khay nhất từ trước tới nay. Điều đó tùy theo sự thường thức của mỗi người,

5) Vài tác phẩm nổi danh của Platon:

Về triết-lý : quyển *Apologie de Socrate* hay nhất.

Về chính-trị : quyển *La République*.

Về văn-nghệ : quyển *Le Phèdre et le Banquet* v.v.,

6) Bạn cứ gửi các chuyện ngắn ngoại-quốc dịch ra ~~VIA~~



Bìa in lại nhà in VĂN QUỐC CHOLON

Nó nụ cười duyên tươi nắng mộng

Nhà in Hoa - bìa sáp múa Hoa